

PETROSETCO

Chuyên tay - Chuyên tâm



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn,

Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 - 3911 7777

www.petrosetco.com.vn

Giấy chứng nhận ĐKKD số:

0300452060 - Nơi cấp: Sở KHĐT T.PHCM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

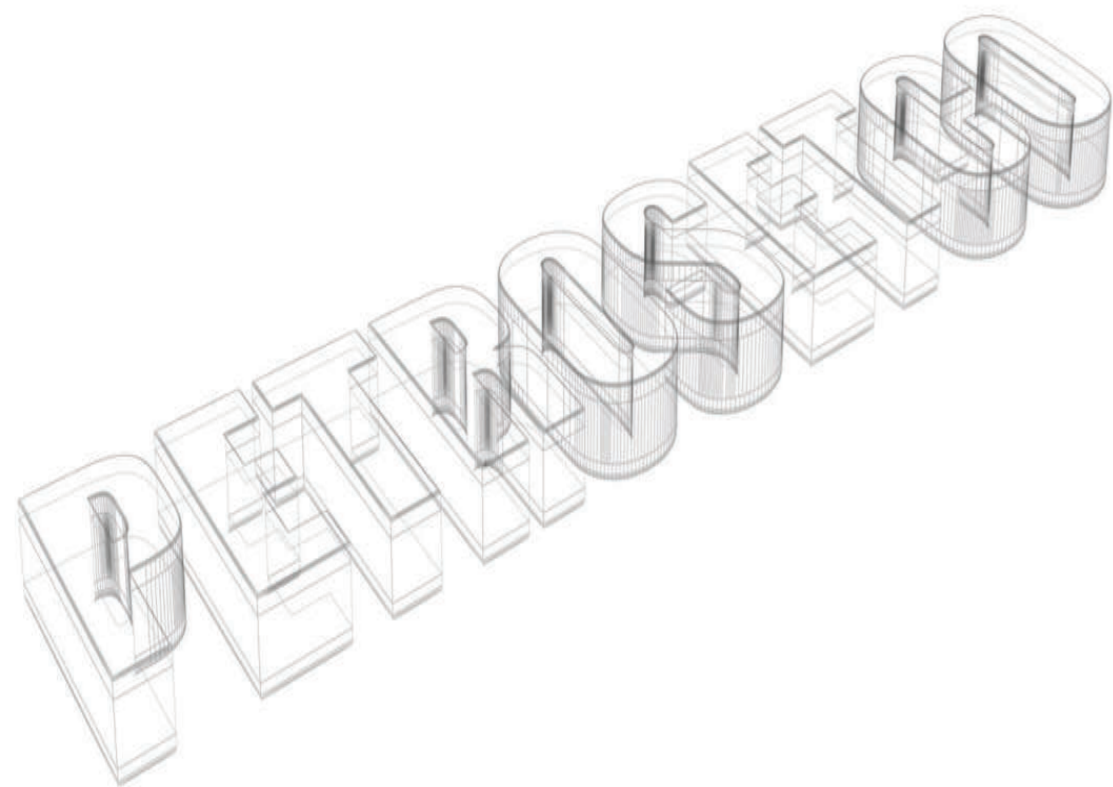
Mã chứng khoán PET

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



VỮNG NỘI LỰC
BẬT THÀNH CÔNG

Báo cáo thường niên 2019



MỤC LỤC



05

THÔNG DIỆP CỦA
CHỦ TỊCH HĐQT

07

THÔNG TIN
CHUNG

09

LỊCH SỬ HÌNH
THÀNH VÀ PHÁT
TRIỂN

15

CÁC SỰ KIỆN NỔI
BẬT 2019

19

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ
CƠ CẤU QUẢN TRỊ

33

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH
VIÊN

39

BÁO CÁO CỦA HỘI
ĐỒNG QUẢN TRỊ 2019

45

BÁO CÁO CỦA BAN
TỔNG GIÁM ĐỐC
2019

59

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

74

TRÁCH NHIỆM ĐỐI
VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA
PHƯƠNG

79

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP
NHẤT 2019



TẦM NHÌN

Trở thành sự lựa chọn số 1 tại Việt Nam trong lĩnh vực phân phối, thương mại và dịch vụ.

SỨ MỆNH

Tiên phong trong mọi hành động để cung cấp chất lượng dịch vụ vượt trội và đảm bảo lợi ích tối ưu cho khách hàng, đối tác, các Cổ đông và người lao động.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Quyết liệt

Máu lửa, quyết tâm theo đuổi mục tiêu đến cùng; Sẵn sàng đón nhận thử thách; Chủ động, sáng tạo trong tìm giải pháp để thực hiện công việc.

Chuyên nghiệp

Luôn duy trì sự chuyên nghiệp trong mọi công việc, thực hiện công việc có kế hoạch với kỹ năng tốt đặc biệt là trong việc cung cấp các sản phẩm chất lượng, dịch vụ khách hàng tốt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

Nhân văn

Xây dựng môi trường Petrosetco có tri thức, văn hóa, văn minh, hướng thiện; Quan tâm với quyền lợi của người lao động, đảm bảo sự công bằng trong tổ chức, nỗ lực đóng góp cho cộng đồng.

Hiệu quả

Hiểu rõ về mục tiêu và nhiệm vụ; Có giải pháp phù hợp nhất cho khách hàng, đối tác và đội ngũ; Luôn đảm bảo hiệu quả tối ưu cho các Cổ đông và tổ chức.

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa quý Cổ đông, Khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể Cán bộ công nhân viên!

Năm 2019, thế giới chứng kiến nhiều biến động, căng thẳng thương mại quốc tế, những vấn đề nội tại của nhiều nền kinh tế lớn, v.v..., tạo ra những bất ổn tác động trực tiếp đến nền kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam vẫn cho thấy nhiều dấu hiệu tích cực khi tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt tốc độ tăng 7,02%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO), với nỗ lực không ngừng, khép lại năm 2019, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch:

Doanh thu thực hiện đạt 10.008 tỷ đồng, vượt 11% kế hoạch đề ra, giảm 10% so với cùng kỳ năm trước;

Lợi nhuận trước thuế đạt 185 tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch đề ra và tăng 1% so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2019 thị trường điện thoại – mảng kinh doanh chủ lực của PETROSETCO - có mức tăng trưởng âm, gần 10% so với năm 2018, chứng kiến sự chững lại sau 10 năm liên tục tăng trưởng trên 10%. Ngoài ra, sự lớn mạnh không ngừng của các nhà bán lẻ lớn như MWG, FPT, Viettel, v.v... cũng làm thị phần phân phối điện thoại của PETROSETCO bị thu hẹp. Đối với mảng dịch vụ trong ngành Dầu khí, do giá dầu vẫn ở mức thấp nên các dự án khai thác dầu khí mới tại Việt Nam không được triển khai, một số công ty khoan dầu khí phải kéo giãn khoan đi khoan tại nước ngoài, ảnh hưởng mạnh đến kết quả kinh doanh của mảng dịch vụ Catering, Logistic trong ngành Dầu khí của PETROSETCO. Nhận thức được những khó khăn trong hoạt động kinh doanh, với tinh thần “Vững nội lực – Bật thành công”, Hội đồng quản trị PETROSETCO xác định cần tập trung mọi nguồn lực với tinh thần trách nhiệm cao nhất để hoàn thành những mục tiêu và kế hoạch đã đặt ra với những chiến lược và cải cách triệt để về nguồn lực nội tại, cụ thể:

Đối với mảng dịch vụ phân phối: mở rộng ngành hàng, tìm thêm sản phẩm mới, lĩnh vực phân phối mới, đi xa hơn, sâu hơn để tìm thêm các khách hàng;

Đối với mảng kinh doanh dịch vụ: mở rộng hoạt động ra ngoài ngành Dầu khí, tận dụng những kinh nghiệm, uy tín, thương hiệu đã xây dựng trong nhiều năm qua.

Trong công tác quản lý: thực hiện rà soát cơ cấu quản lý, cắt giảm nhân sự, tiết giảm chi phí hoạt động nhằm nâng cao năng suất lao động.

Bước sang năm 2020, thời điểm những tháng đầu năm, cả thế giới đang phải đối mặt với dịch bệnh Covid 19, hoạt động kinh doanh trên mọi lĩnh vực đều bị ngừng trệ. Ngay cả khi khống chế được dịch bệnh thì nền kinh tế cũng vẫn cần rất nhiều thời gian để phục hồi, nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm điện tử cũng không thể lấy lại đà tăng trưởng về mức bình thường như giai đoạn trước khi dịch bệnh xảy ra. Cùng với tình hình dịch bệnh căng thẳng là sự sụt giảm khá sâu của giá dầu. Năm 2020 là năm giá dầu thế giới quay đầu lao dốc xuống thấp nhất trong vòng 18 năm qua. Điều này đã, đang và sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến những mảng dịch vụ trong ngành Dầu khí của PETROSETCO. Trước những diễn biến bất lợi, đặc biệt là trong những thời khắc cam go này, ngôi nhà PETROSETCO vẫn luôn có một đội ngũ người lao động bản lĩnh cùng đồng tâm hiệp lực, kể vai sát cánh và chưa bao giờ từ bỏ vươn lên trong khó khăn. Ban lãnh đạo PETROSETCO cùng toàn thể 2.520 CBNV đã, đang và sẽ luôn không ngừng chủ động đưa ra những giải pháp ứng phó với dịch bệnh nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động, vừa cố gắng tối đa phương án sản xuất kinh doanh, kiên định với những chiến lược đã đề ra trong dài hạn, quyết tâm vượt qua những khó khăn, thử thách, nắm bắt cơ hội và sự thay đổi của thị trường để vận dụng cho phù hợp với tình hình mới cả về quy mô, chất lượng, hiệu quả; tiếp tục xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của các cổ đông, nhà đầu tư và hàng triệu khách hàng đã tin tưởng, đồng hành cùng PETROSETCO trong suốt thời gian qua.

Thay mặt Hội Đồng quản trị, Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, sự tin nhiệm của Quý Cổ đông cũng như của các Nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đặc biệt gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban điều hành và toàn thể các cấp quản lý, tập thể nhân viên PETROSETCO đã nỗ lực, cống hiến trong năm 2019. Chúng ta sẽ cùng nhau chung tay xây dựng niềm tin, xây dựng PETROSETCO không quản ngại khó khăn!

Trân trọng./.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2020
Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty


Phùng Tuấn Hà



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP



PETROSETCO được thành lập vào tháng 20/6/1996, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ sinh hoạt, đời sống và du lịch nhằm phục vụ các hoạt động dầu khí. Năm 2007 đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển của PETROSETCO khi Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí.

Cổ phiếu của PETROSETCO chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 12/09/2007; mã cổ phiếu PET.

Tên giao dịch:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: PetroVietnam General Services J.S. Corporation
- Tên viết tắt: PETROSETCO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300452060

- Đăng ký lần đầu: Ngày 29 tháng 09 năm 2006
- Đăng ký thay đổi lần thứ 18: Ngày 23 tháng 05 năm 2016

Vốn điều lệ:

- 866.001.240.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi sáu tỷ không trăm lẻ một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng.)

Địa chỉ: Lầu 6, Tòa nhà PetroVietnam, số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số điện thoại: (84.28) 3911 7777

Số fax: (84.28) 3911 6789

Website: www.petrosetco.com.vn

Mã cổ phiếu: PET

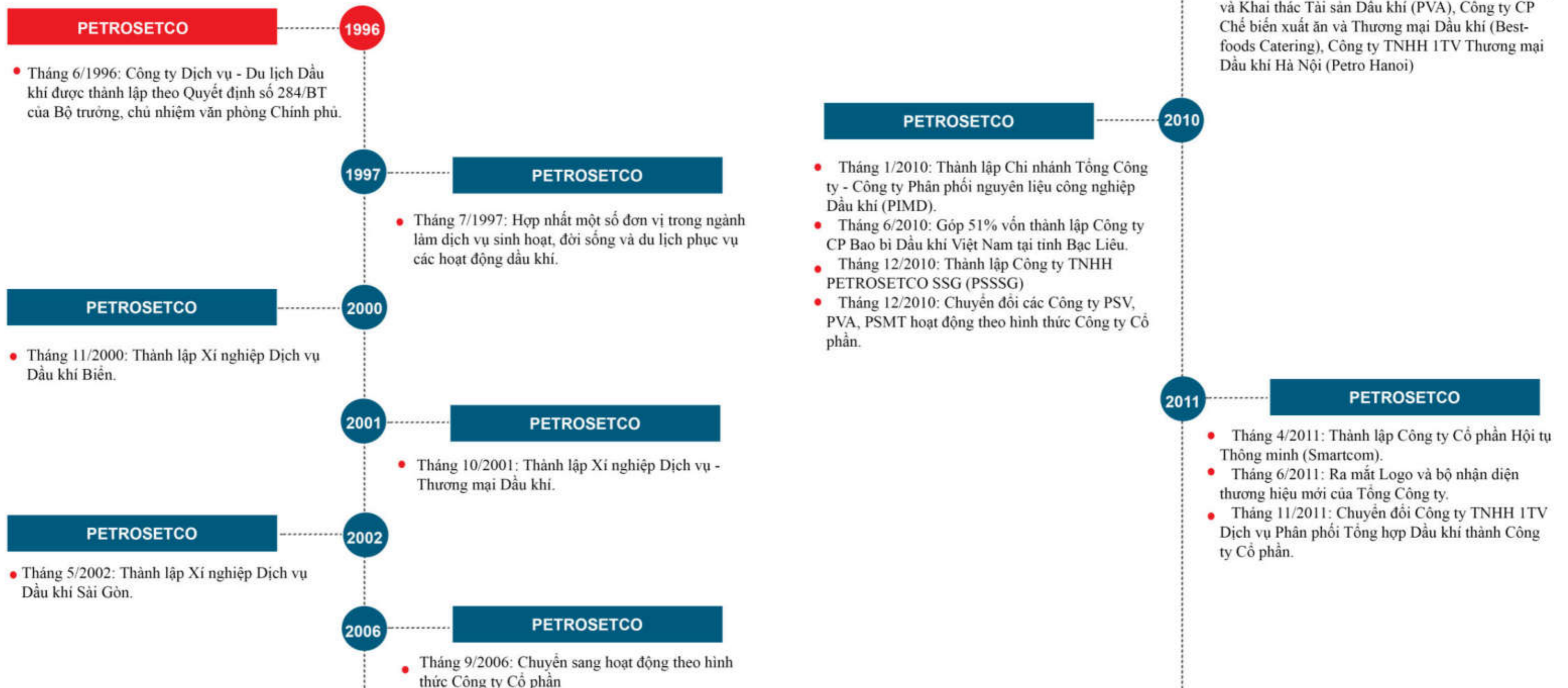
PETROVIETNAM TOWER



PETROSETCO



LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



PETROSETCO

2012

- Tháng 7/2012: PETROSETCO - PSD chính thức trở thành đối tác cung ứng sản phẩm của Samsung tại Việt Nam.
- Tháng 8/2012: PETROSETCO - Văn phòng Tổng Công ty nhận Chứng chỉ Chứng nhận Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Tháng 11/2012: PETROSETCO - Smartcom chính thức trở thành Nhà phân phối của BlackBerry tại Việt Nam, làm tiền đề cho khả năng phát triển sự hợp tác với nhiều nhãn hàng danh tiếng khác.

2013

PETROSETCO

- Tháng 6/2013: PETROSETCO - PSD chính thức lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu PSD.
- Tháng 9/2013: PETROSETCO - PSD trở thành nhà phân phối chính thức của Microsoft tại Việt Nam.

PETROSETCO

2014

- Tháng 4/2014: Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL Việt Nam) chính thức trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO) (Từ năm 2012 đến năm 2014, PSL Việt Nam là đơn vị thành viên của Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS).
- Tháng 5/2014: Thành lập Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí (PHTD).
- Tháng 10/2014: PETROSETCO triển khai dự án khu nhà ở và dịch vụ phục vụ khu Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn tại huyện Tĩnh Gia - Thanh Hóa.

2015

PETROSETCO

- Tháng 11/2015: Công ty Cổ phần phân phối sản phẩm công nghệ cao Dầu khí (PHTD) chính thức phân phối thêm nhiều thương hiệu điện thoại tại thị trường Việt Nam.
- Năm 2005: PSD chính thức trở thành nhà phân phối cho các hãng điện thoại Motorola và thiết bị phụ kiện tai nghe Plantronics.
- Công ty Cổ phần vận tải và Xếp dỡ Cầu kiện Siêu trường Siêu trọng PETROSETCO ALE chính thức trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí.

PETROSETCO

2016

- Tháng 6/2016: PETROSETCO tổ chức thành công lễ kỷ niệm 20 năm thành lập, đánh dấu một chặng đường phát triển mới.
- Nhận cờ thi đua của Chính phủ vì đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí.
- Nhận huân chương Lao động hạng nhất của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2011 đến năm 2015, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- Năm 2016: PETROSETCO đã hoàn thành và đưa vào vận hành chính thức dự án “Khu nhà ở và dịch vụ phục vụ liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn - Giai đoạn 2”. Đây là dự án quy mô lớn nhất của PETROSETCO từ trước đến nay, bao gồm 10 block nhà với 600 căn hộ, 25 biệt thự và các công trình phụ trợ như nhà văn hóa, nhà trẻ, trạm y tế và công trình thể thao.....

2017

PETROSETCO

- Năm 2017: Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty rất thành công trong việc mở rộng và triển khai thị trường mới đối với những lĩnh vực riêng của mình.
- Tái cấu trúc các đơn vị thành viên của Tổng Công ty.

PETROSETCO

2018

- Tháng 4/2018: PETROSETCO hoàn thành và đưa vào bàn giao dự án Khu dân cư số 41D tại TP Vũng Tàu. Đây là dự án BĐS thương mại đầu tiên của Petrosetco trong lĩnh vực kinh doanh BĐS so với các dự án BĐS trước đây chủ yếu là đầu tư nhằm mục đích thực hiện dịch vụ quản lý. Mặc dù dự án có quy mô không lớn bao gồm 12 căn biệt thự và 32 căn nhà phố, nhưng Petrosetco có thêm những trải nghiệm, thử thách trong lĩnh vực hoàn toàn mới.

2019

PETROSETCO

- Tháng 4/2019 Zebra Technologies - nhà sản xuất và cung cấp số 1 của Mỹ về các sản phẩm mã vạch, các sản phẩm máy in RFID, máy in mã vạch,... đã chính thức bổ nhiệm Smartcom làm Nhà phân phối tại Việt Nam.
- Tháng 09 năm 2019, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Công nghệ Xanh trở thành đơn vị thành viên của PSD đánh dấu việc PSD mở rộng thêm lĩnh vực phân phối các thiết bị và sản phẩm hỗ trợ thuộc ngành y tế;

LĨNH VỰC KINH DOANH

I. DỊCH VỤ PHÂN PHỐI

Phân phối sản phẩm CNTT, điện gia dụng và y tế

PETROSETCO hiện có ba đơn vị thành viên và một Công ty con gián tiếp đang thực hiện mảng kinh doanh sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin và các sản phẩm điện máy, điện lạnh là: Công ty CP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD); Công ty CP Hội Tụ Thông Minh (Smartcom); Công ty CP Phân phối Sản phẩm Công nghệ Cao Dầu khí (PHTD) và Công ty con của PSD là Công ty cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh (BMD). Các sản phẩm về thiết bị hỗ trợ ngành y tế do Công ty Cổ phần XNK Công nghệ xanh thực hiện (là công ty mà PSD có góp 50% vốn cổ phần.)

Hiện PETROSETCO đang phân phối các sản phẩm điện thoại di động như Samsung, Blackberry, Itel...; các sản phẩm công nghệ thông tin như máy tính xách tay các thương hiệu Dell, Lenovo, Asus, Acer... phụ kiện máy tính của các thương hiệu như Dell, Lenovo, Asus, Cyber Power... máy tính bảng của các hãng Samsung, Lenovo,... sản phẩm công nghệ cao như khoá cửa thông minh Smart Doorlock Samsung, các sản phẩm điện máy điện lạnh mang các thương hiệu như Whirlpool, Candy, Cuchen và Pensonic. Các sản phẩm về thiết bị y tế như: các thiết bị vật lý y tế tiêu hao; các sản phẩm điều trị và theo dõi bệnh đái tháo đường, tim mạch; phân phối vật tư thiết bị ngành Nha khoa và Implant...

Phân phối sản phẩm công nghiệp trong ngành Dầu khí

Mảng kinh doanh này được giao cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí miền Trung (PSMT) thực hiện. Các sản phẩm công nghiệp trong ngành Dầu khí do Petrosetco phân phối bao gồm: hạt nhựa PolyPropylen (PP), khí hóa lỏng (LPG). Petrosetco đảm nhận việc bao tiêu các sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến dầu khí như LPG, PP của nhà máy lọc dầu Dung Quất với sản lượng 37.5 ngàn tấn PP và 28 ngàn tấn LPG/năm 2019.

Ngoài ra, PSMT cũng thực hiện hoạt động chiết nạp bình gas để cung cấp sản phẩm bình gas mang thương hiệu PET-GAS tại thị trường Quảng Ngãi và các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên với 2 trạm chiết nạp Tịnh Phong (Quảng Ngãi) và Cam Ranh (Nha Trang), trong tháng 4/2019 PSMT đã chính thức mở rộng thị trường gas bình ra khu vực Miền Tây.

II. DỊCH VỤ CUNG ỨNG VÀ HẬU CẦN DẦU KHÍ

Cung ứng vật tư thiết bị

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS) là đơn vị thực hiện mảng kinh doanh này, chủ yếu hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. POTS đã và đang làm dịch vụ Đại lý cho các Nhà sản xuất lớn trên thế giới về vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí như: ống chống, cần khoan, bơm, van các loại... Ngoài ra, Công ty còn lắp đặt và bảo trì bảo dưỡng hệ thống thiết bị cho các Công ty, Nhà thầu Dầu khí và các công ty hoạt động trong lĩnh vực thăm dò, khai thác và chế biến Dầu khí đang hoạt động tại Việt Nam như Vietsovpetro, NSRP, JVPC, PTSC...

Dịch vụ hậu cần dầu khí

Dịch vụ Logistics: Dịch vụ này được giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL) thực hiện. Trong năm 2019, Petrosetco thực hiện tốt các dịch vụ hậu cần như thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu, thủ tục xuất nhập cảnh đối ca, vận tải đa phương thức quốc tế, vận tải siêu trường siêu trọng (hàng quá khổ quá tải) cho các khách hàng trong và ngoài ngành. Đơn vị đang thực hiện hợp đồng với các nhà thầu chính như Talisman, Biển Đông, Murphy oil, Petronas Over Sea, Cuu Long JOC, HLHV, PTSC, PVTrans, PVDrilling, PVFCCo, Gas Shipping... Trong tình hình khó khăn chung của ngành Dầu khí, đơn vị đã mở rộng ra một số khách hàng ngoài ngành như Vard, Kim Hoàng Ngân, Ngọc Quyết Thắng, Biomass và các khách hàng nhỏ lẻ khác...

Dịch vụ vận chuyển: Dịch vụ vận tải đường bộ do Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA) thực hiện. Kết thúc năm 2019, PSA có 73 xe ô tô đời mới cùng đội ngũ lái xe chuyên nghiệp, Tổng Công ty đảm bảo phục vụ tốt và ổn định việc đi lại công tác của cán bộ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội cũng như TP. HCM. Ngoài ra, Tổng Công ty còn cung cấp dịch vụ vận chuyển cho các nhà thầu dầu khí nhằm gia tăng các dịch vụ và tiện ích cho khách hàng.



LĨNH VỰC KINH DOANH

IV. DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Mảng dịch vụ quản lý và khai thác bất động sản được giao cho các đơn vị là PSA, POTS và PSV thực hiện với các dịch vụ chính là cho thuê văn phòng, quản lý vận hành và khai thác các tòa nhà.

Khách hàng chính của mảng dịch vụ này chủ yếu là trong Ngành bao gồm Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, các Tổng Công ty thành viên của Tập đoàn như PVEP, PVGas, PVCombank, Viện Dầu khí (VPI)... Trong chiến lược phát triển, PETROSETCO sẽ tận dụng ưu thế về kỹ năng và kinh nghiệm trong lĩnh vực này để tham gia quản lý và khai thác các tòa nhà, khách sạn, trung tâm thương mại ngoài ngành dầu khí nhằm từng bước xây dựng và khẳng định thương hiệu PETROSETCO trong lĩnh vực này.

Năm 2019, PETROSETCO tiếp tục mở rộng ra ngoài ngành và được nhiều khách hàng đón nhận như các trường đại học, hệ thống các ngân hàng, các khu dân cư, khu đô thị, các cơ quan hành chính sự nghiệp như: Tòa nhà Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và Tòa nhà HUD Tower tại Hà Nội, Tòa nhà Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hà Nội, HCM, Vũng Tàu...

PETROSETCO cũng thực hiện cung cấp dịch vụ cho thuê điện tích, văn phòng, căn hộ, trong đó nổi bật là cung cấp khu nhà ở và dịch vụ cho tổ hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn với hơn 600 căn hộ và biệt thự.

Bên cạnh đó, nhằm đa dạng hóa chuỗi dịch vụ, PETROSETCO đã mở thêm hoạt động cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng kỹ thuật cho các khu dân cư, với khách các hàng như Khu dân cư Vinhomes central park, Vinhomes Bason...

Dịch vụ lao động: Trong năm 2019, Petrosetco phát triển mạnh mảng cung cấp dịch vụ quản lý chuyên gia cao cấp, bao gồm chuyên gia Việt Nam, chuyên gia nước ngoài trong các lĩnh vực: Khoan, Dự án, Khai thác dầu khí. Ngoài ra, dịch vụ cung ứng lao động văn phòng, lao động ở các ngành nghề cũng được nhiều khách hàng quan tâm ủng hộ. Mảng dịch vụ này hiện giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL) liên doanh với công ty ORIENT thực hiện. Các khách hàng PSL đang triển khai dịch vụ cung cấp nhân sự, ký hợp đồng khung như: Phú Quốc POC, Rosneft BV VIỆT NAM, Wood Kenny, PV Gas Đồng Nai... và một số hợp đồng với các đối tác như NOC, Clean Marine, Tây Nam...

III. DỊCH VỤ ĐỜI SỐNG (CATERING)

Đây là mảng dịch vụ truyền thống của Tổng công ty do hai đơn vị thực hiện là Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (PSV) và Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA). Hiện nay Tổng Công ty đang cung cấp dịch vụ cho trên 50 công trình trong và ngoài ngành dầu khí cho các khách hàng phân bố trải dài trên khắp các tỉnh thành như Vietsovpetro, Biển Đông POC, Cửu Long JOC, JVPC, MODEC, PVEP, PTSC, PVTRANS, BSR,... Ngoài ra, Tổng Công ty còn cung cấp hàng hóa, thực phẩm cho gần 50 tàu các loại, thuộc đội tàu dịch vụ của VSP, PTSC, PV Trans, JDC (Hakuruy 5, Hakuruy 11) và tàu dịch vụ nước ngoài.

Thị phần dịch vụ Catering của PETROSETCO trong ngành dầu khí hiện chiếm khoảng 95%. Ngoài ra, trong thời gian qua, PETROSETCO đã mở rộng cung cấp dịch vụ đời sống, suất ăn cho nhiều ngành, nhiều đơn vị khác nhau như: các chuỗi trường học FPT, Ischool, chuỗi nhà máy thép Hòa Phát, khu công nghiệp Phú Mỹ, các cảng Cái Mép, các nhà máy lọc dầu như Dung Quất, Nghi Sơn, các công ty như Vinamilk...



PETROSETCO

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT 2019



DỊCH VỤ PHÂN PHỐI

Năm 2019 PSD chính thức phân phối sản phẩm LCD Samsung và sản phẩm Samsung Smart Doorlock.

Ngày 22/06/2019 Công ty PSD chính thức ra mắt thương hiệu tivi SANCO tại thị trường Việt Nam. Đây là dòng Tivi Sanco đầu tiên tập trung vào các yếu tố chính: CÔNG NGHỆ- CHẤT LƯỢNG - CHU ĐÁO.

Tháng 09 năm 2019, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Công nghệ Xanh trở thành đơn vị thành viên của PSD đánh dấu việc PSD mở rộng thêm lĩnh vực phân phối các thiết bị và sản phẩm hỗ trợ thuộc ngành y tế;

Tháng 04/2019, Công ty PSMT lần đầu tiên triển khai hoạt động sản xuất chiết nạp, kinh doanh LPG tại Chi nhánh Miền Tây và phát triển hệ thống phân phối sản phẩm PETROSETCO PETGAS đến thị trường các tỉnh Miền Tây Nam bộ.

Tháng 4/2019 Zebra Technologies - nhà sản xuất và cung cấp giải pháp số 1 của Mỹ về các sản phẩm mã vạch, các sản phẩm máy in RFID, máy in mã vạch, vv..... - đã chính thức bổ nhiệm Smartcom làm Nhà phân phối tại Việt Nam.



DỊCH VỤ CUNG ỨNG VÀ HẬU CẦN

Vào ngày 30-7-2019, Liên doanh PET-ALE đã tiến hành hạ thủy chân đế giàn SV-CPP nặng 14.000 tấn và cao 110 mét bằng phương pháp kéo trượt theo Hợp đồng với Liên doanh Vietsovpetro. Dưới sự giám sát nghiêm ngặt của Đại diện chủ đầu tư Idemitsu, Tổng thầu EPC PTSC MC, nhà thầu lắp đặt McDermott và khách hàng Vietsovpetro. Công việc này đã được PSL thực hiện an toàn, theo đúng các yêu cầu kỹ thuật lên sà lan chuyên dụng vào lúc 15h00 ngày 31-07-2019, đảm bảo hoàn thành công việc theo đúng tiến độ chung của cả dự án.

Năm 2019 Nhóm Dịch Vụ Bảo dưỡng thuộc POTS đã hoàn thành kỳ bảo dưỡng lớn Trùng tu hai tổ máy Gas Turbine với Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn. Gặp khó khăn khi cơn bão số 1 tấn công trực tiếp vào Thanh Hoá, nhưng với tinh thần làm việc cao độ liên tục ngày và đêm,, sự sắp xếp khoa học và phương án dự phòng tốt, team POTS cùng đội chuyên gia của nhà thầu đã hoàn thành vượt tiến độ ,giúp Nhà máy Lọc Dầu Nghi Sơn tiết kiệm được gần 1 triệu USD/ngày.

DỊCH VỤ ĐỜI SỐNG

Năm 2019, PSV đã đối đầu vững chắc với những thách thức cạnh tranh trực tiếp và ký mới thành công các hợp đồng dịch vụ như: Hợp đồng Catering cho Giàn Java Star 2, Hợp đồng Catering cho Giàn IDUN. Đồng thời PSV cũng đã ký mới các hợp đồng cung cấp thực phẩm và cung cấp lao động như: Cung cấp thực phẩm và lao động cho Giàn Hakuryu-5, giàn Hakuryu-11 của JDC; Cung cấp thực phẩm cho tàu Sapura và tàu Ena Commander thuộc dự án Sao vàng Đại nguyệt.



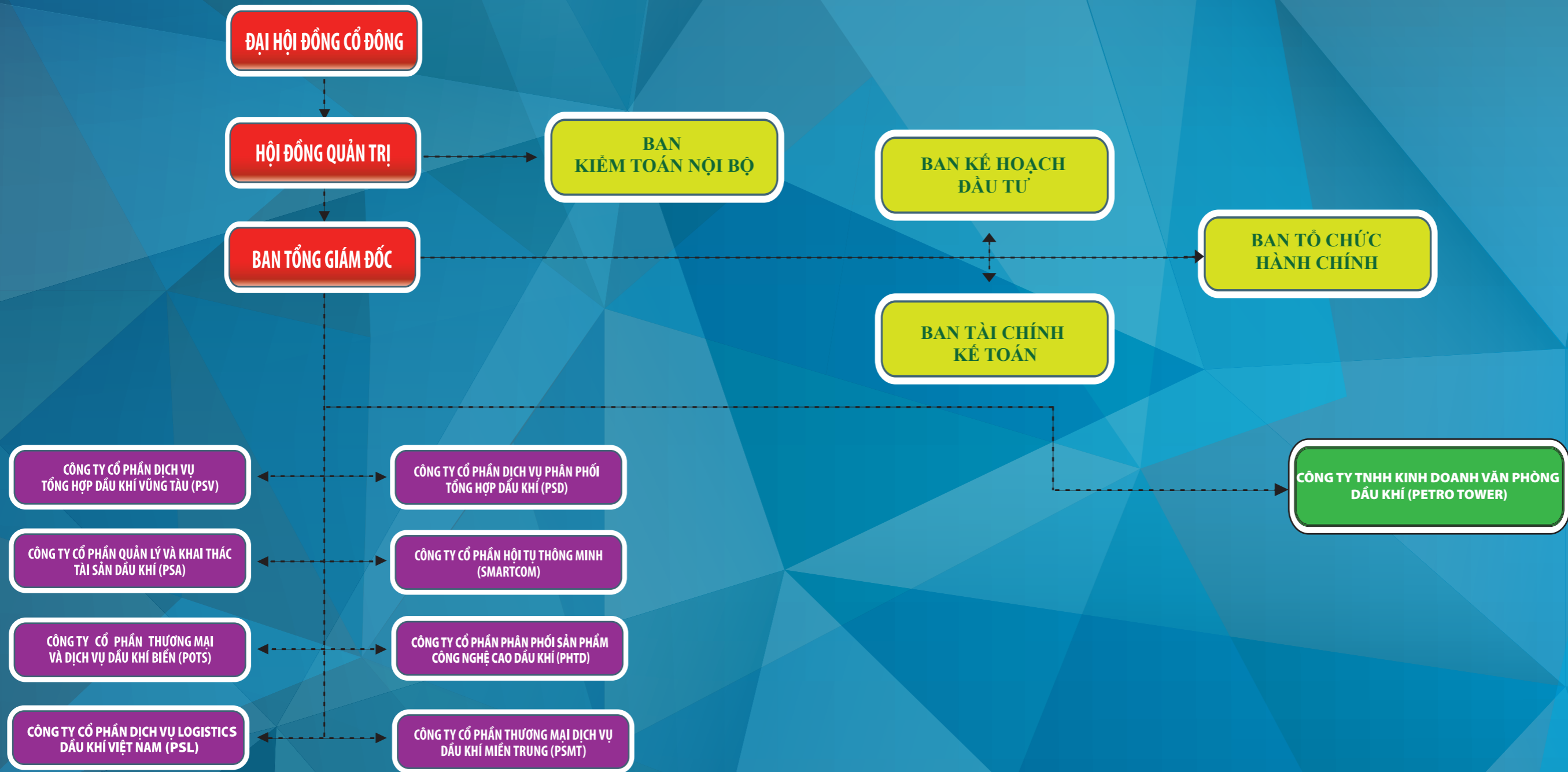
DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Mảng dịch vụ Bất động sản được POTS tiếp tục nỗ lực trong năm 2019, POTS đã tiếp cận nhiều dự án và tới tháng 4/2019 đã thắng thầu dịch vụ quản lý vận hành tòa nhà Betrimex. Đồng thời đã duy trì tốt dịch vụ tại các tòa nhà hiện hữu, và đạt công suất cho thuê 100% tại tòa nhà PetroVietnam.



Trong năm 2019, PSA đã trúng thầu một số gói dịch vụ quản lý cho các tòa nhà ngoài ngành như: Tòa nhà Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và Tòa nhà HUD Tower tại Hà Nội; Toà nhà Chi nhánh Ngân hàng phát triển – Đà Nẵng; Toà nhà Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu; Khu nhà ở tại phường Thạch Linh (TP Hà Tĩnh).





- BAN LÃNH ĐẠO
- ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN PETROSETCO
- CÁC BAN TỔNG CÔNG TY
- ĐƠN VỊ PETROSETCO THAM GIA GÓP VỐN

TỔNG CÔNG TY PETROSETCO KHÔNG THÀNH LẬP CÁC TIỂU BAN TRONG HĐQT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông PHÙNG TUẤN HÀ CHỦ TỊCH HĐQT

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Làm việc trong ngành Dầu khí 29 năm, ông từng giữ các chức vụ: Trưởng chi nhánh Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí TPHCM, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí từ năm 2009. Tháng 4 năm 2015 ông được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Petrosetco.

Ông là linh hồn, là người tập hợp lực lượng và luôn đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng trong từng giai đoạn để giữ vững sự phát triển của Petrosetco trong những năm qua.

Thành tích đạt được: Huân chương lao động Hạng Nhất năm 2016, Huân chương lao động Hạng Nhì năm 2007, Huân chương lao động Hạng Ba năm 2002, Bằng khen Thủ tướng chính phủ năm 2013, Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc năm 2014 và Chiến sỹ thi đua Bộ công thương năm 2013, Bằng khen Tập đoàn DKVN từ 2013-2019.



Ông VŨ TIẾN DƯƠNG THÀNH VIÊN

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Làm việc trong ngành Dầu khí 25 năm, ông từng giữ các chức vụ: Phó giám đốc và Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển, Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí, Phó Tổng giám đốc và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí từ tháng 4/2015.

Là một doanh nhân, nhà quản lý Dầu khí xuất sắc, ông có sở trường và kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, phân phối đặc biệt lĩnh vực cung cấp thiết bị cho ngành dầu khí, phân phối thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin.

Thành tích đạt được: Huân chương lao động Hạng Nhì năm 2016, Huân chương lao động Hạng ba năm 2008; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014, Bằng khen Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2013-2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà PHẠM THỊ HỒNG ĐIỆP THÀNH VIÊN

Cử nhân Ngữ văn Anh và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh và Marketing.

Gia nhập ngành Dầu khí từ 1994, bà từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các công ty thành viên của Petrosetco và có nhiều kinh nghiệm trong công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp, quản trị hành chính, quản lý và khai thác bất động sản/tòa nhà, chăn drap gối nệm.

Thành tích đạt được: Huân chương Lao động Hạng ba năm 2014; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2008, Danh hiệu Chiến sỹ thi đua của Bộ Công thương năm 2013; Doanh nhân, nhà quản lý trẻ Dầu khí xuất sắc năm 2012. Bằng khen của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2013-2019.



Bà LÊ THỊ CHIẾN THÀNH VIÊN

Cử nhân Tài chính Kế toán.

Bà gia nhập ngành Dầu khí năm 1999 có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản trị tài chính, kế toán. Hiện Bà đang đảm nhiệm vị trí cố vấn cho Ban Kiểm toán nội bộ của Petrosetco.

Thành tích đạt được: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014. Bằng khen của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam 2013-2018.



Ông KIM KANG HO THÀNH VIÊN

Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Ông được bổ nhiệm là Thành viên HĐQT của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí vào tháng 4 năm 2018. Ông từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng của các Tập đoàn, Công ty đa quốc gia lớn trên thế giới.

Thôi giữ chức vụ (từ nhiệm) từ ngày 03/01/2020.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông VŨ TIẾN DƯƠNG **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Làm việc trong ngành Dầu khí 25 năm, ông từng giữ các chức vụ: Phó giám đốc và Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển, Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí, Phó Tổng giám đốc và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí từ tháng 4/2015.

Là một doanh nhân, nhà quản lý Dầu khí xuất sắc, ông có sở trường và kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, phân phối đặc biệt lĩnh vực cung cấp thiết bị cho ngành dầu khí, phân phối thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin.

Thành tích đạt được: Huân chương lao động Hạng Nhì năm 2016, Huân chương lao động Hạng ba năm 2008; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014, Bằng khen Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2013-2019.

Bà PHẠM THỊ HỒNG ĐIỆP **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cử nhân Ngữ văn Anh và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh và Marketing.

Gia nhập ngành Dầu khí từ 1994, bà từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các công ty thành viên của Petrosetco và có nhiều kinh nghiệm trong công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp, quản trị hành chính, quản lý và khai thác bất động sản/tòa nhà, chăn drap gối nệm.

Thành tích đạt được: Huân chương Lao động Hạng ba năm 2014; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2008, Danh hiệu Chiến sỹ thi đua của Bộ Công thương năm 2013; Doanh nhân, nhà quản lý trẻ Dầu khí xuất sắc năm 2012. Bằng khen của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2013-2019.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông HỒ MINH VIỆT **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cử nhân Kinh tế Xây dựng và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Gia nhập ngành Dầu khí từ năm 2017, với nền tảng kiến thức vững chắc cùng nhiều năm kinh nghiệm tư vấn chiến lược và đầu tư cho nhiều tập đoàn đa quốc gia như Tập đoàn Big C (Pháp), Lotte (Hàn quốc), OCHN (Pháp), Tập đoàn Posco (Hàn Quốc), ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Petrosetco từ ngày 11/8/2017.

Ông NGUYỄN THANH TÚ **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cử nhân Kinh tế Công nghiệp và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Gia nhập ngành Dầu khí từ 1993 và có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dịch vụ Dầu khí, đặc biệt trong công tác quản lý dịch vụ đời sống (catering) trên các công trình biển và các dịch vụ trên đất liền.

Thành tích đạt được: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014; Bằng khen của Bộ công Thương 2013; Danh hiệu Chiến sỹ thi đua của Bộ công thương năm 2012; Bằng khen của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ năm 2013-2016.

Thời giữ chức vụ (nghi công tác tại Petrosetco) từ ngày 01/01/2020.

Ông PHAN QUANG TUẤN ANH **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cử nhân Kinh tế và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.

Gia nhập ngành Dầu khí từ năm 2007, ông từng đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các công ty thành viên của Petrosetco và có nhiều kinh nghiệm quản lý và điều hành trong lĩnh vực Thương mại Phân phối.

Thành tích đạt được: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2014; Bằng khen của Bộ công Thương 2013; Doanh nhân Sao đỏ năm 2014.

Thời giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2020.

KẾ TOÁN TRƯỞNG



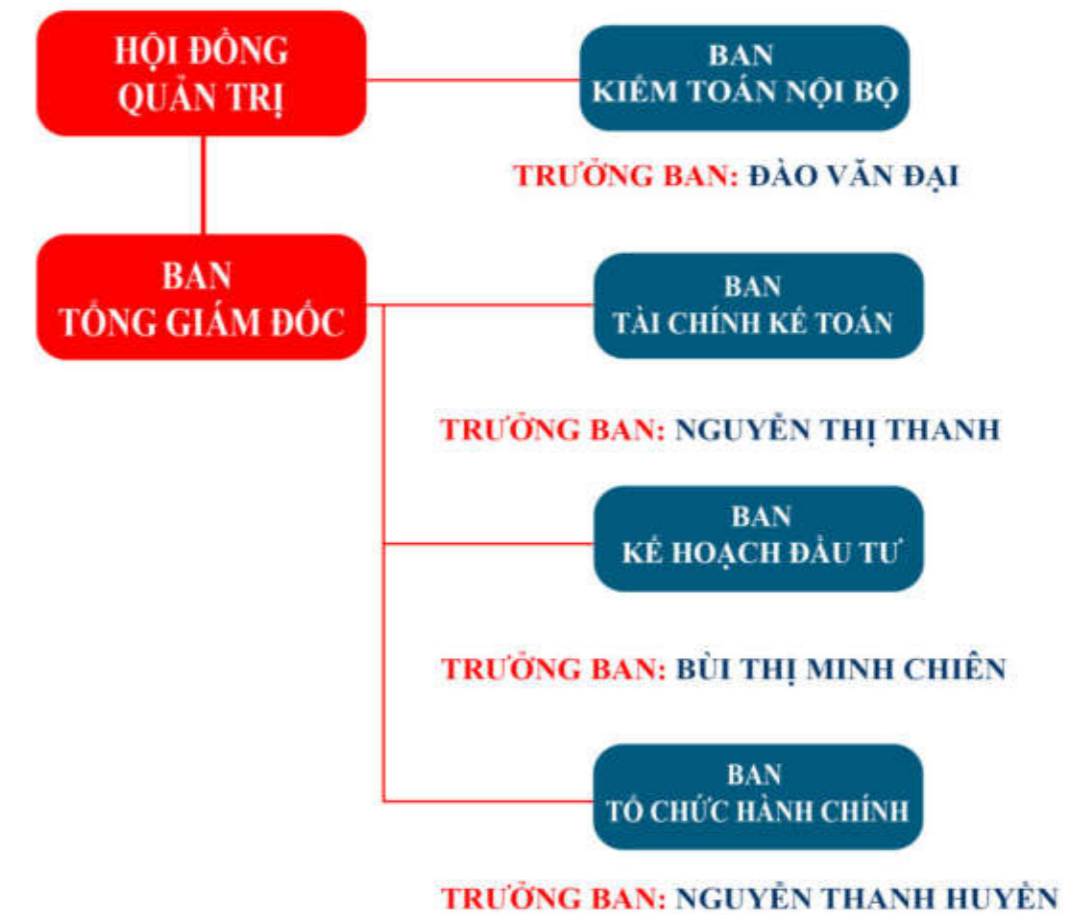
CÁC BAN TRONG TỔNG CÔNG TY

Bà NGUYỄN THỊ THANH KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cử nhân Kế toán và Cử nhân Ngữ văn Anh.

Gia nhập ngành Dầu khí từ 1999, bà có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán và đã có nhiều đóng góp trong việc xây dựng hệ thống tài chính kế toán tại đơn vị thành viên theo chuẩn quốc tế. Tháng 5/2017 bà được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Petrosetco.

Thành tích đạt được: Bằng khen Bộ công thương năm 2013, Bằng khen Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2013-2018.



CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

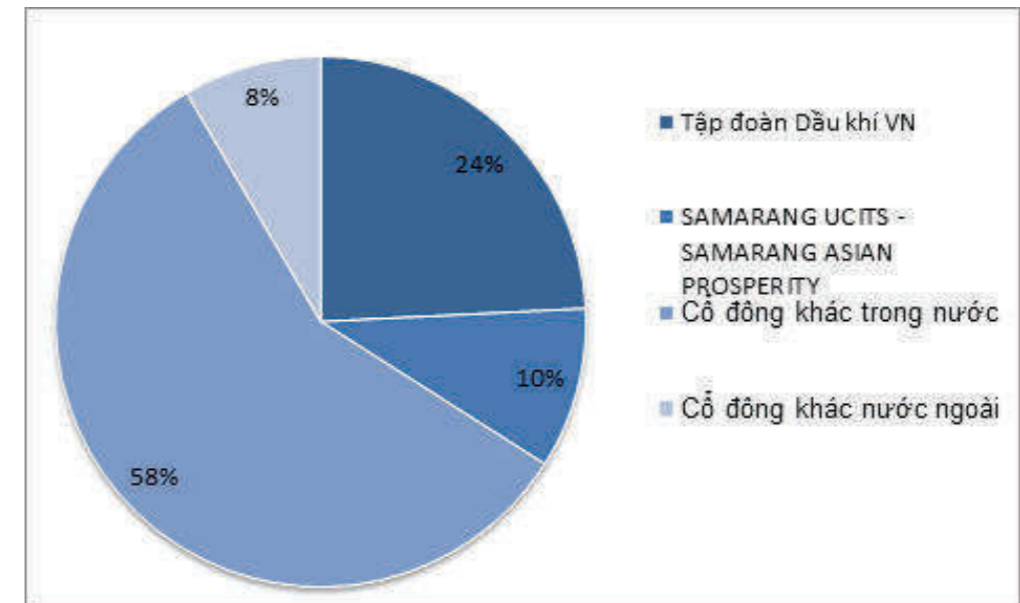
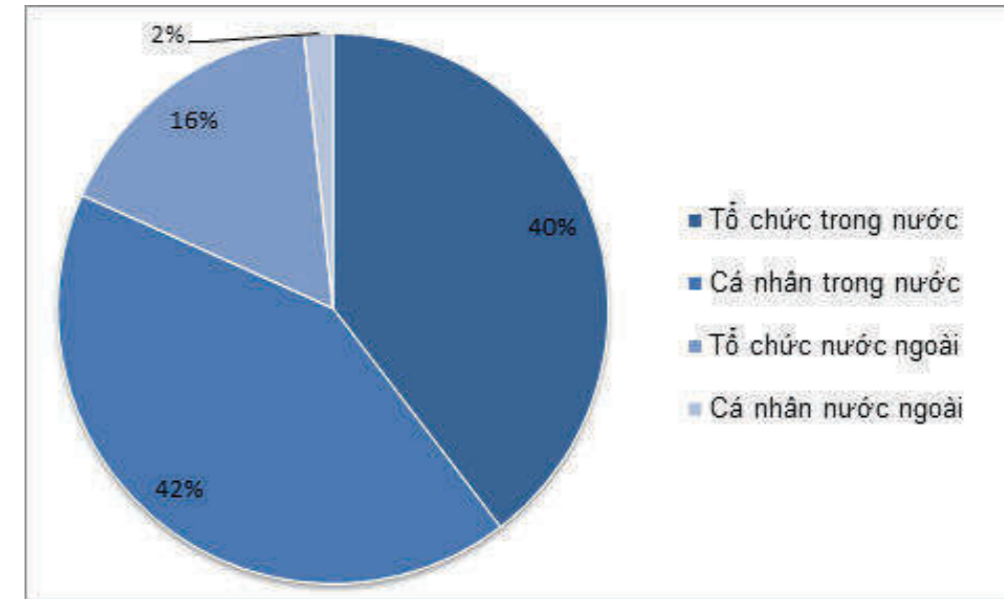
1. THÔNG TIN CỔ PHIẾU NĂM 2019



Tên chứng khoán:	Cổ phiếu Tổng công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí
Mã chứng khoán niêm yết:	PET
Sàn niêm yết:	Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE)
Số lượng cổ phiếu phổ thông (31/12/2019):	86.600.124 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (31/12/2019):	85.009.814 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (31/12/2019):	1.590.310 cổ phiếu
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 31/12/2019):	7.600 đồng
Chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt:	10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000đ)
Ngày giao dịch không hưởng quyền:	30/05/2019
Ngày chốt danh sách cổ đông:	31/05/2019
Ngày thực hiện thanh toán:	20/06/2019

CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

3. SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Đối tượng	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Hội đồng quản trị	Phùng Tuấn Hà	Chủ tịch HĐQT	2.534.989	2,98%
	Vũ Tiến Dương	UV HĐQT kiêm TGD	301.642	0,35%
	Lê Thị Chiến	UV HĐQT - TV độc lập	150.583	0,18%
	Kim Kang Ho	UV HĐQT - TV độc lập	-	0,00%
	Phạm Thị Hồng Điệp	UV HĐQT kiêm P.TGD	100.000	0,12%
Ban Tổng giám đốc	Vũ Tiến Dương	UV HĐQT kiêm TGD	301.642	0,35%
	Phạm Thị Hồng Điệp	UV HĐQT kiêm P.TGD	100.000	0,12%
	Hồ Minh Việt	Phó TGD	-	0,00%
	Nguyễn Thanh Tú	Phó TGD	111.642	0,13%
	Phan Quang Tuấn Anh	Phó TGD	110.000	0,13%
	Nguyễn Thị Thanh	Kế toán trưởng	2	0,00%
Ban Kiểm toán nội bộ	Đào Văn Đại	Trưởng ban KTNB	40.000	0,05%
	Nguyễn Quỳnh Như	Phó ban KTNB	17.200	0,02%
	Hoàng Đăng Ánh	Chuyên viên KTNB	-	0,00%
TỔNG CỘNG			3.045.139	3,52%

CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

4. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (không có)

Giao dịch cổ phiếu của người liên quan của người nội bộ: (không có)

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn: (không có)



CƠ CẤU NGUỒN NHÂN LỰC

Kết thúc năm 2019, tổng số lao động tại Petrosetco là 2.520 người, tăng 1,5% so với năm 2018. Lượng lao động tăng chủ yếu ở khối lao động có trình độ Cao đẳng, Trung cấp (Tăng 16,58%) theo định hướng tối giản bộ máy quản lý, tăng chất lượng lao động trực tiếp của Tổng Công ty.

Với tỉ trọng lao động theo độ tuổi như hiện tại, Tổng Công ty phải đối mặt với sự già hóa lao động, đòi hỏi những chính sách mới trong việc xây dựng vào đào tạo đội ngũ lao động kế cận. Trong năm 2020, Tổng Công ty sẽ có những chính sách mới trong việc đào tạo và phát triển lao động trẻ, đảm bảo đủ về chất và lượng cho lao động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Số lượng nhân lực và tỷ trọng theo trình độ trong 03 năm

STT	Lao động (người)	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
1	Trên đại học	49	2,1%	40	1,6%	40	1,6%
2	Đại học	526	22,0%	525	21,1%	555	22,0%
3	Cao đẳng, Trung cấp	630	26,3%	749	30,2%	1,242	49,3%
4	Công nhân kỹ thuật và Sơ cấp	686	28,6%	726	29,2%	301	11,9%
5	Lao động phổ thông	505	21,0%	443	17,8%	382	15,2%
	Tổng cộng:	2.396	100%	2.483	100%	2.520	

Cơ cấu theo độ tuổi

STT	Lao động theo độ tuổi	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Bằng và dưới 30 tuổi	916	1045	528
2	Từ 31 đến 49 tuổi	1.357	1.314	1.274
3	Trên 49 tuổi	123	124	718
	Tổng cộng:	2.396	2.483	2.520

CƠ CẤU NGUỒN NHÂN LỰC

Cơ cấu lao động theo giới tính

STT	Lao động theo giới tính	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Nam	1.695	1717	1.735
2	Nữ	701	766	785
	Tổng cộng	2.396	2.483	2.520

Cơ cấu lao động theo vùng, miền:

STT	Lao động theo khu vực	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Vũng Tàu	1380	1500	1.630
2	TP.HCM	610	554	500
3	Quảng Ngãi	54	61	55
4	Hà Nội	304	320	305
5	Các tỉnh khác	48	48	30
	Tổng cộng	2.396	2.483	2.520

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN VÀ ĐƠN VỊ PETROSETCO THAM GIA GÓP VỐN



CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN VÀ ĐƠN VỊ PETROSETCO THAM GIA GÓP VỐN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD)



* Lầu 2, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39115578

*Ngành nghề kinh doanh: Phân phối điện thoại di động, máy tính xách tay, máy tính bảng, PC, LCD; Linh phụ kiện các sản phẩm Điện gia dụng; Thiết bị y tế,....

Vốn điều lệ: 213.265.490.000 VND

79.94 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (Smartcom)



* Phòng 608, Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39105566

* Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Chăn, drap gối nệm Lotus.

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VND

55 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí (PHTD)



* Phòng 608, Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, P. Bến Nghé, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39107979

* Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VND

51 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển (POTS)



* Phòng 201 - 211, Lầu 2, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39106868

* Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp vật tư, máy móc, thiết bị cho các ngành công nghiệp; Cung cấp dịch vụ vận tải, hàng hóa đường bộ, đường thủy; Cung cấp dịch vụ hỗ trợ, khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Cung cấp dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị công nghiệp, hệ thống điện, các hệ thống xây dựng khác; Cho thuê và điều hành quản lý bất động sản (Văn phòng, mặt bằng nhà xưởng; nhà ở..)

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND

60 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL)



* Phòng 201, Lầu 2, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

* Điện thoại: 028.39104466

* Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Cung ứng và quản lý nguồn lao động.

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VND

44 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (PSV)



* Số 63, đường 30/4, Phường 9 TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

* Điện thoại: 0254.3833345

* Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ, sản phẩm sinh hoạt đời sống cho các hoạt động của ngành Dầu khí; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Dịch vụ khách sạn; Dịch vụ phục vụ đồ uống, nhà hàng; Dịch vụ nhà ở; Dịch vụ khai thác và quản lý tòa nhà; Dịch vụ sinh công nghiệp; Kinh doanh lương thực, thực phẩm, nhu phẩm yếu, hàng nông sản.

Vốn điều lệ: 90.000.000.000 VND

70 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA)



* Tầng 15, Tòa nhà PVI, Số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

* Điện thoại: 024.37726886

* Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ quản lý, vận hành tòa nhà văn phòng, chung cư; Dịch vụ ăn uống; Dịch vụ vận chuyển; Dịch vụ lễ tân; Dịch vụ lưu trú.

Vốn điều lệ: 68.000.000.000 VND

78.61 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT)



* Số 01 An Dương Vương, Phường Lê Hồng Phong Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

* Điện thoại: 0255.3738738

* Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí; Bán buôn tơ, xơ sợi dệt; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn nhựa tổng hợp, phân đạm.

Vốn điều lệ: 107.000.000.000 VND

99.79 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

ĐƠN VỊ PETROSETCO THAM GIA GÓP VỐN

Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí (PETROTOWER)

* Số 08 Hoàng Diệu - Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

* Điện thoại: 0254.3850098

* Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ quản lý và Khai thác Tòa nhà Văn phòng

Vốn điều lệ: 164.040.911.440 VND

24 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF)

* Khu kinh tế Dung Quất, Bình Thuận, Bình Sơn, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

* Điện thoại: 0255.3714180

* Ngành nghề kinh doanh: sản xuất Ethanol từ sắn lát

Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 VND

0.2 % Tỷ lệ sở hữu của Petrosetco



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2019

1. Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2019

Với kết quả doanh thu hợp nhất đạt 10.008 tỷ đồng, vượt 11% kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 185 tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch cho thấy năm 2019, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt công việc điều hành hoạt động SXKD theo đúng chỉ đạo của HĐQT, khi mà hầu hết các nhu cầu dịch vụ trong Ngành Dầu khí đều giảm, cộng với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường phân phối các thiết bị điện tử, điện máy. Bên cạnh đó, để có được kết quả kinh doanh khả quan trên cũng phải kể đến sự nỗ lực của các Công ty thành viên, hầu hết các đơn vị đều hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2019, ngoại trừ một số đơn vị ở mảng cung cấp VTTB cho ngành Dầu khí không hoàn thành kế hoạch. Chiến lược phát triển ra ngoài ngành Dầu khí tiếp tục là động lực phát triển của PETROSETCO, nhờ sự đóng góp này mà mặc dù thị trường Dầu khí kém sôi động nhưng các mảng dịch vụ như đời sống, dịch vụ bất động sản, logistics, lao động... đã đạt sự tăng trưởng so với năm 2018 và đóng góp tỷ trọng ngày càng cao vào cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty.

2. Đánh giá về kết quả thực hiện các định hướng của HĐQT

2.1. Mở rộng danh mục phân phối

Trong năm 2019, việc mở rộng danh mục phân phối được PETROSETCO tiếp tục chú trọng triển khai, HĐQT đã đề ra chủ trương mở rộng ngành nghề, sản phẩm phân phối trên cơ sở tận dụng cơ sở hạ tầng hiện hữu, năng lực, kinh nghiệm của Petrosetco. Ban điều hành đã thực hiện rất tốt chủ trương này: Thực hiện M&A mở ra mảng kinh doanh phân phối vật tư, thiết bị y tế từ quý 2/2019, thử nghiệm mảng kinh doanh phân bón hữu cơ nhập khẩu từ Mỹ từ tháng 8/2019. Mặc dù các danh mục mới chưa mang lại hiệu quả rõ rệt trong thời gian đầu tiếp cận thị trường nhưng HĐQT đánh giá rất cao về tiềm năng mang lại trong tương lai. Đồng thời thực hiện việc rà soát các nhân hàng, sản phẩm không hiệu quả, tiềm năng phát triển thấp và thực hiện chấm dứt kinh doanh.

2.2. Phát triển ra ngoài ngành Dầu khí

Phát triển dịch vụ ra ngoài ngành Dầu khí được HĐQT xác định là động lực phát triển của PETROSETCO trong thời gian tới. Trong năm 2019, định hướng phát triển ra ngoài ngành Dầu khí đã được Ban điều hành chỉ đạo quyết liệt và các đơn vị thành viên đã đẩy mạnh triển khai và đạt được nhiều kết quả cụ thể như sau:

- Đối với dịch vụ Catering: thực hiện việc cung cấp dịch vụ cho nhiều đối tác mới bên ngoài ngành Dầu khí như: Công ty TNHH Hoá Chất AGC Việt Nam; Căn tin Sonion Vietnam II...
- Đối với dịch vụ BĐS cũng ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho nhiều khách hàng ngoài ngành mới như: Tòa nhà Betrimex, Tòa nhà Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam; Tòa nhà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Tòa nhà VDB Đà Nẵng; tiếp nhận và cung cấp dịch vụ quản lý vận hành tòa nhà Ngân hàng Nhà nước tại Vũng Tàu ...

2.3. Củng cố, cải tiến, nâng cấp các dịch vụ cung cấp

Song hành với mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ ra ngoài ngành Dầu khí, thì việc cải tiến và ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ đối với các Khách hàng đang cung cấp cũng được PETROSETCO thực hiện rất tốt, từ đó ngày càng củng cố vị trí và uy tín của PETROSETCO trên thị trường cung cấp các dịch vụ về cartering, quản lý vận hành BĐS,... Ngoài ra, trong cùng một loại hình dịch vụ, thì các đơn vị của PETROSETCO cũng đã xây dựng được nhiều mô hình khác nhau giúp cung cấp linh hoạt cho các đối tượng khách hàng khác nhau.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Đánh giá về giá trị mang lại cho các bên liên quan.

Bên liên quan	Giá trị mang lại
Cổ đông	<ul style="list-style-type: none">+ Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2019: 185 tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch.+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2019: 1.323 đồng/cổ phiếu;+ Chi trả cổ tức năm 2019 trong quý III/2020 với tỷ lệ 10%, bằng tiền mặt.
Khách hàng, nhà cung cấp	<ul style="list-style-type: none">+ Các dịch vụ cung cấp cho khách hàng không ngừng được hoàn thiện và cải tiến, trong đó đơn vị thành viên Công ty PSD nhận được giải thưởng "ASUS Incredible Partner" trong tháng 11/2019.+ PETROSETCO tiếp tục củng cố, nâng cấp và cải tiến sản phẩm dịch vụ giúp đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng về số lượng lẫn chất lượng. Nâng tầm vị trí của thương hiệu Petrosetco trên thị trường.+ Các dịch vụ của PETROSETCO gắn liền với sức khỏe, sự an toàn của khách hàng như dịch vụ vận hành BĐS, dịch vụ ăn uống, vận chuyển... và kết quả trong năm 2019 vừa qua, PETROSETCO tiếp tục duy trì kiểm soát tốt, không để xảy ra bất cứ sự cố nào gây mất an toàn cho khách hàng đang sử dụng dịch vụ.
Người lao động của Tổng công ty	<ul style="list-style-type: none">+ Trong năm 2019, PETROSETCO đã triển khai thực hiện 1,428 lượt đào tạo cho CBCNV trong toàn Tổng công ty với kinh phí hơn 3.7 tỷ đồng.+ Người lao động có công việc làm ổn định, phát triển kỹ năng nghề nghiệp ở mức cao nhất có thể, các chế độ phúc lợi được được duy trì tốt.+ Thu nhập bình quân trong năm 2019 của người lao động đạt mức 12.8 triệu đồng/người/tháng.
Cơ quan nhà nước	<ul style="list-style-type: none">+ Đóng góp ngân sách nhà nước với số tiền 1,507 tỷ đồng. Tài trợ nhiều chương trình do các cơ quan ban ngành tổ chức.
Cộng đồng	<ul style="list-style-type: none">+ Chi số tiền cho công tác an sinh xã hội 565 triệu đồng.
Môi trường	<ul style="list-style-type: none">+ Các tòa nhà, công trình BĐS do PETROSETCO quản lý vận hành luôn có triển khai đánh giá tác động môi trường.+ Là đơn vị cung cấp dịch vụ có sử dụng nhiều điện, nước, thực phẩm nên PETROSETCO hàng năm đều kêu gọi người lao động, khách hàng sử dụng tiết kiệm điện, nước, thực phẩm để góp phần bảo vệ môi trường. Biểu ngữ kêu gọi được đặt tại các bếp ăn, các văn phòng, các tòa nhà... Ngoài ra, hàng năm PETROSETCO đều đặt Poster khuyến khích hưởng ứng giờ trái đất tại các tòa nhà, công trình do mình quản lý.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Phương pháp giám sát

HĐQT thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã cam kết;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của Tổng công ty hàng tháng và hàng quý;
- Tham gia vào các cuộc buổi họp giao ban định kỳ hay đột xuất của Tổng Công ty nhằm theo sát tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2019, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, triển khai tốt các chủ trương từ Hội đồng Quản trị với tinh thần quyết liệt ngay từ đầu năm, cụ thể:

- Đối với việc ra quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị thì Ban Tổng Giám đốc đã có những giải trình, tham mưu rất chi tiết giúp tạo sự đồng thuận cao và nhanh chóng trong việc ra quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Dù áp lực về huy động vốn cho hoạt động thương mại và phân phối cũng như cho các dự án đầu tư là rất lớn nhưng trong năm qua Ban điều hành đã chủ động trong việc điều phối cân đối nguồn tài chính đảm bảo cho sản xuất kinh doanh, và chi trả các dự án đầu tư.
- Trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện sự phối hợp chỉ đạo tương đối tốt, nhạy bén trong các quyết định kinh doanh, hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn cho các đơn vị thành viên.

Năm 2019, trước bối cảnh nền kinh tế diễn biến phức tạp, sự leo thang căng thẳng giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới Mỹ - Trung đã vượt qua biên giới của hai nước, tác động mạnh mẽ tới nhiều mặt của nền kinh tế Việt Nam, đã mang đến nhiều cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có PETROSETCO. Bên cạnh đó, tình hình giá dầu vẫn giữ ở mức thấp, các dự án trong ngành dầu khí vẫn đang hoãn triển khai, thị trường phân phối các sản phẩm điện thoại, điện tử đang dần bão hòa, sức mua trong nước giảm theo kết quả nghiên cứu thị trường của Công ty GFK, điện thoại giảm gần 10% so với năm 2018, đã gây ra rất nhiều khó khăn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROSETCO. Để giải quyết các thách thức đó, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc linh hoạt và bám sát trước những diễn biến của thị trường để có những can thiệp phù hợp, cụ thể:

- Công tác R&D để tìm kiếm thêm các mảng kinh doanh mới có tiềm năng - đặc biệt là các mảng kinh doanh ngoài ngành Dầu khí được đẩy mạnh, đồng thời tái cơ cấu các mảng kinh doanh có hiệu quả thấp.
- Cải tiến, tối ưu hoá quy trình kinh doanh, tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực, nhằm tăng năng suất lao động.
- Công tác quản trị nhân sự, công tác quản trị rủi ro cũng được PETROSETCO chú trọng, nhằm giúp các hoạt động kinh doanh được vận hành ổn định.
- Là Đơn vị dịch vụ, công tác marketing tìm kiếm khách hàng và công tác tiết giảm chi phí được PETROSETCO ưu tiên thực hiện hàng đầu.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2019, Ban điều hành đã thực hiện rất tốt chủ trương trên của Hội đồng Quản trị Tổng công ty, góp phần mang lại những kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2019.

Hoạt động đầu tư

Trong năm 2019, hoạt động đầu tư được Tổng công ty thực hiện theo đúng định hướng, chỉ đạo của HĐQT: Đầu tư góp vốn vào công ty phân phối thiết bị y tế 10 tỷ đồng, đầu tư góp vốn dự án Vịnh Hòa: 16 tỷ đồng, đầu tư mua sắm tài sản, trang thiết bị văn phòng 1,4 tỷ đồng.

Hoạt động thu xếp và sử dụng vốn

Đã chỉ đạo Ban điều hành kịp thời làm việc với các tổ chức tín dụng để thu xếp nguồn vốn kinh doanh cho các đơn vị thành viên với dư nợ khoảng 1.600 tỷ đồng từ các Ngân hàng thương mại. Các khoản vay trong Tổng công ty đều được quản lý, theo dõi chặt chẽ, phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí lãi vay. Có thể nói trong năm qua, nhu cầu vốn của PETROSETCO cơ bản được thu xếp ổn thỏa, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu của hoạt động SXKD.

Công tác tái cấu trúc Tổng Công ty

Năm 2019, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc tuân đúng theo chỉ đạo của Chính Phủ và của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Trong đó, lộ trình thoái vốn dần tại các đơn vị thành viên được cân nhắc triển khai khi thị trường thích hợp.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty tiếp tục rà soát tái cơ cấu bộ máy hoạt động tại các đơn vị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Kết luận: Kết quả của năm 2019 tiếp tục minh chứng cho sự nỗ lực, sáng tạo không ngừng của tập thể Ban Điều hành Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí trong việc quyết tâm quản lý điều hành theo mô hình tinh gọn nhất, năng động nhất; chú trọng phát triển đa ngành nghề, tìm kiếm mặt hàng phân phối mới, khai phá thị trường ra ngoài ngành nhằm tiếp tục đưa Tổng Công ty trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ đa dạng, phát triển ổn định và sẵn sàng đương đầu với thách thức, có khả năng ứng phó linh hoạt đối với môi trường kinh doanh khi gặp khó khăn.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

III. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT GIAI ĐOẠN 2020

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:

Từ đầu năm 2020, sự xuất hiện của Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến tình hình hoạt động SXKD của các Doanh nghiệp trên toàn Thế Giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng, từ việc ngừng hoặc giảm kinh doanh, cắt giảm lao động, các nước đóng cửa biên giới phòng ngừa dịch bệnh,... những điều này sẽ gây ra những hệ lụy lâu dài ảnh hưởng xấu tới nền kinh tế nói chung. Bên cạnh đó, từ đầu năm cuộc chiến giá dầu từ các cường quốc dầu mỏ như khối các nước Ả Rập, Nga và Mỹ đã khiến cho giá giảm mạnh, điều này dự kiến sẽ kéo dài trong năm 2020 và các năm tới. Những khó khăn này đã ảnh hưởng rất lớn tới tình hình sản xuất kinh doanh của PETROSETCO, khi mà tất cả các hoạt động của các Đơn vị thành viên Tổng Công ty đều bị ngừng hoặc giảm khiến cho kết quả doanh thu và lợi nhuận trong quý 1/2020 bị sụt giảm so với kế hoạch đề ra. HĐQT và Ban giám đốc TCT đã nhanh chóng chỉ đạo nhiều kịch bản, đề ra những biện pháp để ứng phó trước những khó khăn. Trên cơ sở những phân tích đó, HĐQT PETROSETCO đưa ra các chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2020 mang tính thận trọng, chắc chắn. Tổng Công ty vẫn tạm thời đưa ra các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 đã được Tập đoàn chấp thuận tại thời điểm tháng 12/2019 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ %
	1	2	3= (2)/(1)
Doanh thu (thuần) hợp nhất	10.008	9.100	91%
Lợi nhuận trước thuế	185	180	97%
Lợi nhuận sau thuế	127,3	140	110%
Vốn điều lệ	866	866	100%
Tỷ lệ cổ tức tối thiểu	10%	10%	100%
Kế hoạch đầu tư của công ty mẹ	1.4	5.0	357%

Đây là kế hoạch 2020 đã xây dựng trước thời điểm xảy ra dịch bệnh, nếu thời gian kéo dịch bệnh và những hệ lụy không thể khắc phục được Tổng Công ty xin ý kiến điều chỉnh kế hoạch năm 2020 khi Đại hội cổ đông được tổ chức.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Định hướng điều hành hoạt động kinh doanh năm 2020:

- Thực hiện các biện pháp để tháo gỡ những khó khăn trước mắt do ảnh hưởng của dịch bệnh như: chủ động thu xếp nguồn vốn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh thương mại và thanh toán điện tử; đảm bảo công ăn việc làm và ổn định thu nhập cho Người lao động;
- Bám sát và cập nhật liên tục thông tin về các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và Chính phủ về nguồn vốn và thuế, từ đó có những biện pháp tương ứng phù hợp cho Tổng Công ty;
- Có các biện pháp đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền và các giải pháp để động viên tinh thần CBCNV, có phương án hỗ trợ đào tạo lao động phù hợp. Đẩy mạnh thông tin truyền thông cho CBCNV về các biện pháp để chủ động phòng ngừa trước dịch bệnh Covid -19;
- Chủ động nắm bắt, cập nhật liên tục thông tin thị trường về cung cầu và biến động giá của dầu thô và diễn biến dịch bệnh hàng ngày, hàng tuần để có phương án ứng phó kịp thời khi có diễn biến xấu.
- Phối hợp với các đơn vị trong Tập đoàn, chia sẻ thông tin thị trường nhằm tối ưu hiệu quả trong cả chuỗi giá trị của Tập đoàn.
- Bên cạnh đó, chú trọng công tác dự báo và kiểm soát tốt hàng tồn kho, quản lý chặt chẽ những rủi ro về công nợ. Đẩy mạnh công tác dự báo thị trường để có những chính sách kinh doanh phù hợp và kịp thời.
- Ổn định hoạt động phân phối hạt nhựa PP và khí hóa lỏng LPG bằng việc tập trung vào khối khách hàng sản xuất cũng như nghiên cứu, khảo sát thị trường, tiếp tục đầu tư mở rộng mảng kinh doanh bán lẻ LPG trên cơ sở nguồn lực hiện có.
- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành quyết liệt hơn nữa trong định hướng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh ra thị trường ngoài ngành Dầu khí đối với các mảng như dịch vụ đời sống, dịch vụ logistics, dịch vụ bất động sản, dịch vụ lao động... xem đây là động lực cho sự tăng trưởng của PETROSETCO.
- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, có các biện pháp đảm bảo an ninh tuyệt đối, an toàn lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm, các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh như dịch bệnh Covid-19 từ đầu năm 2020, đảm bảo an toàn cho các đối tác sử dụng dịch vụ.
- Nâng cao công tác quản trị công ty theo chuẩn quốc tế, đồng thời nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp.
- Tiếp tục rà soát cơ cấu lại bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, tăng năng suất và tăng thu nhập cho người lao động.
- Tập trung công tác đào tạo, phát triển đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tế công việc.
- Đầu tư mở rộng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho việc phát triển ra thị trường ngoài ngành.
- Đảm bảo huy động đủ vốn, đồng thời quản lý và sử dụng vốn an toàn, hiệu quả, đúng mục đích, kiểm soát tốt chi phí.
- Thực hiện chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên; xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tác phong làm việc ngày càng chuyên nghiệp hơn.
- Tiếp tục phát huy các nền tảng đã xây dựng trong những năm qua để tăng trưởng bền vững về kinh doanh, xây dựng nguồn nhân lực vững mạnh và phát triển công nghệ vì cộng đồng cũng như nâng cao ý thức về môi trường cho CBNV.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. TỔNG QUAN

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại (Theo Ngân hàng Thế giới - WB, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019 là 2,6%, thấp hơn mức 3% của năm 2018), căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu. Sự biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường.

Với tình hình trong nước, theo các báo cáo của các tổ chức và chính phủ, nền kinh tế ghi nhận những dấu hiệu tích cực khi tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát thấp nhất trong ba năm qua.

Về phía PETROSETCO, là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ dầu khí và phân phối thiết bị viễn thông, Tổng Công ty chịu tác động khá lớn từ tình hình kinh tế vĩ mô nêu trên. Thứ nhất, tình hình giá dầu vẫn giữ ở mức thấp, trong năm 2019 ngành dầu khí không có nhiều những dự án mới khiến hoạt động cung cấp dịch vụ dầu khí gặp nhiều khó khăn. Thứ hai, ngành hàng điện thoại, IT có dấu hiệu bão hòa, sức mua thấp, chính sách chiết khấu bán hàng của các hãng IT thay đổi cũng đã tạo ra sự cạnh tranh quyết liệt đối với các hoạt động kinh doanh của các công ty phân phối trong nước nói chung và PETROSETCO nói riêng.

Trước những thách thức đó, từ đầu năm 2019, Ban lãnh đạo Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO) đã đề ra nhiều giải pháp để cố gắng hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nỗ lực hết sức trên từng bước tiến của mình. Trong đó, Tổng Công ty đã tập trung chỉ đạo quyết liệt nhằm tăng năng suất lao động, nghiên cứu và phát triển thêm các mảng kinh doanh mới có tiềm năng - đặc biệt là các mảng kinh doanh ngoài ngành Dầu khí, đồng thời kiên quyết loại bỏ các mảng kinh doanh kém hiệu quả. Không ngừng đẩy mạnh đổi mới, cải cách trong công tác quản trị nhân sự, công tác kiểm soát rủi ro nhằm giúp hoạt động kinh doanh được vận hành ổn định. Ngoài ra, công tác marketing tìm kiếm khách hàng được đẩy mạnh, công tác tiết giảm chi phí được thực hiện triệt để. Tất cả mọi nỗ lực cao nhất được tập trung nhằm nâng cao hiệu quả SXKD và duy trì công ăn việc làm, đảm bảo thu nhập cho người lao động PETROSETCO.

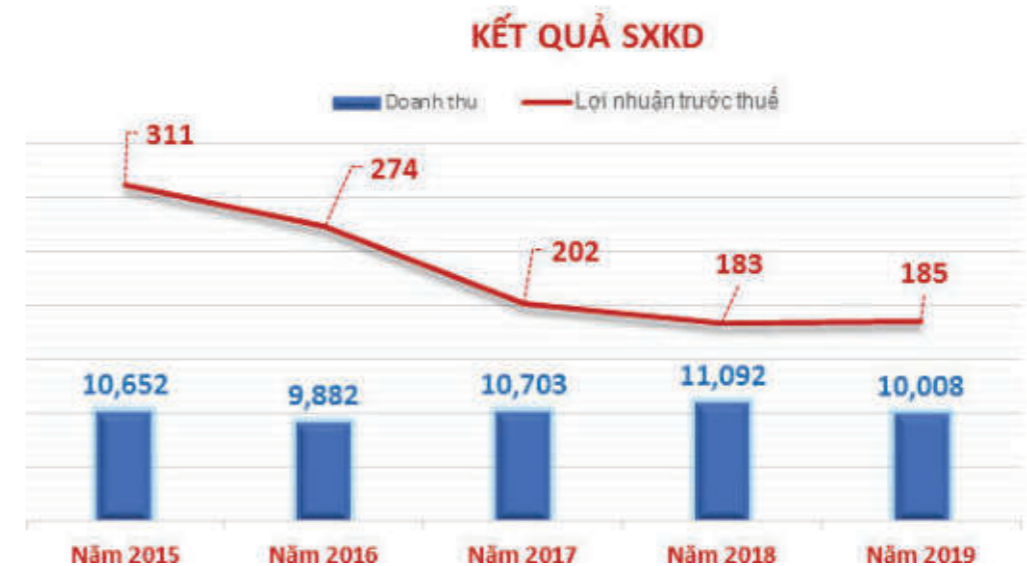
Kết quả, nhờ có sự đoàn kết và nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV, sự ủng hộ, tin dùng của khách hàng nên PETROSETCO cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

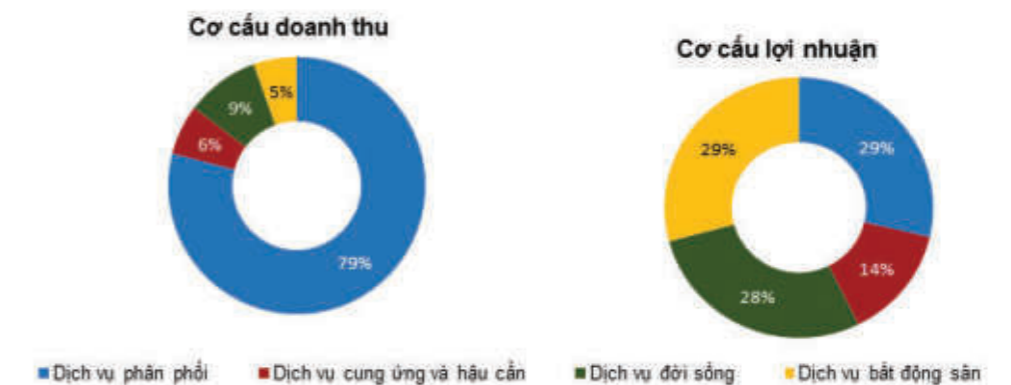
2. KẾT QUẢ CHUNG NĂM 2019

Kết thúc năm 2019, PETROSETCO ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt 10.008 tỷ đồng, vượt 11% kế hoạch đề ra và giảm 10% so với cùng kỳ. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 185 tỷ đồng, vượt 3% kế hoạch đề ra và tăng trưởng 1% so với cùng kỳ năm trước. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) đạt 1.323 đồng, bằng 111% so với năm 2018.

Chỉ tiêu	Đvt	TH 2018	KH 2019	TH 2019	Tỷ lệ (%)	
					So thực hiện cùng kỳ	So kế hoạch năm
Tổng tài sản	Tỷ đồng	5.563	5.800	4.966	89%	86%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	11.092	9.050	10.008	90%	111%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	183	180	185	101%	103%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	130	135	127	98%	94%
EPS	Đồng	1.196		1,323	111%	



3. KẾT QUẢ THEO MẢNG KINH DOANH



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	Tỷ trọng 2019	ĐVT: TỶ VNĐ	
					Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So KH
Tổng doanh thu (thuần)	11.092	9.050	10.008	100%	90%	111%
Dịch vụ phân phối	8.005	6.700	7.910	79%	99%	118%
Dịch vụ cung ứng và hậu cần	1.500	1.000	631	6%	42%	63%
Dịch vụ đời sống	971	750	924	9%	95%	123%
Dịch vụ bất động sản	616	600	543	5%	88%	91%
Lợi nhuận trước thuế	183	180	185	100%	101%	103%
Dịch vụ phân phối	51	59	53	29%	104%	90%
Dịch vụ cung ứng và hậu cần	39	38	26	14%	67%	68%
Dịch vụ đời sống	48	42	52	28%	108%	124%
Dịch vụ bất động sản	45	41	54	29%	120%	132%

4. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÁC MẢNG NĂM 2019

DỊCH VỤ PHÂN PHỐI:

Bao gồm phân phối thiết bị điện – điện tử và các sản phẩm hoá dầu.

- **Phân phối thiết bị điện tử** được triển khai bởi 03 đơn vị thành viên và 02 công ty con gián tiếp là: Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD); Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh (Công ty con của PSD); Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Công nghệ Xanh (Công ty con của PSD); Công ty Cổ phần Hội Tụ Thông Minh (Smartcom) và Công ty CP Phân phối Sản phẩm Công nghệ Cao Dầu khí (PHTD).

- **Phân phối sản phẩm hóa dầu** do Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT) triển khai thực hiện.

Trong năm qua, mảng dịch vụ phân phối đạt 7.910 tỷ đồng doanh thu, vượt 18% kế hoạch và giảm 1% so với cùng kỳ, đóng góp 79% trong tỷ trọng doanh thu; lợi nhuận mảng này đạt 53 tỷ đồng, giảm 10% kế hoạch và vượt 4% so với cùng kỳ, đóng góp 29% tỷ trọng lợi nhuận. Trong đó:

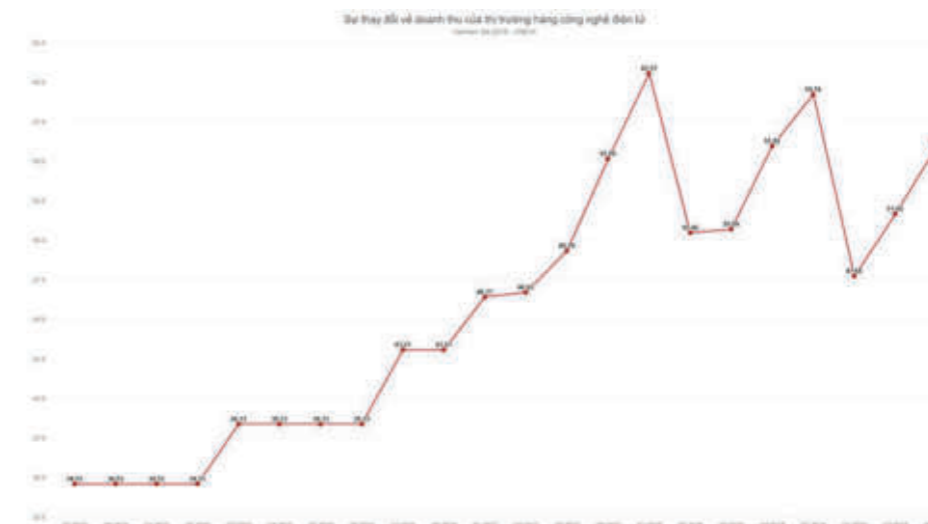
Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	Tỷ trọng 2019	ĐVT: TỶ VNĐ	
					Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So KH
Tổng doanh thu	8.005	6.700	7.910	100%	99%	118%
Điện - Điện tử	6.341	5.470	6.198	78%	98%	113%
Sản phẩm hóa dầu	1.664	1.230	1.712	22%	103%	139%
Tổng lợi nhuận	51	59	53	100%	104%	90%
Điện tử	42	50	43,7	83%	104%	87%
Sản phẩm hóa dầu	9,1	9	9,3	17%	102%	103%

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phân phối thiết bị điện tử: Số liệu từ báo cáo Thị trường quảng cáo số Việt Nam năm 2019 của Adsota cho thấy, Việt Nam hiện xếp thứ 14 trong top 15 thị trường smartphone lớn nhất thế giới. Tuy nhiên theo báo cáo mới đây của Công ty nghiên cứu thị trường GfK, thị trường smartphone tại Việt Nam lại có xu hướng giảm trong năm 2019 (giảm 4,8% so với năm 2018). Số liệu cho thấy nhu cầu về smartphone ở Việt Nam giảm đáng kể, xu thế người tiêu dùng trung thành với những điện thoại cũ thay vì mua smartphone mới đang diễn ra. Cũng theo số liệu từ GfK, các sản phẩm điện lạnh, điện gia dụng trong năm 2019 cũng khởi sắc với tỷ lệ tăng trưởng cao so với năm 2018.

	Q1 2019 B. VNĐ	Q2 2019 B. VNĐ	Q3 2019 B. VNĐ	Q4 2019 B. VNĐ	Q4 2019 / Q4 2018 / +/- %	Q1-Q4 2019 B. VNĐ	Q1-Q4 2019 / Q1-Q4 2018 +/- %
Sản phẩm Điện tử (CE)	14.351	8.519	9.785	12.887	6.7%	45.542	-3.1%
Sản phẩm máy ảnh kỹ thuật số (PH)	637	562	506	558	-18.2%	2.264	-18.5%
Sản phẩm Điện lạnh (MDA)	11.453	8.981	9.166	10.107	3.1%	39.707	3.0%
Sản phẩm Điện gia dụng (SDA)	2.513	1.742	2.138	2.721	17.5%	9.114	13.3%
Sản phẩm Công nghệ Thông tin (IT)	4.502	4.550	6.217	5.188	-1.1%	20.458	6.7%
Sản phẩm Điện thoại di động (TC)	25.564	23.145	23.600	24.187	-5.6%	96.496	-4.8%
Sản phẩm thiết bị văn phòng (OE)	162	183	187	191	5.5%	723	10.3%
GfK TEMAX @ Vietnam	59,182	47,683	51,599	55,839	-0.1%	214,304	-1.5%

Liên hệ đến kết quả kinh doanh của Ptrosetco, Điểm sáng của mảng phân phối điện tử là ngành hàng điện thoại Samsung do Ptrosetco phân phối tăng trưởng 1% so với năm 2018. Ptrosetco giữ vững được mức doanh thu tăng nhẹ so với cùng kỳ là do phân phối thêm các mặt hàng LCD Samsung, Khóa Smart Doorlock Samsung từ tháng 7/2019, cộng với thương hiệu Samsung là thương hiệu được ưa chuộng tại Việt Nam với nhiều dòng sản phẩm phù hợp với các lứa tuổi khác nhau. Tuy nhiên, với một số hãng điện thoại khác lại giảm nhiều trong năm 2019 như ITEL, Vivo, Blackberry,... Ngành hàng điện máy, điện lạnh, điện gia dụng cũng theo xu hướng tăng trưởng chung của thị trường với doanh thu mảng này tăng trưởng 9.3% so với cùng kỳ năm 2018.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trước tình hình trên, Ban lãnh đạo PETROSETCO chỉ đạo các đơn vị bám sát thị trường, tiếp tục mở rộng danh mục phân phối thông qua việc tìm kiếm các thương hiệu có tiềm lực, có thị hiếu phù hợp với thị trường Việt Nam, đồng thời mở rộng và phát triển mảng IT dành cho các tổ chức và doanh nghiệp (B2B), song song với việc liên tục rà soát loại dẫn các sản phẩm, thương hiệu phân phối có nhiều rủi ro và có hiệu quả thấp.

Trong năm 2019, PETROSETCO cũng đã chính thức mở rộng lĩnh vực kinh doanh các thiết bị, sản phẩm y tế khi chính thức góp vốn kinh doanh và trở thành cổ đông lớn của CTCP XNK Công nghệ Xanh với các sản phẩm mô nôi soi của Jonhson, thiết bị đo lượng tiểu đường Medtronic, các thiết bị y tế dung trong phẫu thuật Ethicon,... Kết quả doanh thu mảng điện tử đạt 6.198 tỷ đồng, vượt 13% kế hoạch và giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận mảng này đạt 43,7 tỷ đồng, bằng 87% kế hoạch và đạt 104% so với cùng kỳ năm 2018.

Phân phối sản phẩm hoá dầu: bao gồm phân phối hạt nhựa PP và khí hoá lỏng LPG. Là đơn vị bao tiêu sản phẩm PP, LPG của nhà máy lọc dầu Dung Quất khoảng 10 năm liên tiếp, PETROSETCO có lợi thế là còn nguồn cung hàng ổn định, điều này được khách hàng đánh giá cao, đặc biệt là khối khách hàng sản xuất. Do đó, thời gian qua PETROSETCO tập trung chủ yếu vào khách hàng sản xuất (end user), dù lợi nhuận không đột biến, nhưng giúp hoạt động kinh doanh được ổn định và giảm thiểu đáng kể rủi ro. Ngoài hoạt động phân phối, PETROSETCO cũng giành một phần sản lượng LPG để kinh doanh gas lẻ và mang lại hiệu quả tốt trong thời gian qua. Kết thúc năm, PETROSETCO tiêu thụ được 39.888 tấn nhựa PP và gần 29 nghìn tấn khí hóa lỏng LPG, mang lại doanh thu 1.712 tỷ đồng, tăng 3%, và lợi nhuận 9,3 tỷ đồng, tăng 2% so với cùng kỳ.

DỊCH VỤ CUNG ỨNG VÀ HẬU CẦN:

Bao gồm hoạt động cung ứng VTTB và cung cấp các dịch vụ hậu cần cho ngành Dầu khí.

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	Tỷ trọng 2019	ĐVT: TỶ VNĐ	
					Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So KH
Tổng doanh thu	1.500	1.000	631	100%	42%	63%
Cung ứng VTTB dầu khí	1.197	700	308	49%	26%	44%
Dịch vụ hậu cần	303	300	323	51%	107%	108%
Tổng lợi nhuận	39	38	26	100%	67%	68%
Cung ứng VTTB dầu khí	20,1	20	0,9	4%	5%	5%
Dịch vụ hậu cần	18,9	18	25,1	96%	133%	139%

Cung ứng VTTB: do Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS) triển khai thực hiện. Mảng kinh doanh này trong thời gian qua gặp nhiều khó khăn khi các dự án mới trong ngành Dầu khí không nhiều, các dự án dự kiến triển khai bị dừng, giãn tiến độ, không có những dự án lớn được triển khai mà hầu hết là những dự án nhỏ, bảo dưỡng, bảo trì... Bên cạnh đó Môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, việc đàm phán với nhà cung cấp ngày càng khó khăn. Chính những điều này gây áp lực lớn trong công tác đấu thầu cũng như tìm kiếm các nhà cung cấp tiềm năng.

Do những khó khăn trên mà kết quả kinh doanh trong năm 2019 của mảng này chưa đạt như kỳ vọng. Doanh thu 308 tỷ đồng, bằng 44% kế hoạch và 26% so với cùng kỳ, lợi nhuận ghi nhận ở mức 0,9 tỷ đồng. Việc sụt giảm này một phần là do tỷ giá USD/VNĐ năm 2019 tăng mạnh, khiến cho giá vốn đầu vào tăng trong khi đầu ra trong nước lại ký bằng VNĐ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Dịch vụ hậu cần: gồm các dịch vụ như logistics, cung ứng nhân sự, dịch vụ vận chuyển... do Công ty cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL), Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA), Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (PSV) triển khai thực hiện.

Thị trường chính của mảng kinh doanh này là dịch vụ trong ngành Dầu khí nên mảng này bị ảnh hưởng bởi giá dầu thấp, khiến khối lượng công việc ở mức không cao. Việc mở rộng ra ngoài ngành là tiền đề quan trọng trong việc điều chỉnh hệ thống quản lý nhằm tiết giảm chi phí tối ưu để có giá cả tốt nhất, đảm bảo tính cạnh tranh tại thị trường và nâng cao năng suất lao động.

Mảng dịch cung ứng lao động tăng trưởng mạnh so với 2018, khi PETROSETCO đón nhận xu thế outsource của các đơn vị trong, ngoài nước và thành công trong việc khẳng định thương hiệu thông qua chất lượng dịch vụ cung cấp đến khách hàng. Cho đến nay, PETROSETCO đã cung cấp dịch vụ lao động cấp cao đến các công ty, khách hàng lớn như: Phú Quốc POC, North Oil Company (NOC), Tây Nam POC, Thăng Long JOC, Hoàng Long Hoàn Vũ JOC, Murphy Oil,...

Kết thúc năm, doanh thu Dịch vụ Hậu cần đạt 323 tỷ đồng, vượt 8% kế hoạch và tăng trưởng 7% cùng kỳ, lợi nhuận đạt 25,1 tỷ đồng, vượt 39% kế hoạch và tăng trưởng 33% so với cùng kỳ.

DỊCH VỤ ĐỜI SỐNG

Bao gồm dịch vụ đời sống trên biển, cung cấp suất ăn văn phòng, suất ăn công nghiệp và cung cấp thực phẩm. Mảng kinh doanh này do các đơn vị Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (PSV) và Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA) triển khai thực hiện.

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	Tỷ trọng 2019	ĐVT: TỶ VNĐ	
					Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So KH
Tổng doanh thu	971	750	924	100%	95%	123%
Dịch vụ đời sống	901	700	854	92%	95%	122%
Cung ứng thực phẩm	70	50	70	8%	100%	140%
Tổng lợi nhuận	48	42	52	100%	108%	124%
Dịch vụ Catering	45	40	48,2	93%	107%	121%
Cung ứng thực phẩm	3	2	3,8	7%	126%	189%

PETROSETCO tiếp tục giữ vững vị thế với 95% thị phần trong ngành dầu khí. Tuy nhiên, thị trường trong ngành Dầu khí hầu như không tăng trưởng do giá dầu thấp nên các công trình mới hầu như rất ít, cộng thêm trong năm 2019 có nhiều giàn tạm ngưng hoạt động. Do đó, thời gian qua PETROSETCO đã đẩy mạnh phát triển ra thị trường ngoài ngành. Chính sách này đã giúp PETROSETCO tận dụng được ưu thế quy mô, cũng như thương hiệu đã có lâu năm và bước đầu phát huy được hiệu quả của nó. Kết thúc năm 2019, mảng kinh doanh này mang lại doanh thu 854 tỷ đồng, vượt 22% kế hoạch và giảm 5% so với cùng kỳ; lợi nhuận đạt 48,2 tỷ đồng, vượt 21% kế hoạch và tăng 7% so với cùng kỳ.

Một số công trình nổi bật trong năm: giàn Hakuruy 5, Hakuruy 11, tàu Lewek Emas, Bình Sơn (BSR), Vietsovpetro, Giàn Ruby 2, giàn PVD1,2,6, Giàn FPSO Thái Bình – Cửu Long JOC, Hòa Phát Quảng Ngãi-Hải Dương, Nghi Sơn – Thanh Hóa,... Bên cạnh đó, Petrosetco tiếp tục phát triển mạnh vào thị trường suất ăn trường học với một loạt hợp đồng mới trong năm như: hệ thống trường Ischool; hệ thống trường tiểu học, cao đẳng, đại học FPT; trường THCS và THPT Phạm Văn Đồng...

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Bao gồm dịch vụ quản lý bất động sản và hoạt động kinh doanh, khai thác bất động sản. Mảng kinh doanh này do các đơn vị Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA) và Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (POTS) triển khai thực hiện.

Trong chiến lược phát triển năm 2019, PETROSETCO đã tận dụng ưu thế về kỹ năng và kinh nghiệm của mình để tham gia quản lý và khai thác các tòa nhà, khách sạn, trung tâm thương mại ở ngoài ngành. Đây là những bước tiến đáng kể của PETROSETCO trong việc hướng ra thị trường bên ngoài và gặt hái được nhiều thành công, khi PETROSETCO liên tục mở rộng danh mục các công trình triển khai quản lý vận hành. Tính thời điểm hiện tại, PETROSETCO đang vận hành hơn 10 công trình trong ngành Dầu khí và hơn 30 công trình ngoài ngành trên địa bàn trải dài khắp cả nước. Một số công trình mới tiêu biểu trong năm 2019 như: Dịch vụ quản lý cho các tòa nhà ngoài ngành như Tòa nhà Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và tòa nhà HUD Tower tại Hà Nội; Tòa nhà Chi nhánh Ngân hàng phát triển – Đà Nẵng; Tòa nhà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Vũng Tàu; Khu nhà ở xã hội Hà Tĩnh, Khu trung tâm hành chính – Hội nghị tại Thanh Hóa, Tòa nhà Betrimex. Ngoài ra, nhằm đa dạng hóa và hoàn thiện chuỗi dịch vụ BĐS của mình, PETROSETCO đã đạt được thỏa thuận với Vinhomes để trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa cho cư dân tại 2 dự án là Vinhomes Central Park, Vinhomes Golden River.

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	Tỷ trọng 2019	ĐVT: TỶ VNĐ Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So KH
Tổng doanh thu	616	600	543	100%	88%	91%
Tổng lợi nhuận	45	41	54	100%	120%	132%

Bên cạnh đó, PETROSETCO tiếp tục khai thác ổn định và hiệu quả tổ hợp khu nhà ở và dịch vụ phục vụ liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn và hoạt động cho kinh doanh, cho thuê mặt bằng, văn phòng được triển khai tốt với công suất đạt mức tối ưu.

Với những kết quả nêu trên, mảng kinh doanh này năm mang lại 54 tỷ đồng lợi nhuận, vượt 32% kế hoạch, tăng trưởng 20% so với cùng kỳ. Để đạt được kết quả kinh doanh trên, đơn vị đã tối ưu hóa quy trình làm việc và tiết giảm chi phí triệt để.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

5. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

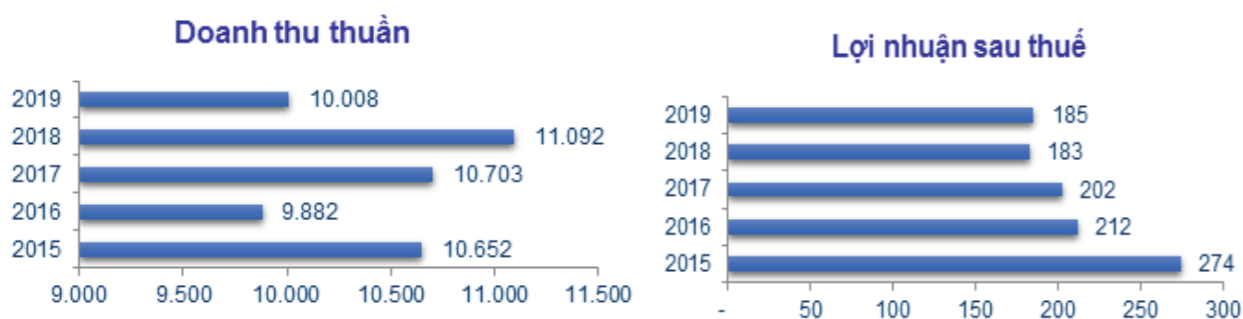
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	2015	2016	2017	2018	2019
KẾT QUẢ KINH DOANH					
Doanh thu thuần	10,652	9,882	10,703	11,092	10,008
Lợi nhuận gộp	819	658	748	662	611
Lợi nhuận trước thuế	274	212	202	183	185
Lợi nhuận sau thuế	212	167	144	130	127
EPS (VNĐ/CP)	2,012	1,578	1,400	1,196	1,323
Tỷ suất lợi nhuận					
Tỷ lệ lãi gộp	7.7%	6.7%	7.0%	6.0%	6.1%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	1.6%	1.5%	1.2%	1.0%	1.2%
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tài sản ngắn hạn					
Tiền và các khoản tương đương tiền	4,542	4,741	4,786	4,331	3,715
Các khoản phải thu ngắn hạn	1,461	1,694	1,342	1,038	816
Hàng tồn kho	1,334	1,632	2,229	1,847	1,451
Hàng tồn kho	1,301	970	775	1,006	1,122
Tài sản ngắn hạn khác	446	446	440	439	326
Tài sản dài hạn					
Tài sản cố định	602	1,486	1,387	1,232	1,251
Tài sản cố định	373	311	306	229	242
Bất động sản đầu tư	5	915	803	758	714
Tài sản dài hạn khác	225	259	278	245	296
Nợ phải trả					
Vay ngắn hạn	3,570	4,579	4,512	3,943	3,326
Vay ngắn hạn	1,864	2,303	2,030	1,614	1,271
Nợ phải trả ngắn hạn khác	1,512	1,856	2,069	1,943	1,735
Vay dài hạn	-	251	279	280	255
Nợ phải trả dài hạn khác	194	169	134	106	66

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ KINH DOANH

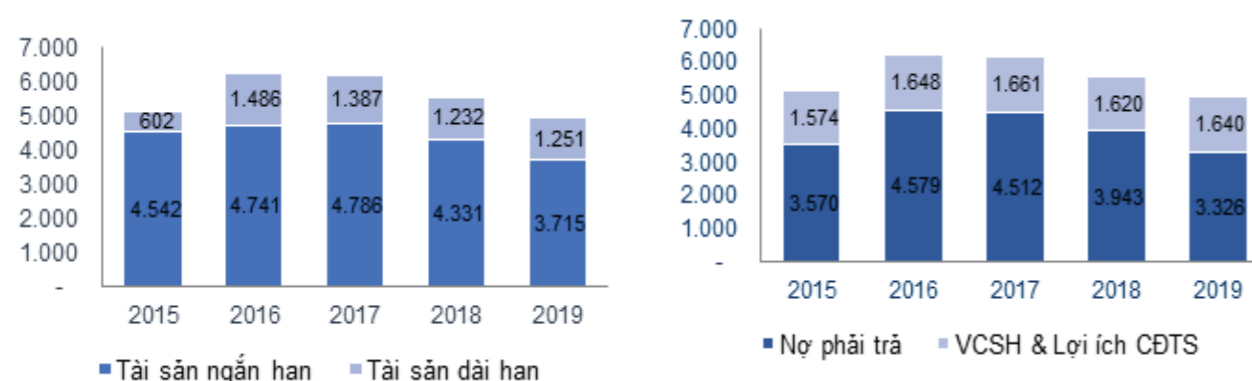
Năm 2019, doanh thu thuần giảm 1.084 tỷ đồng, tương đương 10% so với cùng kỳ năm 2018 do doanh mảng phân phối giảm. Đóng góp hơn 79% tỷ trọng doanh thu và 29% tỷ trọng lợi nhuận, mảng phân phối điện thoại và thiết bị điện tử điện lạnh trong những năm vừa qua gặp khá nhiều biến động bất lợi (cạnh tranh giữa nhà phân phối và các chuỗi bán lẻ ngày càng lớn mạnh, sự cạnh tranh chiếm lĩnh thị phần của rất nhiều hãng điện thoại Trung Quốc muốn chiếm lĩnh thị trường Việt Nam, ...) khiến cho kết quả kinh doanh của PETROSETCO không thể đạt được mức tăng trưởng như kỳ vọng.

Mảng phân phối giảm, nhưng đối với mảng dịch vụ Catering và quản lý bất động sản, năm 2019 Petrosetco đã có sự tăng trưởng so với năm 2018, tỷ trọng đóng góp của mảng kinh doanh này trong tổng doanh thu, lợi nhuận tăng so với năm 2018, góp phần vào việc hoàn thành kế hoạch Petrosetco đã cam kết với ĐHCĐ; cụ thể doanh thu thuần năm 2019 đạt 10.008 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 185 tỷ đồng, đạt lần lượt 111% và 103% so với kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cả năm đạt 1.323 đồng/cổ phần tăng 127 đồng (tương đương 11%) so với cùng kỳ năm trước.



TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Tổng tài sản của PETROSETCO tại thời điểm 31/12/2019 là 4.966 tỷ đồng, giảm 597 tỷ đồng, tương đương 11% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, chủ yếu biến động giảm của tài sản ngắn hạn, cụ thể tiền và các khoản tương đương tiền giảm 222 tỷ đồng, các khoản phải thu ngắn hạn giảm 396 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn giảm tương ứng với việc giảm của nợ ngắn hạn, trong đó vay ngắn hạn giảm 344 tỷ đồng và nợ phải trả ngắn hạn khác giảm 208 tỷ đồng.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2015	2016	2017	2018	2019
1. Chỉ tiêu tăng trưởng					
Tăng trưởng doanh thu	-7%	-8%	8%	4%	-10%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-10%	-21%	-14%	-10%	-2%
Tăng trưởng EPS	-27%	-22%	-11%	-15%	11%
Tăng trưởng tổng tài sản	-11%	21%	-1%	-10%	-11%
Tăng trưởng vốn chủ sở hữu	5%	4%	2%	-1%	2%
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán hiện hành	1.3	1.1	1.2	1.2	1.2
Hệ số thanh toán nhanh	1.0	0.9	1.0	0.9	0.9
Khả năng thanh toán lãi vay	3.9	3.6	2.9	3.0	3.7
3. Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay tổng tài sản	2.0	1.7	1.7	1.9	1.9
Vòng quay tài sản cố định	19.6	9.5	7.5	8.5	8.1
Vòng quay vốn lưu động bình quân	4.0	3.9	4.1	4.1	3.9
Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	45	55	66	67	60
Kỳ trả tiền bình quân (ngày)	55	64	70	68	69
Thời gian tồn kho (ngày)	52	45	32	31	41
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	2.07	1.59	1.73	1.99	2.02
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi					
Lợi nhuận gộp biên	7.7%	6.7%	7.0%	6.0%	6.1%
Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	2.6%	2.1%	1.9%	1.6%	1.0%
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1.7%	1.6%	1.5%	1.2%	1.0%
ROE (Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	12.2%	9.8%	8.4%	7.7%	8.1%
ROA (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	3.4%	2.3%	2.0%	2.0%	2.5%
5. Cơ cấu vốn					
Tổng nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	69%	74%	73%	71%	67%
Tổng nợ vay/Tổng nguồn vốn	36%	41%	37%	34%	31%
Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	2.52	3.12	3.03	2.67	2.20

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về quản lý vốn lưu động:

Vốn bằng tiền: với 10 đơn vị thành viên trực thuộc, nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền, PETROSETCO đang thực hiện việc quản lý dòng tiền của các đơn vị thành viên qua hệ thống tài khoản trung tâm, bằng cách điều chỉnh dòng tiền nhận từ những đơn vị dịch vụ về tài khoản tập trung của Công ty mẹ, sau đó điều chuyển dòng tiền cho các công ty phân phối đang có nhu cầu, từ đó tăng hiệu quả sử dụng dòng tiền đồng thời giúp giảm thiểu chi phí lãi vay. Tổng Công ty đã rất thành công trong việc duy trì mức giá trị vốn bằng tiền ở mức cao trong những năm vừa qua, đồng thời quản lý dòng tiền có hiệu quả, linh hoạt và an toàn, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh cũng như các dự án đầu tư theo kế hoạch.

Nợ phải thu khách hàng: chiếm 36% tài sản ngắn hạn, phần lớn nằm ở 4 đơn vị thành viên hoạt động trong mảng phân phối điện thoại, thiết bị điện tử. Đối với những đơn vị có hoạt động kinh doanh phân phối, việc nợ phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản là đặc trưng chung của ngành phân phối. Năm 2019, Petrosetco tập trung nhiều hơn vào công tác quản lý các khoản nợ phải thu, quản lý chặt theo tuổi nợ, cập nhật tình hình công nợ hằng ngày với đội ngũ bán hàng, đội ngũ quản lý để kết hợp nhịp nhàng giữa việc bán hàng với thu hồi công nợ. Từ đó kỳ thu tiền bình quân năm 2019 đã được cải thiện so với năm 2018. Đồng thời, bộ phận pháp lý phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện khởi kiện những khách hàng chậm thanh toán, không thực hiện thanh toán đúng hạn. Những khoản nợ được đánh giá là khó đòi hoặc khách hàng mất khả năng chi trả đều đã được PETROSETCO trích lập dự phòng theo đúng quy định.

Hàng tồn kho: chiếm 31% tài sản ngắn hạn. Chỉ số vòng quay hàng tồn kho năm 2019 là 8,6 lần. Chính sách hàng tồn kho luôn được duy trì và quản lý chặt chẽ; đặc biệt đối với các đơn vị phân phối ban lãnh đạo PETROSETCO luôn ý thức được rằng các mặt hàng điện thoại, thiết bị điện tử nếu càng để tồn kho lâu ngày thì sẽ càng mất giá trị và càng dễ hư hỏng do đó, Petrosetco đã đầu tư phát triển hệ thống phần mềm quản lý hàng hóa chuyên biệt (warehouse management system - WMS), qua đó có thể theo dõi lượng hàng tồn kho, bán hàng và doanh thu được ghi nhận liên tục qua phần mềm online. Việc đánh giá tuổi hàng tồn kho cũng được thực hiện và cập nhật liên tục cho ban lãnh đạo.

Nợ phải trả người bán ngắn hạn: chiếm 26% tổng nguồn vốn. Chỉ số vòng quay nợ phải trả người bán ở mức 7,3 lần (năm 2018 7,9 lần). Công ty luôn duy trì chính sách thanh toán với nhà cung cấp hợp lý và chặt chẽ, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Đảm bảo thanh toán đúng thời hạn đối với các nhà cung cấp, qua đó khẳng định được uy tín của Công ty đối với thị trường.

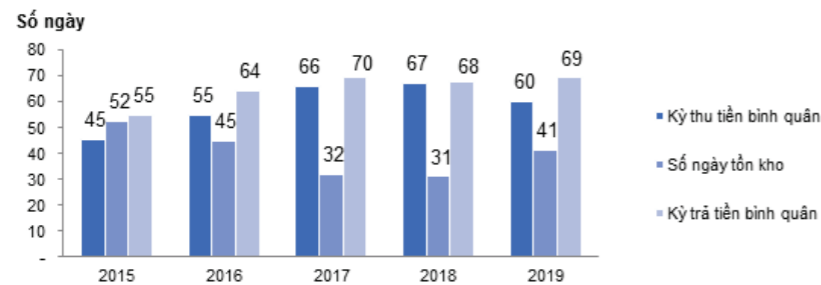
KHẢ NĂNG THANH TOÁN



KHẢ NĂNG THANH TOÁN LÃI VAY



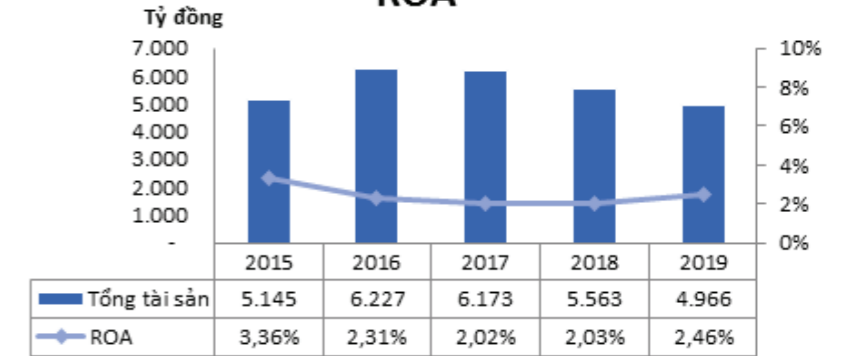
CHU KỲ TIỀN MẶT



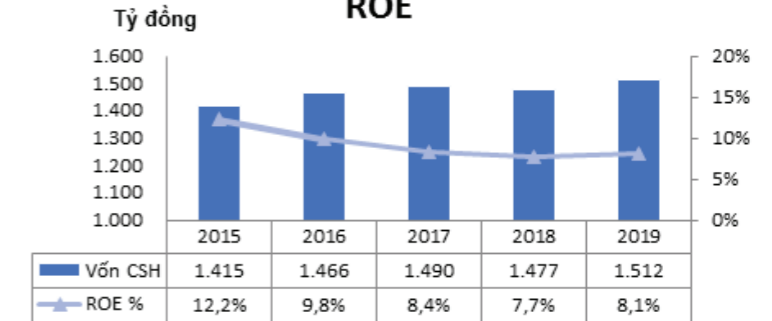
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về quản lý tài sản dài hạn: tài sản cố định và bất động sản đầu tư của PETROSETCO lần lượt chiếm 5% và 14% tổng tài sản. Chính sách quản lý tài sản dài hạn và đầu tư mới luôn được công ty chú trọng và duy trì để đảm bảo việc quản lý tài sản đạt hiệu quả cao, phù hợp với sự tăng trưởng trong tương lai, cũng như không để xảy ra lãng phí và thất thoát tài sản.

ROA



ROE



6. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2019

Dự án Cape Pearl: Dự án được triển khai tại khu đất số 12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh. Trong năm 2019, Petrosetco vẫn đang tiếp tục hoàn thiện các thủ tục về mặt pháp lý liên quan đến dự án. Sau khi hoàn thành các thủ tục pháp lý, thì Tổng công ty sẽ tính toán kế hoạch chi tiết về việc triển khai hoặc chuyển nhượng dự án nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất cho Tổng Công ty.

Dự án Vịnh Hoà Emerald Bay Resort: PETROSETCO góp 20% vốn tương đương 111,2 tỷ đồng vào Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hoà để triển khai dự án với quy mô 362 căn biệt thự biển và công trình phụ trợ trên diện tích 71,6 ha mặt đất và 50,3ha mặt biển. Năm 2019, Petrosetco đã góp được 16 tỷ đồng. Dự án được chia làm 3 giai đoạn, với giai đoạn 1 gồm: 200 căn biệt thự các công trình phụ trợ, giai đoạn 2: 42 căn biệt thự và giai đoạn 3: đầu tư 120 căn biệt thự và công viên biển. Hiện dự án đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý cuối cùng và chuẩn bị khởi công giai đoạn 1.

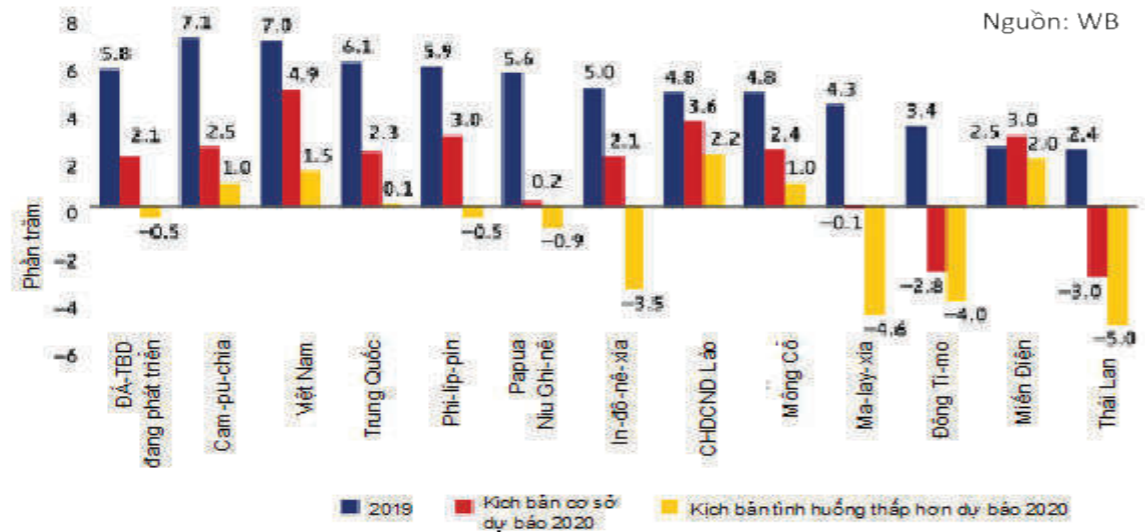
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

7.1 Tổng quan Kinh tế Việt Nam

Tăng trưởng dự báo mức 4,9% trong năm 2020

Trong điều kiện hội nhập sâu với nền kinh tế toàn cầu, Việt Nam đang chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh viêm đường hô hấp Covid-19. Theo các chuyên gia dự báo, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2020 của Việt Nam giảm xuống mức 4,9% trong năm 2020, cụ thể, trong quý I/2020 ước tăng trưởng GDP chỉ đạt 3,82%, thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Nếu các rủi ro do COVID-19 gia tăng, kinh tế có thể suy giảm mạnh hơn.



Theo khảo sát, 82% doanh nghiệp cho rằng doanh thu năm 2020 của họ sẽ bị sụt giảm so với năm 2019. Và có tới 30% doanh nghiệp dự báo có thể sụt giảm tới 30-50% và 22% sẽ sụt giảm trên 50%. Nếu tình hình dịch bệnh vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, thì có tới gần 30% số doanh nghiệp chỉ có thể duy trì hoạt động được không quá 3 tháng, 50% doanh nghiệp chỉ trụ được nửa năm. [nguồn: VCCI]

7.2 Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020

Dưới tác động của dịch Covid-19 và giá dầu giảm sâu, nhiều ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đã và đang gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là đơn vị dịch vụ như PETROSETCO. Tất cả các hoạt động của các đơn vị thành viên Tổng Công ty bị ảnh hưởng nặng nề. Tình trạng trên đã diễn ra và kéo dài suốt 3 tháng đầu năm 2020, đến nay vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại. Mặc dù chịu ảnh hưởng kép của dịch bệnh và giá dầu giảm, nhưng Ban lãnh đạo Petrosetco và các đơn vị thành viên đã xây dựng các kế hoạch chi tiết nhằm ứng phó với tình hình, ngay khi thị trường ổn định, Petrosetco sẽ triển khai mạnh mẽ các kế hoạch kinh doanh để có thể bù đắp cho những tháng đầu năm, với mục tiêu thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 theo các chỉ tiêu như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2019	TH 2019	KH 2020	Tỷ lệ %	
				4=3/1	5=3/2
Tổng doanh thu	9.050	10.008	9.100	101%	91%
Lợi nhuận trước thuế	180	185	180	100%	97%
Lợi nhuận sau thuế	140	127	140	100%	110%
Vốn điều lệ	866	866	866	100%	100%
Tỷ lệ chia cổ tức	10%	10%	10%	100%	100%

Ghi chú: Nếu thời gian kéo dịch bệnh và những hệ lụy không thể khắc phục được Tổng Công ty xin ý kiến điều chỉnh kế hoạch năm 2020 tại Đại hội cổ đông sau.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

8. GIẢI PHÁP HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

Để hoàn thành các mục tiêu chiến lược và kế hoạch của PETROSETCO trong năm 2020, Ban điều hành xây dựng giải pháp cụ thể như sau:

DỊCH VỤ PHÂN PHỐI:

Mục tiêu: Trong năm 2020 phấn đấu đưa vào phân phối từ 2-3 sản phẩm mới có thương hiệu, uy tín trên thị trường. Trong các năm tiếp theo sẽ triển khai phân phối thêm các ngành hàng mới phù hợp với xu hướng của thị trường. Ít nhất triển khai thêm 1-2 ngành hàng mới trong thời gian từ đây đến năm 2021.

Giải pháp: Tái cơ cấu danh mục phân phối, loại bỏ các sản phẩm có hiệu quả thấp, mang lại nhiều rủi ro cho quá trình kinh doanh. Tập trung tối đa đẩy nhanh việc tiêu thụ hàng hóa đã nhập trong năm 2019 và đầu năm 2020, đặc biệt là những sản phẩm tồn kho lâu ngày. Xây dựng kế hoạch nhập hàng, kế hoạch tiêu thụ chi tiết để làm căn cứ nhập hàng trước tình hình diễn biến phức tạp.

Sau khi đã xây dựng và mở rộng nền tảng mạng lưới phân phối, Petrosetco sẽ cân nhắc chọn lọc các dòng sản phẩm mới từ khách hàng hiện tại và cả khách hàng mới dựa trên cơ sở chiếm lĩnh phân khúc mới nổi và tối ưu hóa chi phí của hệ thống. Phát triển các đại lý vệ tinh, triển khai thực hiện mảng Back to Back cho các dự án IT. Đào tạo và phát triển nhân sự đáp ứng và phù hợp với tình hình phát triển thực tế của ngành. Các sản phẩm mới được PETROSETCO đưa vào phân phối như phần mềm, mở rộng mảng cung cấp tới các doanh nghiệp (B2B), các sản phẩm công nghệ thông minh cho Smarhome, hợp tác chặt chẽ với các nhà cung cấp giải pháp tích hợp, hệ thống để đồng hành cung cấp sản phẩm cho khách hàng đầu cuối... sẽ tạo nên cơ hội và đóng góp nhất định vào doanh số của Petrosetco.

DỊCH VỤ CUNG ỨNG VÀ HẬU CẦN ĐẦU KHÍ

Mục tiêu: Tiếp tục duy trì doanh số, đồng thời nâng cao hiệu quả đối với thị trường trong ngành. Triển khai mở rộng ra thị trường ngoài ngành, tốc độ tăng trưởng dự kiến 10%/năm.

Giải pháp: Đối với thị trường trong ngành: tăng cường tiếp cận các công trình, dự án mới, đồng thời rà soát quy trình, chi phí cũng như dự báo, kiểm soát những rủi ro về tỷ giá để nâng cao hiệu quả.

Đối với thị trường ngoài ngành: đẩy mạnh công tác marketing, tìm kiếm khách hàng, song song với việc nâng cao năng suất lao động để gia tăng sức cạnh tranh. Phát triển thêm các dịch vụ có liên quan để hoàn thiện chuỗi dịch vụ và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng. Đặc biệt là nhắm đến việc cung cấp các giải pháp, dịch vụ trọn gói. Để thực hiện được điều này, PETROSETCO sẽ gia tăng năng lực, cơ sở vật chất thông qua việc đầu tư hoàn thiện cũng như liên kết với các đơn vị khác.

DỊCH VỤ ĐỜI SỐNG

Mục tiêu: giữ vững được thị trường trong ngành Dầu khí, đồng thời phát triển mạnh ra các ngành nghề khác và nhắm đến thị trường các nước lân cận trong thời gian tới.

Giải pháp: Các sản phẩm đầu vào sẽ được nghiên cứu và sàng lọc với các tiêu chí xây dựng thực đơn khác nhau tùy từng thời điểm, nhưng luôn đảm bảo đến mức cao nhất về chất lượng cho khách hàng. Duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng, tiếp tục áp dụng hệ thống ISO 9001-2015 và HACCP, quản lý rủi ro, Care card nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ, vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý môi trường, ổn định và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho các khách hàng hiện có. Đối với các thị trường mới, PETROSETCO sẽ xây dựng từng nhóm sản phẩm dịch vụ phù hợp với từng ngành nghề, từng thị trường để có sự tiếp cận phù hợp nhất. Song song với việc đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, vùng nguyên liệu, PETROSETCO cũng sẽ đẩy mạnh công tác marketing, tìm kiếm khách hàng.

DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Mục tiêu: Kiểm soát chặt chẽ các tòa nhà hiện đang quản lý trong tình trạng dịch bệnh diễn biến phức tạp, tiếp tục phát triển ra thị trường ngoài ngành Dầu khí, hướng đến mục tiêu là công ty cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành BĐS hàng đầu tại Việt Nam.

Giải pháp: không ngừng rà soát, nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý vận hành thông qua việc áp dụng CNTT, đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ CBCNV. Chuẩn bị sẵn sàng kịch bản phân công nhiệm vụ, mức độ duy trì hệ thống, phương án ứng phó tình huống để đảm bảo chủ động nhất có thể trong mọi trường hợp. Nghiên cứu cung cấp thêm các dịch vụ mới có liên quan để đa dạng hóa và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng. Tăng cường công tác marketing, tìm kiếm khách hàng, đặt biệt hướng đến các đối tượng khách hàng chuỗi, khách hàng hệ thống như các ngân hàng, trường đại học, công ty BĐS...

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Tổng quan về quản trị công ty

Trách nhiệm quản trị công ty được thực hiện bởi Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc dựa trên hệ thống quy định của pháp luật và hệ thống các quy chế quản trị nội bộ, quản trị rủi ro do Tổng Công ty ban hành trên cơ sở quy định của pháp luật.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Tổng Công ty, đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, để thông qua định hướng phát triển ngắn hạn và dài hạn, báo cáo tài chính hàng năm, kế hoạch ngân sách cho năm tiếp theo và kế hoạch phân chia lợi nhuận hàng năm của PETROSETCO. Hội đồng quản trị PETROSETCO gồm 05 thành viên, đến tháng 01/2020 Ông Kim Kang Ho từ nhiệm thành viên HĐQT, hiện số lượng thành viên HĐQT là 04 người. Tổng Công ty sẽ trình ĐHCĐ bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT trong kỳ họp năm 2020. Trong năm, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển của Tổng Công ty, công tác tái cấu trúc các đơn vị thành viên, ngành nghề hoạt động của Công ty, thảo luận các vấn đề liên quan đến việc chia cổ tức, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh trong năm,...

Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT của Tổng Công ty trong năm. Trong trường hợp có thành viên nào không tham gia họp được thì phải có thông báo gửi cho HĐQT với lý do cụ thể. Biên bản họp đều được gửi tới tất cả các thành viên HĐQT để ghi nhận lại các nội dung đã họp.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Ông Phùng Tuấn Hà: với chức vụ Chủ tịch HĐQT, ông đã trực tiếp chỉ đạo, định hướng hoạt động SXKD đối với Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trực tiếp điều hành các cuộc họp của HĐQT cũng như tham dự các họp quan trọng với các đối tác, khách hàng. Đặc biệt, trong giai đoạn ngành Dầu khí gặp nhiều khó khăn, ông quan tâm sát sao đến tình hình kinh doanh của các đơn vị thành viên, thường xuyên chủ trì các cuộc họp định kỳ cũng như các cuộc họp đột xuất đối với ban lãnh đạo, chủ động tham dự họp giao ban với các đơn vị thành viên để nắm bắt sát sao các hoạt động và có giải pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn cho đơn vị, cũng như mở rộng hoạt động kinh doanh. Song song với việc định hướng quản lý, ông còn tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác với các đối tác lớn trên thế giới giới thiệu cho các đơn vị nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, ông còn trực tiếp kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT, trực tiếp tham gia chỉ đạo điều hành Công ty Petrosetco Vũng tàu - đơn vị đông người lao động nhất trong Tổng Công ty nhằm mục đích cải tiến chất lượng dịch vụ, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới cung cách quản lý, duy trì ổn định doanh thu, lợi nhuận và thu nhập cho người lao động.

Ông Vũ Tiến Dương: là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty, ông Vũ Tiến Dương đã tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của HĐQT và trực tiếp điều hành hoạt động SXKD của Tổng Công ty đúng theo kế hoạch đã đề ra. Ông cũng đã có những đóng góp tích cực trong quá trình hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ, tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và là cầu nối quan trọng giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Ngoài việc chỉ đạo, điều hành chung, ông còn được HĐQT giao nhiệm vụ trực tiếp điều hành Công ty PSD – Công ty có doanh số và lợi nhuận lớn nhất trong Tổng Công ty, đồng thời theo dõi và phát triển mảng phân phối, chú trọng mở rộng danh mục phân phối, kiểm soát tốt công nợ, hạn chế hàng tồn kho, đảm bảo hiệu quả vốn.

Bà Phạm Thị Hồng Điệp: là thành viên HĐQT kiêm nhiệm, được HĐQT giao việc quản lý, định hướng phát triển mảng kinh doanh quản lý BĐS, bà đã tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT cũng như đóng góp nhiều ý kiến đối với việc hoàn thiện các Nghị quyết HĐQT đã ban hành. Ngoài ra, Bà Phạm Thị Hồng Điệp đã đưa ra các ý kiến tư vấn cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đối với công tác tổ chức, truyền thông, phát triển thương hiệu. Bà còn được giao kiêm nhiệm CTHĐQT công ty POTS. Với kinh nghiệm nhiều năm trong ngành dịch vụ quản lý Bất động sản, bà quan tâm và có nhiều chỉ đạo, đóng góp đối với việc phát triển dịch vụ, đặc biệt là việc hoàn thiện, đa dạng hóa chuỗi dịch vụ của PETROSETCO.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Bà Lê Thị Chiến: là thành viên HĐQT độc lập nhưng bà đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT cũng như đóng góp nhiều ý kiến đối với việc hoàn thiện các Nghị quyết HĐQT đã ban hành. Đặc biệt, Bà Lê Thị Chiến còn quan tâm và có nhiều tư vấn, đóng góp cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đối với công tác tài chính, kế toán và kiểm toán. Công tác quản trị rủi ro cũng được Bà Chiến đặc biệt quan tâm và đã có nhiều chỉ đạo, đóng góp ý kiến có liên quan đến vấn đề này trong các cuộc họp của Tổng Công ty.

Ông Kim Kang Ho: Được bầu là thành viên HĐQT độc lập từ tháng 4/2018 đến tháng 1/2020, ông Kim Kang Ho với nền tảng và kinh nghiệm trong hoạt động SXKD trong môi trường quốc tế, trong năm qua đã giúp HĐQT giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ của PETROSETCO ra thị trường quốc tế, tạo nhiều cơ hội hợp tác giữa PETROSETCO với các đối tác quốc tế, đặc biệt là các doanh nghiệp Hàn Quốc.

Trong năm 2019, HĐQT của PETROSETCO đã tiến hành số lần họp như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phùng Tuấn Hà	CT.HĐQT	09/04/2015	10/10	100%	
2	Ông Vũ Tiến Dương	UVHĐQT	15/04/2014	10/10	100%	
3	Ông Kim Kang Ho	UVHĐQT	27/04/2018	5/10	50%	
4	Bà Lê Thị Chiến	UVHĐQT	05/04/2013	10/10	100%	
5	Bà Phạm Thị Hồng Điệp	UVHĐQT	01/01/2016	10/10	100%	

Trong năm 2019, HĐQT đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của HĐQT, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động của BĐH trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Năm 2019, HĐQT Tổng Công ty đã tổ chức các cuộc họp thường xuyên và định kỳ theo đúng quy định của Điều lệ hoạt động và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, việc này góp phần giúp cho Hội đồng quản trị có những quyết sách kịp thời, minh bạch và phù hợp với chiến lược phát triển và nhu cầu hoạt động của Tổng Công ty. Các thành viên HĐQT đã đưa ra các quyết định, chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh theo đúng Nghị quyết đã được ĐHCĐ thường niên 2019 thông qua.

Hội Đồng Quản Trị đã có những chủ trương và ban hành các Nghị quyết chỉ đạo hoạt động của Tập đoàn trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT được ban hành theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự và thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, phù hợp với thực tiễn kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh cũng như chiến lược của PETROSETCO.

Công tác quản trị tiếp tục được minh bạch hóa. Các thành viên HĐQT độc lập đều giữ vị trí lãnh đạo lâu năm, có uy tín cao, có bề dày kinh nghiệm sâu sắc và mạng lưới quan hệ rộng rãi. Trong năm 2019, các thành viên này đã đóng góp, hỗ trợ đắc lực về mặt định hướng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới và phát triển thị trường mới.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh trong toàn Tổng Công ty, đảm bảo Công ty triển khai các hoạt động theo đúng chiến lược, định hướng của Đại hội cổ đông, HĐQT đã thông qua. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc được phân công, phân nhiệm rõ ràng. Định kỳ Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên thông qua các ban chức năng nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của từng đơn vị để phục vụ cho công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Petrosetco luôn tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến quản trị công ty, công bố thông tin, bao gồm:

- Luật doanh nghiệp 2014
- Luật chứng khoán 2006 và luật sửa đổi bổ sung năm 2010
- Nghị định số 71/NĐ-CP về việc quản trị công ty và thông tư 155/2015/TT-BTC về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Năm 2019, Petrosetco đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty và thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn về tình hình hoạt động của công ty cho các cổ đông, cơ quan quản lý Nhà nước và các bên liên quan một cách minh bạch, chính xác, kịp thời. Thông qua đó, quyền lợi của các cổ đông được đảm bảo đầy đủ và bình đẳng.

Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác

Thù lao cho HĐQT năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty phê duyệt. Chi tiết thù lao của các thành viên HĐQT của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 được phân chia theo tỷ lệ phần trăm vào các loại sau: (1) Tiền lương, (2) Tiền thưởng dựa trên kết quả hoạt động SXKD, (3) Thù lao HĐQT. Tổng Công ty đã phân bổ các khoản như sau:

Thành viên HĐQT	Lương	Tiền thưởng dựa trên KQ HĐ SXKD	Thù lao HĐQT
Thành viên chuyên trách			
Ông Phùng Tuấn Hà	61,88%	39,12%	0%
Thành viên không chuyên trách			
Ông Vũ Tiến Dương (TV.HĐQT kiêm TGĐ)	57,00%	36,00%	7,00%
Bà Phạm Thị Hồng Điệp (TV.HĐQT kiêm P.TGĐ)	55,82%	27,43%	16,75%
Bà Lê Thị Chiến	0%	0%	100%
Ông Kim Kang Ho	0%	0%	100%

Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị nội bộ, quản lý rủi ro, thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Petrosetco đã thực hiện việc chuyển đổi mô hình bỏ Ban kiểm soát và thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

Các Thành viên Ban KTNB làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng; Duy trì mối quan hệ công tác và phối hợp tốt với các Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng của Petrosetco. Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ được phân công nhiệm vụ cụ thể và đã hoàn thành các nhiệm vụ trong kế hoạch phân công công việc cho mỗi thành viên, trong quá trình làm việc, các thành viên luôn trao đổi công việc và phối hợp chặt chẽ với nhau để hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ được thực hiện kịp thời, hiệu quả

Trong năm 2019 Ban KTNB đã thực hiện việc rà soát, kiểm tra các quy định, quy chế, quy trình hoạt động nội bộ đặc biệt là đánh giá các rủi ro đối với hoạt động kinh doanh phân phối- mảng kinh doanh chủ đạo của Tổng Công ty, từ đó có đề xuất với Hội đồng quản trị thay đổi, bổ sung các quy định để nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty. Ban KTNB đã thực hiện việc cung cấp thông tin, đánh giá đầy đủ về tình hình hoạt động kinh doanh, các mảng hoạt động của Công ty, những rủi ro trong hoạt động kinh doanh cho HĐQT.

Ban KTNB đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính, thống nhất xác nhận kết quả Báo cáo tài chính năm 2019 của Petrosetco và đánh giá như sau :

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

- Báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019. Báo cáo tài chính của Petrosetco đã được kiểm toán theo qui định tại Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam (PwC) đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành. Thực hiện báo cáo và công bố thông tin định theo đúng các qui định hiện hành.

CÁC NGHỊ QUYẾT HĐQT ĐÃ BAN HÀNH TRONG NĂM 2019

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-DVTHDK	8/1/2019	Về việc bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền trung được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – CN Đà Nẵng
2	02/NQ-DVTHDK	8/1/2019	Về việc bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền trung được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Quảng Ngãi
3	03/NQ-DVTHDK	30/1/2019	Về việc Tăng vốn Điều lệ và bán cổ phần cho người lao động tại Công ty PSA
4	04/NQ-DVTHDK	21/2/2019	Cấp bảo lãnh cho công ty Cổ Phần Dịch vụ Phân Phối Tổng hợp Dầu khí được cấp tín dụng tại NH TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh 7 TP HCM.
5	05/ NQ-DVTHDK	7/3/2019	Cấp bảo lãnh cho công ty Cổ Phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền trung được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – Chi nhánh Quảng Ngãi
6	06/NQ-DVTHDK	14/3/2019	Về việc đảm bảo năng lực tài chính cho CTCP DV Logistic Dầu khí VN được tham gia thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn kỹ thuật, quản lý dự án Khí lò B cho công ty điều hành Dầu khí Phú quốc
7	06A/NQ-DVTHDK	15/3/2019	Về việc giao đại diện phần vốn góp của Petrosetco tại Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí
8	06B/NQ-DVTHDK	15/3/2019	Về việc cử Ông Hoàng Đăng Ánh kiêm nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí từ ngày 15/03/2019
9	06C/NQ-DVTHDK	15/3/2019	Về việc cử Ông Hoàng Đăng Ánh kiêm nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Phân phối Công nghệ cao Dầu khí từ ngày 15/03/2019
10	06D/NQ-DVTHDK	15/3/2019	Về việc cử Bà Bùi Vũ Quỳnh Như kiêm nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí từ ngày 15/3/2019
11	07/NQ-DVTHDK	26/3/2019	Về việc công tác cán bộ tại Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD)
12	07A/NQ-DVTHDK	27/3/2019	Về việc giao đại diện phần vốn và giới thiệu nhân sự

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

14	09/NQ-DVTHDK	18/4/2019	Về việc Bảo lãnh cho Công ty Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển được tái cấp hạn mức tín dụng tại NH TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7 HCM
15	10/NQ-DVTHDK	19/4/2019	Về việc bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được tái cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Vietcombank –CN HCM
16	11/NQ-DVTHDK	24/4/2019	Về việc thông qua chủ trương bán khách sạn Petrosetco Vũng tàu
17	12/NQ-DVTHDK	25/4/2019	Về việc công tác cán bộ tại PHTD
18	13/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ	26/4/2019	Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của TCT CP DV TH Dầu khí
19	14/NQ-DVTHDK	3/5/2019	Về việc Bảo lãnh thanh toán cho Smartcom thực hiện hợp đồng với Zebra Technologies Asia Pacific PTE.LTD.
20	15/NQ-DVTHDK	16/5/2019	Về việc chi Cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt.
21	16/NQ-DVTHDK	4/6/2019	Lựa chọn công ty TNHH PricewaterhouseCoopers VN kiểm toán BCTC năm 2019.
22	16A/NQ-DVTHDK	28/6/2019	Về việc không tính chi phí lãi vay sử dụng vốn năm 2019 cho công ty CP Hội tụ Thông minh
23	17/NQ-DVTHDK	12/7/2019	Về việc giao đại diện phần vốn góp của Petrosetco tại công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí
24	18/NQ-DVTHDK	12/7/2019	Về việc công tác cán bộ tại Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD)
25	19/NQ-DVTHDK	12/7/2019	Về việc công tác cán bộ tại Công ty Cp Thương mại dịch vụ Dầu khí miền trung (PSMT)
26	20/NQ-DVTHDK	12/7/2019	Về việc công tác cán bộ tại Công ty Cp dịch vụ Logistic Dầu khí Việt nam (PSL)
27	21/NQ-DVTHDK	12/7/2019	Về việc công tác cán bộ tại Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (Smartcom)
28	22/NQ-DVTHDK	12/7/2019	Về việc công tác cán bộ tại Công ty Điện tử điện lạnh Bình Minh (BMD)
29	23/NQ-DVTHDK	24/7/2019	Về việc điều chỉnh hạn mức tín dụng, thời hạn bảo lãnh cho công ty cổ phần phân phối sản phẩm công nghệ cao Dầu khí tại VCB cn 7
30	24/NQ-DVTHDK	25/7/2019	Về việc điều chỉnh hạn mức tín dụng, thời hạn bảo lãnh cho công ty cổ phần phân phối sản phẩm công nghệ cao Dầu khí tại Ngân hàng TMCP Quân đội CN Sài gòn
31	25/NQ-DVTHDK	1/8/2019	Về việc Bổ nhiệm người Phụ trách quản trị Petrosetco- Ông Sơn Chí Tân

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

32	26/NQ-DVTHDK	14/8/2019	Về việc Bảo lãnh cho công ty CP Hội tụ Thông minh được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đại chúng VN CN HCM
33	27/NQ-DVTHDK	27/8/2019	Về việc Bảo lãnh cho công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội CN Sài gòn
34	28/NQ-DVTHDK	30/8/2019	Về việc bảo lãnh cho Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đại chúng chi nhánh HCM
35	29/NQ-DVTHDK	3/9/2019	Về việc bảo lãnh cho công ty Cổ phần phân phối sản phẩm công nghệ cao Dầu khí được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN 7)
36	30/NQ-DVTHDK	6/9/2019	Về việc công tác cán bộ tại Công ty cổ phần dịch vụ phân phối tổng hợp Dầu khí (PSD)
37	31/NQ-DVTHDK	10/9/2019	Về việc bảo lãnh cho Công ty Cp Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển được cấp hạn mức tín dụng tại Vietcombank CN HCM
38	32/NQ-DVTHDK	2/10/2019	Về việc bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình minh được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam chi nhánh 07
39	33/NQ-DVTHDK	7/10/2019	Về việc bảo lãnh cho Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội CN Sài gòn
40	34/NQ-DVTHDK	18/10/2019	Về việc Thông qua chủ trương bán đấu giá quyền sử dụng khu đất 1.616.8 m2 tại số 01 Trần Khắc Chung, Phường 7, Vũng Tàu
41	35/NQ-DVTHDK	15/11/2019	Về việc bảo lãnh cho công ty Cổ phần phân phối sản phẩm công nghệ cao Dầu khí được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội CN Sài gòn
42	36/NQ-DVTHDK	25/11/2019	Về việc giới thiệu bổ nhiệm cán bộ - Ông Đào Đại và Huỳnh Văn Ngân giữ chức vụ Phó TGD Tổng công ty
43	37/NQ-DVTHDK	6/12/2019	Về việc bảo lãnh cho công ty Cổ phần phân phối sản phẩm công nghệ cao Dầu khí được cấp hạn mức tín dụng tại NHTMCP Ngoại thương VN – CN HCM
44	38/NQ-DVTHDK	11/12/2019	Về việc công tác cán bộ tại Petrosetco -thời giữ chức vụ Phó TGD đối với Ông Nguyễn Thanh Tú và Ông Phan Quang Tuấn Anh
45	39/NQ-DVTHDK	27/12/2019	Hội nghị NLD và Tổng kết hoạt động SXKD năm 2019, triển khai kế hoạch năm 2020 của Tổng công ty CP DV TH Dầu khí
46	40/NQ-DVTHDK	30/12/2019	Bảo lãnh cho CTCP DV Logistic Dầu khí VN thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ nhân sự, tư vấn kỹ thuật, quản lý dự án phát triển mỏ sục tử trắng GD 2 cho CT Liên doanh điều hành dầu khí Cửu Long

BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Nhìn lại những diễn biến đã xảy ra trong năm 2019, chúng ta có thể nói “Năm 2019 là năm của những biến động: biến động chính trị, biến động kinh tế và biến đổi khí hậu”. Những biến động đó diễn ra liên tục với cường độ ngày càng mạnh mẽ, tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp cũng như đời sống sinh hoạt của mỗi cá nhân nói riêng. Biến động dẫn đến hệ quả phát sinh rủi ro khó lường cũng như những cơ hội cần nắm bắt kịp thời. Trước tình hình đó, hệ thống quản trị rủi ro của PETROSETCO cũng không nằm ngoài quy luật ứng biến với những thay đổi trên nhiều phương diện để gắn kết giữa quản trị rủi ro với mục tiêu phát triển của Công ty và cơ hội đầu tư phát triển trong tương lai.

Hoạt động quản trị rủi ro (QTRR) tại PETROSETCO được xây dựng và triển khai nhằm các mục tiêu sau đây:

- Kịp thời nhận diện rủi ro và khai thác các cơ hội, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hỗ trợ chiến lược phát triển kinh doanh thông qua việc triển khai các quy trình, công cụ và kỹ thuật QTRR hiệu quả và nhất quán trong toàn Tổng Công ty.
- Phân định rõ ràng trách nhiệm sở hữu và quản trị rủi ro, xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo rủi ro liên tục trong toàn Tổng Công ty.

Cơ hội trong rủi ro là quan điểm của PETROSETCO. Vì vậy, QTRR không phải chỉ bao gồm giảm thiểu rủi ro mà cần phải phân tích tường tận rủi ro, tối ưu hóa tương quan giữa rủi ro và cơ hội, chấp nhận rủi ro trong phạm vi cho phép của Tổng Công ty. Nhờ đó, PETROSETCO chọn lọc và chấp nhận rủi ro một cách thận trọng, có kiểm soát vì những mục tiêu kinh doanh hợp lý.

Hoạt động QTRR được thực hiện xuyên suốt từ HĐQT đến các phòng ban chức năng của Tổng Công ty nhằm kịp thời phát hiện những rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

Bộ phận	Vai trò Quản trị rủi ro
Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none">- Xây dựng và truyền tải văn hóa QTRR- Xây dựng một cơ cấu quản trị mạnh mẽ và minh bạch nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong cơ cấu tổ chức- Xây dựng cơ chế ủy quyền kiểm soát và giám sát rủi ro trong hạn mức cho phép- Ban hành Quy chế, chính sách và phương pháp QTRR nhằm xác định, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trọng yếu- Quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy QTRR.
Ban Tổng giám đốc	Giám sát, đảm bảo hoạt động QTRR được thực hiện phù hợp với chiến lược và chính sách QTRR.
Bộ phận quản trị rủi ro	<p>Phối hợp với các ban khác thực hiện QTRR bằng việc sử dụng các công cụ, hạn mức rủi ro và quy trình QTRR.</p> <p>Rà soát hệ thống QTRR, xem xét những điểm còn hạn chế cần bổ sung và đề xuất với HĐQT hoàn thiện hệ thống QTRR.</p>
Các ban chức năng	Thực hiện QTRR theo các quy định đã được ban hành. Đề xuất các điều chỉnh với bộ phận QTRR nếu phát hiện các hạn chế.

Hoạt động QTRR không chỉ được thực hiện bởi bộ phận QTRR mà còn được thực hiện ngay từ các bộ phận kinh doanh, song hành có sự kiểm tra, giám sát từ các bộ phận kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2019

PETROSETCO luôn coi quản trị rủi ro như là một bộ phận không thể tách rời với chiến lược phát triển. Hoạt động QTRR được phân loại theo từng nhóm rủi ro để từ đó đề ra những biện pháp cụ thể với từng nhóm rủi ro cũng như tiếp tục hoàn thiện các quy trình QTRR cho toàn bộ hệ thống, phù hợp với chiến lược QTRR của Tổng Công ty. Ngoài ra, để tăng cường nhận thức về QTRR đến với từng cán bộ trong Tổng Công ty, hàng năm, PETROSETCO đều tổ chức các buổi hội thảo, đào tạo và truyền thông về các rủi ro mới, các thay đổi về môi trường pháp lý, luật pháp cho Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV.

CÁC NHÓM RỦI RO CHÍNH

STT	Nhóm rủi ro	Rủi ro
1	Rủi ro chiến lược	Rủi ro về kinh tế vĩ mô
2		Rủi ro về cạnh tranh
3		Rủi ro truyền thông
4		Rủi ro nhân sự kế thừa
5		Rủi ro mất khách hàng quan trọng
6	Rủi ro hoạt động	Rủi ro sức khỏe và an toàn lao động
7		Rủi ro hàng tồn kho
8		Rủi ro thu hồi công nợ
9		Rủi ro chi phí hoạt động
10		Rủi ro quản trị nguồn nhân lực
11	Rủi ro tài chính	Rủi ro cân đối dòng tiền và tính thanh khoản
12		Rủi ro lãi suất
13		Rủi ro tỷ giá
14	Rủi ro tuân thủ	Rủi ro tuân thủ quy định pháp luật
15		Rủi ro trách nhiệm bảo vệ môi trường

Rủi ro về kinh tế vĩ mô

Là một đơn vị có nhiều hoạt động trong ngành dầu khí, tất cả những biến động liên quan từ giá dầu đến tình hình hoạt động của các dự án khai thác dầu đều ảnh hưởng và nằm trong mục tiêu giám sát và QTRR của PETROSETCO. Bên cạnh đó, Thương mại - Phân phối là lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn về cả doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty, bị tác động và chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động của nền kinh tế vĩ mô. Các yếu tố quan trọng của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tăng trưởng tín dụng, tỷ giá, chỉ số tiêu dùng, tỷ lệ tiết kiệm, đầu tư hay tỷ lệ thất nghiệp đều có ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của PETROSETCO. Tổng Công ty tiến hành QTRR bằng cách khoanh vùng và tập trung vào các ngành có doanh thu thường xuyên như phân phối thiết bị điện tử viễn thông, quản lý vận hành bất động sản và dịch vụ catering. Ngoài ra, PETROSETCO cũng thành lập các bộ phận chuyên môn giám sát môi trường kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời tư vấn cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc các xu hướng kinh tế vĩ mô tương lai cũng như tác động đối với các lĩnh vực kinh doanh trọng yếu để từ đó ban lãnh đạo có thể đưa ra các quyết sách, chiến lược phù hợp.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro cạnh tranh

Ban lãnh đạo PETROSETCO chú trọng xây dựng hoạch định chiến lược và mô hình kinh doanh linh hoạt để có thể thích ứng nhanh, tồn tại và phát triển trước áp lực cạnh tranh cao trên thị trường. Hiện nay, với sự lớn mạnh của các chuỗi bán lẻ dẫn đến áp lực các nhà sản xuất có xu hướng bán hàng trực tiếp đến các nhà bán lẻ thay vì qua khâu trung gian là nhà phân phối đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tuy nhiên, PETROSETCO cũng có các biện pháp để phòng ngừa rủi ro này bằng cách liên tục tìm kiếm các nhà cung cấp mới, sản phẩm mới, thực hiện M&A để mở rộng ngành hàng phân phối sang các lĩnh vực mới, cũng như cải tiến mô hình kinh doanh, cải tiến hệ thống thông tin, quy trình nội bộ để tối ưu hóa việc vận hành và tối ưu hóa chi phí dựa trên hệ thống quản trị hiện đại.

Rủi ro hàng tồn kho

Nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra liên tục, đảm bảo đủ hàng hóa cung cấp cho khách hàng, đảm bảo kế hoạch đặt hàng với nhà sản xuất,... việc dự trữ hàng hóa là một việc thiết yếu, nhất là đối với các đơn vị hoạt động trong ngành phân phối điện tử - điện lạnh của PETROSETCO. Thế nhưng, tồn kho đồng nghĩa với việc phát sinh chi phí lưu kho (mặt bằng, bảo quản, quản lý an toàn, hao hụt,...) và các chi phí khác có liên quan như chi phí bảo hiểm, lãi vay; đặc biệt hàng tồn kho của Tổng Công ty phần lớn được sử dụng từ nguồn vốn vay ngắn hạn.

Trong 3 năm gần đây, với sự cạnh tranh mạnh mẽ trong ngành phân phối điện tử và thiết bị viễn thông cũng như sự lớn mạnh vượt trội của các chuỗi bán lẻ cùng với tiến bộ của khoa học kỹ thuật đã khiến cho vòng đời của các thiết bị điện tử rút ngắn đáng kể và sự ra đời của nhiều hãng điện tử cạnh tranh khiến cho hàng hóa dễ bị lỗi mốt và thay thế. Các yếu tố này ảnh hưởng khá nhiều đối với PETROSETCO trong những năm vừa qua khi hơn 80% hàng tồn kho của PETROSETCO là hàng điện tử và thiết bị viễn thông. Vì vậy, Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc (Ban TGĐ) luôn luôn theo dõi sát sao, cập nhật tình hình hàng tồn kho hàng tuần từ các đơn vị từ đó kịp thời ra các quyết định chỉ đạo và hỗ trợ các đơn vị trong việc xử lý hàng hóa. Bên cạnh đó, việc sử dụng phần mềm quản lý được thiết kế riêng biệt WMS (Warehouse Management System) cũng giúp cho bộ phận quản lý và bán hàng cập nhật liên tục hàng ngày hàng giờ tốc độ luân chuyển hàng hóa qua các đơn hàng, tuổi hàng tồn và số lượng hàng tồn kho từ đó tư vấn cho ban lãnh đạo có hướng xử lý kịp thời.

Rủi ro về khả năng thu hồi công nợ

Là một đơn vị hoạt động lâu đời trong lĩnh vực phân phối, có mạng lưới phân phối trải rộng khắp cả nước, danh sách khách hàng của PETROSETCO đã lên đến con số hàng nghìn. Vì vậy, chính sách bán hàng và chính sách công nợ luôn là kim chỉ nam để tất cả các nhân viên hướng đến và tuân theo.

Tuy nhiên, kinh doanh luôn có những biến động bất ngờ không lường trước được như khách hàng phá sản, gặp khó khăn mất khả năng thanh toán hoặc cố ý trì hoãn thanh toán. Để phòng ngừa rủi ro và hạn chế ở mức thấp nhất các thiệt hại, PETROSETCO đã đề ra chính sách mua bảo hiểm công nợ đối với tất cả các khách hàng lớn, yêu cầu khách hàng thực hiện bảo lãnh. Bên cạnh đó, việc quản lý công nợ được thực hiện chặt chẽ theo từng khách hàng, từng khoản nợ, công việc được thực hiện và cập nhật hàng ngày giúp cho bộ phận bán hàng và kế toán phối hợp chặt chẽ trong việc bán hàng và thu tiền hàng.

Ngoài ra, PETROSETCO luôn xem xét, đánh giá định kỳ chất lượng tín dụng căn cứ vào tình hình tài chính và mức độ thanh toán của khách hàng để đề ra chính sách công nợ cho phù hợp với tình hình hoạt động của Tổng Công ty nhằm hướng rủi ro xuống mức thấp nhất.

Rủi ro về tài chính

Chính sách của PETROSETCO luôn đặt vấn đề tối thiểu hóa những rủi ro về tài chính gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty thông qua hoạt động quản lý, theo dõi và phối hợp chặt chẽ của các bộ phận quản lý.

Rủi ro về cân đối dòng tiền và tính thanh khoản

Dòng tiền là huyết mạch của doanh nghiệp, mất cân đối dòng tiền sẽ khiến cho công ty gặp khó khăn trong việc kiểm soát khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, thiếu vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh và từ đó ảnh hưởng đến uy tín và kết quả kinh doanh của công ty.

Để kiểm soát yếu tố rủi ro trên, PETROSETCO đặc biệt quan tâm trong việc lập kế hoạch chi tiết về nhu cầu vốn, thanh toán phát sinh theo ngày, tuần, tháng,... cũng như cân đối dòng tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, từ đó có kế hoạch kịp thời nhằm bảo đảm nguồn vốn phục vụ cho kinh doanh và hoạt động đầu tư, cũng như tăng cường tính thanh khoản cho Tổng Công ty. Trên thực tế, các chỉ số về thanh toán của Petrossetco liên tiếp được cải thiện và ở mức an toàn (trên hoặc xấp xỉ 1 lần). Điều đó chứng tỏ PETROSETCO đã thành công trong công tác kiểm soát rủi ro này.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Bên cạnh đó, PETROSETCO còn sử dụng hệ thống tài khoản trung tâm, thực hiện việc điều tiết dòng tiền giữa các đơn vị thành viên nhằm giúp cho nguồn vốn được sử dụng hiệu quả, đạt được tối đa lợi nhuận đồng thời giảm thiểu chi phí tài chính, đồng thời PETROSETCO luôn nắm giữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền khá lớn trên 800 tỷ đồng để đảm bảo tính thanh khoản.

Rủi ro về lãi suất

Với đặc thù kinh doanh thương mại và phân phối chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động kinh doanh, PETROSETCO luôn phải duy trì số tiền vay rất lớn, hầu hết trong số đó là các khoản vay ngắn hạn nhằm phục vụ nhu cầu vốn lưu động. Nhằm hạn chế các rủi ro biến động lãi suất, PETROSETCO luôn cố gắng kết hợp nguồn vốn vay và vốn tự có một cách linh hoạt để điều phối vốn cho các đơn vị thành viên khi có nhu cầu và sử dụng vốn một cách hiệu quả, hợp lý nhất. Bộ phận tài chính kế toán của PETROSETCO chủ động làm việc với nhiều ngân hàng, tổ chức tín dụng để có thể huy động được nguồn vốn với chi phí hợp lý nhất. Mặc dù tỷ lệ nợ phải trả cao, nhưng PETROSETCO không ngừng tìm cách giảm sự lệ thuộc vào nguồn vốn vay, thể hiện qua tỷ lệ nợ phải trả giảm dần qua từng năm. Bên cạnh đó, trong các năm gần đây PETROSETCO đã rất thành công trong việc huy động vốn với mức lãi vay hợp lý, dẫn đến việc tiết kiệm được chi phí lãi vay.

Rủi ro do biến động tỷ giá hối đoái

Tất cả các hoạt động kinh doanh của PETROSETCO hầu như đều liên quan đến mua bán với đối tác nước ngoài. Do đó, ảnh hưởng của biến động tỷ giá luôn là quan tâm hàng đầu của Tổng Công ty. Tổng Công ty luôn xây dựng chi tiết kế hoạch, thời gian thực hiện và thời hạn thanh toán các hợp đồng ngoại tệ để cân đối ngoại tệ cho phù hợp, kết hợp với việc sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá (hedging) thông qua các hợp đồng phái sinh (kỳ hạn, tương lai). Với các biện pháp linh hoạt và nhanh nhạy trong việc nắm bắt các tín hiệu biến động tỷ giá, trong những năm vừa qua ảnh hưởng cho biến động tỷ giá hối đoái đối với PETROSETCO không đáng kể và luôn trong tầm kiểm soát.

Rủi ro về Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động vốn là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Do đó, việc kiểm soát chi phí hoạt động chặt chẽ cũng chính là một biện pháp phòng ngừa rủi ro hữu hiệu đồng thời giúp tăng cường rõ rệt hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Sớm nhận thức được tầm quan trọng của yếu tố này, PETROSETCO đã tăng cường hoạt động kiểm soát, quản lý chặt chẽ không chỉ kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, mà hiệu quả đi kèm cùng những chi phí hoạt động phát sinh trong quá trình kinh doanh cũng được chú ý theo dõi sát sao.

Trong giai đoạn kinh tế còn rất nhiều khó khăn như hiện nay đặc biệt đối với lĩnh vực phân phối hàng điện tử và ngành dầu khí nhiều biến động, bên cạnh công tác kiểm soát rủi ro về chi phí phát sinh, PETROSETCO cũng đã chủ động thực hiện những chính sách tiết kiệm, chống lãng phí nhằm góp phần duy trì sự ổn định và bền vững trong quá trình phát triển của Tổng Công ty.

Rủi ro về việc tuân thủ các quy định

Rủi ro về tuân thủ các quy định có liên quan trực tiếp đến những sự cố và sai sót trong quá trình hoạt động, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Nguyên nhân chủ yếu gây ra rủi ro này chính là do con người không tuân thủ chặt chẽ các quy trình hoạt động hay quy định trong công tác liên quan, do không nắm bắt đầy đủ thông tin về những chuẩn mực, luật pháp và quy định vốn thay đổi khá thường xuyên.

PETROSETCO đã thành lập Ban kiểm soát tại từng đơn vị thành viên nhằm thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật và các quy trình, quy trình nội bộ được ban hành. Việc kiểm soát được thực hiện theo hình thức định kỳ và đột xuất tại các bộ phận và tập trung hơn tại các bộ phận có khả năng xảy ra nhiều sai phạm. Kết quả kiểm soát được báo cáo trực tiếp cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành, từ đó giúp các bộ phận nghiệp vụ rà soát, sửa đổi quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thay đổi của luật và tình hình sản xuất kinh doanh nhằm hạn chế rủi ro.

Ngoài ra, PETROSETCO cũng tiến hành nghiên cứu và liên tục cập nhật các chính sách tài chính, thuế có liên quan để áp dụng phù hợp với tình hình của Tổng Công ty, nhằm tăng cường hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty trong khi vẫn đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ của mình đối với ngân sách Nhà nước.

SỨC KHỎE - AN TOÀN - MÔI TRƯỜNG - CHẤT LƯỢNG

Với đặc thù của các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có các hoạt động trên các vùng biển xa bờ, thời tiết khắc nghiệt cũng như như các điều kiện làm việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, công tác Sức khỏe - An toàn - Môi trường - Chất lượng (HSEQ) luôn được các cấp lãnh đạo và người lao động nhận thức sâu sắc, thực hiện nghiêm túc và là một trong những ưu tiên hàng đầu cùng với các kế hoạch phát triển kinh doanh. Petrosetco luôn chú trọng và triển khai trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc của người lao động đảm bảo năng suất, hiệu quả và an toàn; thực hiện kiểm soát nghiêm ngặt chất lượng sản phẩm cung ứng. Trong năm 2019, Petrosetco không để xảy ra sự cố về an toàn lao động và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm một cách tuyệt đối. Công tác HSEQ được thực hiện tốt đã góp phần xây dựng, tạo sự tin tưởng trong khách hàng, duy trì và nâng cao hình ảnh chất lượng dịch vụ của Petrosetco theo phương châm "Chuyên tay, chuyên tâm".

Các chỉ số cơ bản về An toàn, Sức khỏe, Môi trường

1. Tổng số giờ công hoạt động an toàn của CBNV: 5.868.250 giờ

2. Đào tạo về công tác HSEQ

Petrosetco luôn chú trọng thực hiện các chương trình đào tạo xuất phát từ nhu cầu thực tiễn cho việc đảm bảo an toàn và nâng cao chất lượng cho công việc như đào tạo nghiệp vụ Phòng cháy chữa cháy, An toàn vệ sinh thực phẩm, Đào tạo Fosiet, An toàn lao động, An toàn Điện, Ứng cứu tình huống khẩn cấp,... Trong năm 2019, Tổng công ty thực hiện đào tạo mới và đào tạo lại về HSEQ cho trên 4.500 lượt cán bộ công nhân viên.

3. Kiểm tra/ giám sát về HSEQ và kiểm soát HSEQ đối với các nhà thầu phụ

Các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được bảo hành, bảo trì và vận hành, đạt hệ số an toàn và được kiểm định theo đúng yêu cầu. Tổng Công ty thực hiện chỉ đạo các Công ty kiểm soát chất lượng, phương thức vận hành đảm bảo theo đúng quy định và định kỳ kiểm tra 01 lần/năm đối với các nhà thầu phụ về HSEQ.



SỨC KHỎE - AN TOÀN - MÔI TRƯỜNG - CHẤT LƯỢNG

4. Quản lý y tế và An toàn vệ sinh thực phẩm

Với dịch vụ cung cấp suất ăn Catering, công tác quản lý, giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm được Petrosetco xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, đảm bảo hình ảnh và uy tín của Tổng công ty. Toàn bộ nguyên liệu thực phẩm đầu vào đảm bảo tất cả được giám sát chặt chẽ từ xuất xứ, quá trình vận chuyển và lưu trữ; chế biến thực phẩm được tuân thủ tích hợp theo quy trình kiểm soát chất lượng thực phẩm HACCP 9001-2003 và tiêu chuẩn ISO 9001:2008 dành cho nhà cung cấp thực phẩm an toàn do TUV chứng nhận. Bên cạnh đó các đơn vị cung cấp dịch vụ Catering như Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu đã tiến hành xây dựng các mô hình trồng rau sạch theo chuẩn Vietgap để sử dụng trực tiếp.

Hằng năm, Petrosetco thực hiện khám sức khỏe định kỳ người lao động. Đối với các lao động đặc thù trên biển, người lao động được thực hiện các chương trình giám sát sức khỏe theo yêu cầu của các khách hàng như Vietsopetro. Người lao động làm việc trong các môi trường độc hại được khám tầm soát sức khỏe và được hỗ trợ các phụ cấp độc hại theo quy định.



SỨC KHỎE - AN TOÀN - MÔI TRƯỜNG - CHẤT LƯỢNG

5. An toàn, Môi trường và Quản lý chất thải

Năm 2019, Petrosetco đã thực hiện duy trì hợp đồng với các đơn vị môi trường tại các địa phương có đơn vị hoạt động trong việc xử lý chất thải nguy hại, xử lý rác thải và nước thải. Công tác kiểm tra đo đạc môi trường xung quanh các tòa nhà và văn phòng được thực hiện định kỳ theo quy định với các chỉ tiêu về không khí, nước và tiếng ồn đều nằm trong các định mức quy chuẩn.

Petrosetco đang thực hiện vận hành và quản lý các tòa nhà trải dài trên nhiều nơi. Công tác Phòng chống cháy nổ và ứng cứu tình huống khẩn cấp được thực hiện diễn tập hàng năm với các phương án phòng chống cháy nổ được tư vấn của các cơ quan chuyên ngành, sự phối hợp của các lực lượng chức năng địa phương và các khách hàng tại các tòa nhà, cùng với việc diễn tập thường xuyên của liên quân các lực lượng ban ngành hữu quan. Đảm bảo chủ động trước mọi tình huống, hạn chế tối đa thiệt hại trong tình huống xấu nhất.



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2019

Với phương châm **“Minh bạch – Đầy đủ - Chính xác”** nhằm tối đa hóa lợi ích cổ đông, PETROSETCO tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các hoạt động nhằm tăng cường tính minh bạch, bảo vệ quyền lợi và đảm bảo sự bình đẳng giữa các nhóm cổ đông, luôn chủ động chia sẻ thông tin và tích cực tham gia kết nối với cộng đồng đầu tư. Để đảm bảo tính minh bạch thông tin tới nhà đầu tư, PETROSETCO luôn tuân thủ quy trình công bố thông tin (CBTT) và thực hiện việc CBTT đầy đủ, chính xác, kịp thời tất cả các vấn đề quan trọng và có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu cũng như quyết định của nhà đầu tư theo Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư là đơn vị đầu mối tiếp nhận và phản hồi các yêu cầu, thắc mắc của nhà đầu tư thông qua nhiều kênh như điện thoại, thư điện tử hay sắp xếp gặp mặt trực tiếp. Các cuộc họp (trực tiếp hoặc qua điện đàm) với các chuyên gia quản lý danh mục, chuyên gia phân tích đến từ nhiều Quý trong và ngoài nước đều có sự tham gia của đại diện lãnh đạo cấp cao, thông qua đó giúp nhà đầu tư tìm hiểu hoạt động kinh doanh hiện tại, định hướng phát triển trong tương lai của Công ty, cũng như giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, chiến lược hoạt động. Các thông tin cập nhật về kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý được gửi tới email những nhà đầu tư có nhu cầu tìm hiểu và đầu tư. Đồng thời, trang thông tin điện tử tại địa chỉ www.petrosetco.com.vn chính là kênh truyền thông thông tin vô cùng hiệu quả, giúp nhà đầu tư có thể tìm thấy toàn bộ các thông tin được công bố ra công chúng, dữ liệu tài chính, tài liệu họp ĐHĐCĐ, các báo cáo cùng các văn bản quan trọng khác như Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty v.v... giúp nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm hiểu và tra cứu với các dữ liệu từ khi thành lập Công ty tới nay, theo hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

Bảo vệ quyền lợi cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông luôn được PETROSETCO chú trọng hàng đầu. Đa dạng hóa các kênh giao tiếp với nhà đầu tư, thông qua các cuộc gặp gỡ trực tiếp, cổng thông tin điện tử, email, các phương tiện thông tin đại chúng hoặc hội thảo đầu tư để tạo điều kiện cho tất cả các cổ đông đều được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin quan trọng, ảnh hưởng tới quyết định đầu tư. Đặc biệt, việc công bố thông tin song song 2 ngôn ngữ Việt – Anh đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin giữa các cổ đông trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, với mong muốn đảm bảo nguồn thu nhập định kỳ và ổn định cho Cổ đông, trong nhiều năm liên tiếp, PETROSETCO luôn thực hiện tốt việc chi trả cổ tức theo mức đã được ĐHĐCĐ thông qua với mức từ 10% trở lên.

BẢO ĐẢM QUYỀN LỜI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

Con người là tài sản lớn nhất của Petrosetco, vì vậy chúng tôi luôn ghi nhận và hiện thực hóa những nỗ lực và đóng góp của CBCNV vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Petrosetco luôn tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về sử dụng lao động và đảm bảo đầy đủ quyền lợi của người lao động. Năm 2019 Petrosetco đã đảm bảo công việc làm cho người lao động toàn Tổng công ty, không để xảy ra trường hợp người lao động nghỉ việc, không có việc làm.

Petrosetco đảm bảo quyền tự do tham gia các hoạt động công đoàn của người lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức công đoàn hoạt động theo Luật Công đoàn và Bộ luật lao động. Toàn bộ người lao động tại Petrosetco tham gia các Thỏa ước lao động tập thể ở các cấp. Quyền lợi của người lao động được cụ thể hóa qua các chế độ, chính sách sau:

1. Chế độ đãi ngộ:

- Lương gồm: Lương sản xuất kinh doanh (12 tháng), lương tháng thứ 13 và được thưởng vào dịp thành lập Petrosetco, Lễ, Tết.
- Chế độ hỗ trợ: Chi phí đi lại, chi phí điện thoại, Phụ cấp ăn ca, Phụ cấp độc hại, Phụ cấp kiêm nhiệm, Công tác phí đi công tác trong và ngoài nước...
- Thưởng theo hiệu quả kinh doanh và theo thành tích thực hiện dự án/công việc. Các thành tích luôn được ghi nhận, khen thưởng kịp thời, công bằng, minh bạch với các phần thưởng có giá trị về tinh thần lẫn vật chất.

2. Chế độ phúc lợi:

Bên cạnh các chế độ phúc lợi chung cho người lao động do pháp luật quy định, Petrosetco xây dựng các chế độ phúc lợi ưu đãi với mục đích chăm sóc toàn diện cho người lao động để yên tâm công tác làm việc, cụ thể như sau:

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ: Toàn thể CBCNV đã ký hợp đồng lao động chính thức được kiểm tra sức khỏe định kỳ ít nhất mỗi năm một lần tại các cơ sở y tế do Petrosetco chỉ định và được Tổng Công ty đài thọ 100% chi phí khám sức khỏe.
- Chế độ bảo hiểm sức khỏe: Ngoài các chế độ bảo hiểm theo quy định của nhà nước, tất cả CBCNV ký hợp đồng chính thức được Petrosetco mua gói Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện.
- Chế độ cho nữ CBCNV nghỉ thai sản: được hưởng thấp nhất từ 1 triệu đồng/tháng/người và hưởng đầy đủ quyền lợi theo chế độ thai sản quy định tại Luật bảo hiểm xã hội hiện hành.
- Chế độ hưu trí và tử tuất: được hưởng mức từ 5-20 triệu đồng tùy theo thâm niên làm việc.

3. Chính sách đào tạo:

Tất cả CBCNV đã ký hợp đồng lao động chính thức được cử đi đào tạo/tập huấn theo nhu cầu công việc tối thiểu 1 lần/năm.

HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ XÃ HỘI

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Trách nhiệm xã hội

Để công ty phát triển trường tồn, ngoài việc chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ hiện tại, Petrosetco còn có trách nhiệm và hành động cụ thể để đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội. Petrosetco luôn khuyến khích mỗi cán bộ công nhân viên thực hiện và sẽ chia những nghĩa cử tốt đẹp bằng những hành động thiết thực, đồng hành cùng Tổng Công ty trong các hoạt động thiện nguyện và xây dựng cộng đồng qua việc đóng góp tài chính và tham gia trực tiếp vào các hoạt động thiện nguyện. Với cách thực hiện như vậy, trong năm 2019 Petrosetco đã chi cho các hoạt động thiện nguyện/cộng đồng như sau:

- Khoản chi từ ngân sách Tổng Công ty Petrosetco: Tài trợ mổ mắt tại Tp. HCM đem lại ánh sáng cho 104 bệnh nhân nghèo ở miền Tây (100 triệu đồng);



- Khoản chi từ nguồn Quỹ tương trợ Dầu khí: Hỗ trợ cho cán bộ hưu trí tại Petrosetco và người lao động có hoàn cảnh khó khăn (565 triệu đồng).



HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ XÃ HỘI

• Khoản chi từ nguồn đóng góp các đơn vị và CBCNV: Thăm và tặng quà cho người nghèo và các hoàn cảnh khó khăn trên toàn quốc (350 triệu đồng).



HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các hoạt động bảo vệ môi trường

Petrosetco luôn tuân thủ các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường, ưu tiên sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, cụ thể:

Xây dựng văn phòng làm việc thân thiện với môi trường: Petrosetco luôn ý thức mô hình văn phòng xanh không chỉ giúp Tổng Công ty đạt được những hiệu quả nhất định trong việc tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí vận hành văn phòng mà còn góp phần nâng cao nhận thức về môi trường cho CBCNV.

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường: Petrosetco thường xuyên thực hiện các hoạt động và chương trình tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong CBCNV:

- + Hướng ứng chiến dịch giờ trái đất.
- + Thực hiện việc điều tiết điện, nước phù hợp với thời tiết và hoạt động toàn bộ tòa nhà/văn phòng làm việc.
- + Tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường của toàn thể CBCNV.
- + Tuyên truyền, khuyến khích CBCNV đi bằng cầu thang bộ và hạn chế sử dụng thang máy.





► Báo cáo của ban Tổng giám đốc

Báo cáo của ban ◀ Tổng giám đốc (tiếp theo)

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Số 4103005338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 23 tháng 5 năm 2016.

Hội đồng Quản trị	Ông Phùng Tuấn Hà Bà Lê Thị Chiến Ông Vũ Tiến Dương Bà Phạm Thị Hồng Điệp Ông Kim Kang Ho	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (thời giữ chức vụ (từ nhiệm) từ ngày 3 tháng 1 năm 2020)
Ban Kiểm toán nội bộ	Bà Nguyễn Quỳnh Như Ông Đào Văn Đại Ông Hoàng Đăng Ánh	Trưởng ban (bổ nhiệm từ ngày 1 tháng 1 năm 2020) Trưởng ban (thời giữ chức vụ từ ngày 1 tháng 1 năm 2020) Chuyên viên (nghỉ công tác tại Petrosetco từ ngày 5 tháng 1 năm 2020)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Vũ Tiến Dương Ông Hồ Minh Việt Bà Phạm Thị Hồng Điệp Ông Huỳnh Văn Ngân Ông Đào Văn Đại Ông Nguyễn Thanh Tú Ông Phan Quang Tuấn Anh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 1 tháng 1 năm 2020) Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 1 tháng 1 năm 2020) Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 1 tháng 1 năm 2020) Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 1 tháng 1 năm 2020)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Phùng Tuấn Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trụ sở chính	Lầu 6, Tòa nhà Petro Việt Nam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) của Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Công ty mẹ”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”) thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Chủ tịch HĐQT được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Chủ tịch HĐQT cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 63. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Phùng Tuấn Hà

Chủ tịch HĐQT

TP Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Công ty mẹ”) và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2019, và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) phê chuẩn vào ngày 30 tháng 3 năm 2020. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 63.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**

Mai Viết Hùng Trần
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Cao Thị Ngọc Loan
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán:
3030-2019-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM9313
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

► Bảng cân đối
Kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2019 VND	2018 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.715.299.217.677	4.330.671.814.214
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	816.407.457.540	1.038.281.209.462
111	Tiền		435.089.509.540	348.751.510.692
112	Các khoản tương đương tiền		381.317.948.000	689.529.698.770
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		99.200.576.454	28.011.800.000
121	Đầu tư ngắn hạn		186.138	-
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(152.538)	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5(a)	99.200.542.854	28.011.800.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.451.095.996.327	1.847.136.673.354
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.335.173.232.707	1.602.337.603.339
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	164.176.048.240	193.713.174.336
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn		941.130.000	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	162.552.004.257	187.633.232.862
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(211.746.418.877)	(136.547.337.183)
140	Hàng tồn kho	10	1.121.577.450.141	1.005.806.038.013
141	Hàng tồn kho		1.144.702.735.496	1.034.126.786.928
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(23.125.285.355)	(28.320.748.915)
150	Tài sản ngắn hạn khác		227.017.737.215	411.436.093.385
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		8.580.003.423	8.522.285.940
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	11(a)	215.797.255.034	400.786.975.549
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	11(a)	2.640.478.758	2.126.831.896

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 63 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mẫu số B 01 – DN/HN

Bảng cân đối ◀
Kế toán hợp nhất
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2019 VND	2018 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.251.035.283.681	1.232.389.760.023
210	Các khoản phải thu dài hạn		31.380.277.552	8.162.504.752
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	31.380.277.552	8.162.504.752
220	Tài sản cố định		202.067.818.570	190.496.727.093
221	Tài sản cố định hữu hình	12(a)	91.889.465.194	87.993.861.420
222	Nguyên giá		345.040.412.003	327.863.935.080
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(253.150.946.809)	(239.870.073.660)
227	Tài sản cố định vô hình	12(b)	110.178.353.376	102.502.865.673
228	Nguyên giá		117.766.092.179	106.860.184.632
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.587.738.803)	(4.357.318.959)
230	Bất động sản đầu tư	13	713.804.121.841	758.428.814.929
231	Nguyên giá		852.074.158.578	858.194.158.578
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(138.270.036.737)	(99.765.343.649)
240	Tài sản dở dang dài hạn		39.476.191.275	38.512.494.154
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	39.476.191.275	38.512.494.154
250	Đầu tư tài chính dài hạn		42.427.175.256	22.705.237.055
252	Đầu tư vào công ty liên kết	5(b)	31.039.870.918	15.474.289.268
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(c)	30.006.800.000	28.910.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(c)	(22.640.229.299)	(22.160.000.000)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5(a)	4.020.733.637	480.947.787
260	Tài sản dài hạn khác		221.879.699.187	214.083.982.040
261	Chi phí trả trước dài hạn	15	211.167.021.687	198.530.067.519
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	-	3.310.854.521
269	Lợi thế thương mại	17	10.712.677.500	12.243.060.000
270	TỔNG TÀI SẢN		4.966.334.501.358	5.563.061.574.237

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 63 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Bảng cân đối Kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mẫu số B 02 – DN/HN

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
		2019 VND	2018 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ	3.326.016.900.969	3.942.652.024.730
310	Nợ ngắn hạn	3.005.641.724.631	3.557.079.155.532
311	Phải trả người bán ngắn hạn	1.305.855.552.459	1.428.095.256.213
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	85.920.901.592	89.349.766.737
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30.365.478.424	29.801.737.904
314	Phải trả người lao động	109.761.766.691	81.425.763.820
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	19.324.122.334	28.345.497.684
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	27.992.142.804	31.870.171.186
319	Phải trả ngắn hạn khác	121.096.238.181	179.413.912.692
320	Vay ngắn hạn	1.270.668.669.493	1.614.290.757.720
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	600.000.000	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	34.056.852.653	74.486.291.576
330	Nợ dài hạn	320.375.176.338	385.572.869.198
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20.454.545.483	47.727.272.747
337	Phải trả dài hạn khác	41.855.134.218	54.635.171.676
338	Vay dài hạn	254.765.496.637	279.910.424.775
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	3.300.000.000	3.300.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.640.317.600.389	1.620.409.549.507
410	Vốn chủ sở hữu	1.640.317.600.389	1.620.409.549.507
411	Vốn góp của chủ sở hữu	866.001.240.000	866.001.240.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	866.001.240.000	866.001.240.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	133.918.052.614	133.918.052.614
414	Vốn khác của chủ sở hữu	131.776.000.000	90.820.087.775
415	Cổ phiếu quỹ	(50.118.432.974)	(50.118.432.974)
418	Quỹ đầu tư phát triển	272.167.291.300	172.453.174.126
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	157.945.411.873	264.287.335.590
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước	43.234.500.487	200.269.009.711
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay	114.710.911.386	64.018.325.879
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	128.628.037.576	143.048.092.376
440	TỔNG NGUỒN VỐN	4.966.334.501.358	5.563.061.574.237

Phạm Thị Ninh
Người lập

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT
Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2019 VND	2018 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.148.628.566.350	11.237.353.478.530
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(140.139.720.157)	(145.377.143.791)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.008.488.846.193	11.091.976.334.739
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(9.397.354.564.382)	(10.429.535.229.187)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	611.134.281.811	662.441.105.552
21	Doanh thu hoạt động tài chính	37.650.314.756	80.677.869.112
22	Chi phí tài chính	(73.059.815.421)	(125.261.973.866)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(67.681.145.079)	(93.376.087.267)
24	Phần lỗ trong công ty liên kết	(434.418.350)	(967.331.882)
25	Chi phí bán hàng	(223.578.783.271)	(240.776.025.051)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(251.495.637.148)	(202.902.993.436)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	100.215.942.377	173.210.650.429
31	Thu nhập khác	107.817.428.386	13.562.355.930
32	Chi phí khác	(22.888.312.445)	(4.260.519.629)
40	Lợi nhuận khác	84.929.115.941	9.301.836.301
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	185.145.058.318	182.512.486.730
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(54.517.481.520)	(55.880.843.431)
52	(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(3.310.854.521)	3.310.854.521
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	127.316.722.277	129.942.497.820
Phân bổ cho:			
61	Cổ đông của Công ty mẹ	122.071.092.323	113.081.223.363
62	Cổ đông không kiểm soát	5.245.629.954	16.861.274.457
71	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.323	1.196
72	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.323	1.196

Phạm Thị Ninh
Người lập

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT
Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 63 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 63 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

► Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Theo phương pháp gián tiếp)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất ◀

Mẫu số B 03 – DN/HN

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	185.145.058.318	182.512.486.730
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định (“TCSĐ”), bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	66.293.238.394	68.269.641.488
03	Các khoản dự phòng	69.101.863.069	70.512.996.621
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	24.077.643	(3.384.565.760)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(97.631.802.015)	(61.389.293.024)
06	Chi phí lãi vay	67.681.145.079	93.376.087.267
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	290.613.580.488	349.897.353.322
09	Giảm các khoản phải thu	481.017.079.497	346.805.392.285
10	Tăng hàng tồn kho	(98.340.156.517)	(243.261.909.150)
11	Giảm các khoản phải trả	(207.474.302.083)	(114.998.660.317)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(12.617.298.851)	16.518.897.400
14	Tiền lãi vay đã trả	(70.827.532.940)	(92.039.643.102)
15	Thuế TNDN đã nộp	(60.012.917.952)	(56.565.355.516)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(10.235.849.476)	(9.118.976.937)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	312.122.602.166	197.237.097.985
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(42.232.200.388)	(11.715.479.711)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	80.281.780.503	1.177.688.181
23	Tiền chi đầu tư tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	(100.917.076.964)	(9.247.947.787)
	Tiền thu hồi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.421.552.053	9.000.000.000
24	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(1.096.800.000)	(1.350.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	28.349.676.743	61.337.305.501
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(21.193.068.053)	49.201.566.184
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	3.400.000.000	-
32	Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(14.595.110.632)
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	5.315.947.783.934	6.662.948.556.690
34	Tiền thu chi trả nợ gốc vay	(5.718.933.919.835)	(7.078.799.826.342)
36	Tiền chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	(113.304.830.166)	(120.145.639.162)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(512.890.966.067)	(550.592.019.446)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(221.961.431.954)	(304.153.355.277)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.038.281.209.462	1.342.345.339.986
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	87.680.032	89.224.753
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	816.407.457.540	1.038.281.209.462

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 40.

Phạm Thị Ninh
Người lập

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT
Ngày 30 tháng 3 năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Công ty mẹ”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103005338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 18, ngày 23 tháng 5 năm 2016. Công ty mẹ được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Tập đoàn” hay “PVN”).

Cổ phiếu của Công ty mẹ đã chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PET, theo Quyết định số 94/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 13 tháng 8 năm 2007.

Cổ đông của Công ty mẹ là các công ty, các cá nhân đang hoạt động kinh doanh và làm việc tại Việt Nam. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 25.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là cung cấp dịch vụ và thương mại hàng hóa.

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con (“Tổng Công ty”) bao gồm:

- Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi;
- Mua bán trang thiết bị văn phòng, thiết bị nghe nhìn;
- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ và quản lý, dịch vụ hỗ trợ nhân sự;
- Cho thuê kho, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng;
- Phát triển, kinh doanh và quản lý bất động sản;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và các hóa chất sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị;
- Mua bán thiết bị viễn thông;
- Cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí;
- Vận tải và xếp dỡ cấu kiện siêu trường siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ, sản phẩm sinh hoạt đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu LPG, chiết nạp ga;
- Phát triển và kinh doanh bất động sản; và
- Quản lý bất động sản (tòa nhà, khách sạn, các công trình nhà ở).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 2.520 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.450 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty mẹ có 11 công ty con sở hữu trực tiếp, 4 công ty con sở hữu gián tiếp, 2 công ty liên kết trực tiếp, và 1 công ty liên kết gián tiếp. Ngoài ra, Công ty mẹ có 1 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc. Chi tiết được trình bày ở trang tiếp theo.

Tên	Địa điểm (Tỉnh/Thành phố)	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	2019		2018	
			Quyền biểu quyết sở hữu %	Quyền biểu quyết sở hữu %	Quyền biểu quyết sở hữu %	Quyền biểu quyết sở hữu %
I - Công ty con trực tiếp						
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí ("PSD")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông	80,04	80,04	80,04	80,04
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển ("POTS")	Thành phố Hồ Chí Minh	Thương mại, dịch vụ	60	60	60	60
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu ("PSV")	Vũng Tàu	Cung cấp dịch vụ	70	70	70	70
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung ("PSMT")	Quảng Ngãi	Thương mại, dịch vụ	99,79	99,79	99,79	99,79
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí ("PSA")	Hà Nội	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà	71,46	71,46	78,61	78,61
Công ty TNHH Petrosetco - SSG ("PSSSG") (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	51	21,46	51	21,46
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh ("Smartcom")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm	55	55	55	55
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí ("PSR")	Thành phố Hồ Chí Minh	Bán lẻ điện thoại	75	72,75	75	72,75
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam ("PSL") (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Hỗ trợ vận tải	67	44	67	44
Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí ("PHTD")	Thành phố Hồ Chí Minh	Phân phối thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi	51	51	51	51
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("PSG") (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh	Ngưng hoạt động và đang chờ giải thể	100	100	100	100

I - Công ty con trực tiếp

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí ("PSD")
 Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển ("POTS")
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu ("PSV")
 Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung ("PSMT")
 Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí ("PSA")
 Công ty TNHH Petrosetco - SSG ("PSSSG") (i)
 Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh ("Smartcom")
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí ("PSR")
 Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam ("PSL") (ii)
 Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí ("PHTD")
 Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("PSG") (iii)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Tên	Địa điểm (Tỉnh/Thành phố)	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	2019		2018	
			Quyền biểu quyết %	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Quyền sở hữu %
II - Công ty con gián tiếp						
Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh ("Bình Minh")	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm điện tử, điện lạnh, điện gia dụng	51	40,81	51	40,81
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Nha Trang ("Nha Trang PST")	Nha Trang	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	100	99,79	100	99,79
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Cầu kiện Siêu trường Siêu trọng Petrosetco - Ale ("Petrosetco - Ale")	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải và xếp dỡ cầu kiện siêu trường siêu trọng	51	22,44	51	22,44
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Công Nghệ Xanh ("Công Nghệ Xanh") (iv)	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm thiết bị vật tư y tế	50	40,02	-	-
III - Công ty liên kết trực tiếp						
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	Dịch vụ cho thuê văn phòng	24	24	24	24
Công ty TNHH Nghi dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay (v)	Phú Yên	Dịch vụ nghỉ dưỡng	20	20	-	-
IV - Công ty liên kết gián tiếp						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại số Vietecom (vi)	Hà Nội	Kinh doanh thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, chuyển giao công nghệ, giao nhận hàng hóa	20	16	20	16
V - Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc						
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí ("PIMD")	Thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan				

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSSSG chỉ là 21,46%, Tổng Công ty vẫn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PSSSG thông qua 51% đại diện trong Hội đồng Quản trị của PSSSG. Do đó, Tổng Công ty kiểm soát PSSSG và PSSSG vẫn được trình bày và phân loại là công ty con của Tổng Công ty cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSL chỉ là 44%, Tổng Công ty vẫn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PSL thông qua 2/3 đại diện trong Hội đồng Quản trị của PSL. Do đó, Tổng Công ty kiểm soát PSL và PSL vẫn được trình bày và phân loại là công ty con của Tổng Công ty cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

(iii) Hiện tại, PSG đang trong quá trình quyết toán với cơ quan thuế để hoàn thiện các thủ tục cho việc giải thể doanh nghiệp. Trong giai đoạn từ năm 2013 đến nay, PSG không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh nào.

(iv) Theo Nghị quyết Số 09/NQ-PSD-HĐQT ngày 8 tháng 5 năm 2019, PSD, một công ty con, đã chấp thuận mua cổ phần phát hành mới của Công Nghệ Xanh, với tổng vốn góp là 10 tỷ Đồng chiếm 50% vốn cổ phần của Công Nghệ Xanh, tương ứng với 40,02% quyền sở hữu của Công ty mẹ tại Công Nghệ Xanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công Nghệ Xanh chỉ là 40,02%, Tổng Công ty vẫn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công Nghệ Xanh thông qua 2/3 đại diện trong Hội đồng Quản trị của Công Nghệ Xanh. Do đó, Tổng Công ty kiểm soát Công Nghệ Xanh và Công Nghệ Xanh vẫn được trình bày và phân loại là công ty con của Tổng Công ty cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.

(v) Theo Nghị quyết Số 22/DVTHDK-QĐ ngày 9 tháng 7 năm 2018, Tổng Công ty đã chấp thuận góp vốn để thành lập Công ty TNHH Nghi dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay với tổng vốn góp là 111,2 tỷ Đồng chiếm 20% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã góp 16 tỷ Đồng.

(vi) Vietecom đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu được sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính và/hoặc thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tổng Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh trong nội bộ các công ty thành viên được loại trừ khi hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng Công ty áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tổng Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết, Tổng Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tổng Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tổng Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm hàng hóa bất động sản được xây dựng với mục đích để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tổng Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá; hàng hóa; và các loại hàng tồn kho khác.

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng hóa bất động sản bao gồm giá đất và các chi phí xây dựng sơ hạ tầng, chi phí trực tiếp, và chi phí chung. Giá gốc của các loại hàng tồn kho khác bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí chung khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh đối với hạt nhựa, bình quân gia quyền đối với các loại hàng tồn kho khác. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.10 Tài sản cố định

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác được lập vào cuối năm kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy mà Tổng Công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Chủ tịch HĐQT đã dự đoán từ khi đầu tư. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.11 TSCĐ (tiếp theo)

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá TSCĐ trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc thiết bị	7% - 33%
Phương tiện vận tải	10% - 33%
Thiết bị quản lý	10% - 33%
Phần mềm	12,5% - 33%

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất không thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn, và tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước và trong năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó:

- Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 1 tháng 8 năm 2019, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 24 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; và
- Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước và trong năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013; và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của TSCĐ thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Quyền sử dụng đất	2%
Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 33%

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, và chủ yếu bao gồm khoản trả trước tiền mua vỏ bình ga; chi phí thuê văn phòng; công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng.

Trong đó, khoản trả trước tiền mua vỏ bình ga được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm phù hợp với quy định tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính – “Hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai”.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

2.15 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

2.16 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.17 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.20 Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

(c) Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

(d) Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành và được mua lại bởi chính Công ty mẹ, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

(e) LNST chưa phân phối

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Tổng Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.21 Phân chia lợi nhuận thuần sau thuế TNDN

LNST có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để dùng cho công tác khen thưởng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

2.22 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tổng Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tổng Công ty thì Tổng Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

(c) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(d) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

(e) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(f) Thu nhập từ cổ tức/ lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

(g) Thu nhập từ ký cược, ký quỹ vô bình ga

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình ga được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình ga đã nhận từ khách hàng theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, tương ứng với cách thức phân bổ chi phí vô bình ga (Thuyết minh 2.14), theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai”.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

2.23 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.24 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.25 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí đi vay vốn; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; lỗ tỷ giá hối đoái; và chiết khấu thanh toán.

2.26 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng; giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm; chi phí bảo quản, đóng gói; và chi phí vận chuyển.

2.27 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng; công cụ, dụng cụ; khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và các chi phí khác.

2.28 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.29 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

2.31 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Chủ tịch HĐQT phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Chủ tịch HĐQT đánh giá là hợp lý.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

3 HỢP NHẤT KINH DOANH

Vào ngày 8 tháng 5 năm 2019, PSD, một công ty con, đã hoàn tất việc mua cổ phần phát hành mới của Công Nghệ Xanh với số tiền là 10 tỷ Đồng, thông qua đó sở hữu 50% vốn cổ phần của Công Nghệ Xanh với tổng giá mua là 10.000.000.000 Đồng (Thuyết minh 1).

Việc hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản thuần của công ty con này tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày mua VND	Điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua VND
Tài sản			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.828.078.757	-	10.828.078.757
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23.582.633.407	-	23.582.633.407
Phải thu ngắn hạn khác	1.985.090.197	11.689.195.735	13.674.285.932
Hàng tồn kho	12.235.792.051	-	12.235.792.051
Tài sản ngắn hạn khác	2.216.146.589	-	2.216.146.589
TSCĐ	113.649.401	-	113.649.401
Tài sản dở dang dài hạn	11.689.195.735	(11.689.195.735)	-
Tài sản dài hạn khác	87.663.073	-	87.663.073
	62.738.249.210		62.738.249.210
Nợ phải trả			
Phải trả người bán ngắn hạn	5.687.772.912	-	5.687.772.912
Vay ngắn hạn	34.219.119.536	-	34.219.119.536
Phải trả ngắn hạn khác	1.909.145.318	-	1.909.145.318
Phải trả dài hạn khác	922.211.444	-	922.211.444
	42.738.249.210		42.738.249.210
Tài sản thuần	20.000.000.000		20.000.000.000
Lợi thế thương mại			-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 26)			(10.000.000.000)
Tổng giá phí			10.000.000.000
Tiền thuần chi ra			(10.000.000.000)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2019 VND	2018 VND
Tiền mặt	9.700.810.391	6.239.434.885
Tiền gửi ngân hàng (*)	425.388.699.149	342.512.075.807
Các khoản tương đương tiền (**)	381.317.948.000	689.529.698.770
	<u>816.407.457.540</u>	<u>1.038.281.209.462</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, bao gồm trong tiền gửi ngân hàng là khoản tiền 1 tỷ Đồng do PSA chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Công ty mẹ từ nguồn tài sản của Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội sau khi công ty này giải thể. Hiện tại, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để xác định quyền và nghĩa vụ của khoản tiền này.

(**) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất bình quân từ 4,5% đến 7,6%/năm (năm 2018: 4,5% đến 5,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, bao gồm trong các khoản tương đương tiền là 2 khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với giá trị là 29.600.000.000 Đồng và 13.000.000.000 Đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho doanh thu chưa thực hiện nhận từ Công ty TNHH Lọc Hóa dầu Nghi Sơn.

5 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2019		2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	99.200.542.854	99.200.542.854	28.011.800.000	28.011.800.000
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (**)	4.020.733.637	4.020.733.637	480.947.787	480.947.787

(*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện giá trị các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất bình quân từ 5,3% - 8,4%/năm (năm 2018: 5,1% - 8,0%/năm).

(**) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện giá trị các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất bình quân từ 6,7% - 7,0%/năm (năm 2018: 6,7%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, bao gồm trong tiền gửi có kỳ hạn là khoản tiền gửi có trị giá 10 tỷ Đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 23).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết của đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

	2019				2018			
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	14.359.957.249	15.039.870.918	(*)	-	14.359.957.249	15.474.289.268	(*)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại số Vietecom	853.268.080	-	(*)	-	853.268.080	-	(*)	-
Công ty TNHH Nghi dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay	16.000.000.000	16.000.000.000	(*)	-	-	-	(*)	-
	<u>31.213.225.329</u>	<u>31.039.870.918</u>			<u>15.213.225.329</u>	<u>15.474.289.268</u>		

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty chưa có thông tin về giá trị hợp lý các khoản đầu tư này vì đây là khoản góp vốn vào các công ty chưa niêm yết trên thị trường Chứng khoán.

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	15.474.289.268	16.441.621.150
Đầu tư thêm trong năm	16.000.000.000	-
LỖ trong công ty liên kết	(434.418.350)	(967.331.882)
Số dư cuối năm	<u>31.039.870.918</u>	<u>15.474.289.268</u>

(c) Đầu tư vào đơn vị khác

Chi tiết của đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày như sau:

	2019			2018		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	2.000.000.000	(*)	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(*)	(2.000.000.000)
Công ty TNHH Coolpad Việt Nam	20.160.000.000	(*)	(20.160.000.000)	20.160.000.000	(*)	(20.160.000.000)
Công ty Cổ phần Khí Công nghiệp Dầu khí Việt Hàn	7.846.800.000	(*)	(480.229.299)	6.750.000.000	(*)	-
	<u>30.006.800.000</u>		<u>(22.640.229.299)</u>	<u>28.910.000.000</u>		<u>(22.160.000.000)</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng công ty chưa có thông tin về giá trị hợp lý các khoản đầu tư này vì đây là khoản góp vốn vào các công ty chưa niêm yết trên thị trường Chứng khoán.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2019 VND	2018 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	141.155.766.676	123.121.611.348
Công ty TNHH Kỹ thuật Icool (*)	73.657.133.467	73.657.133.467
Công ty TNHH Coolpad Việt Nam (*)	42.965.708.261	42.965.708.261
Các bên thứ ba khác	935.363.789.535	1.073.015.497.922
	<u>1.193.142.397.939</u>	<u>1.312.759.950.998</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	142.030.834.768	289.577.652.341
	<u>1.335.173.232.707</u>	<u>1.602.337.603.339</u>

(*) Trong năm 2019, một công ty con của Tổng Công ty đã tiến hành các thủ tục cần thiết để kiện các đối tác liên quan đến khoản phải thu ngắn hạn của Công ty TNHH Kỹ thuật Icool và Công ty TNHH Coolpad Việt Nam. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, công ty con vẫn đang hoàn thiện các hồ sơ pháp lý theo yêu cầu của vụ việc này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán, đã được rà soát trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2019 VND	2018 VND
Bên thứ ba		
Global Consulting and Mechanical Services LLC (*)	127.977.681.191	119.000.391.587
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	-	42.662.223.802
Khác	36.198.367.049	32.050.558.947
	<u>164.176.048.240</u>	<u>193.713.174.336</u>

(*) Trong năm 2017, POTS, một công ty con của Tổng Công ty, ký hợp đồng thực hiện dịch vụ cho khách hàng, nhận khoản người mua trả trước là 232 tỷ Đồng, và đồng thời trả trước cho người bán số tiền là 201 tỷ Đồng để thực hiện hợp đồng dịch vụ này. Trong năm 2019, do phạm vi công việc của hợp đồng dịch vụ được mở rộng, công ty con này nhận thêm 25 tỷ Đồng từ người mua và trả trước 34 tỷ Đồng cho người bán. Dịch vụ sẽ được thực hiện từ ngày ký hợp đồng đến năm 2022. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản trả trước cho người bán ngắn hạn thể hiện giá trị còn được cản trừ trong 12 tháng tới.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

8 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

(a) Ngắn hạn	2019 VND	2018 VND
Phải thu từ chiết khấu thương mại được hưởng	47.176.226.191	58.447.866.826
Phải thu lãi tiền gửi	1.062.888.302	2.516.436.679
Phải thu khác từ nhà cung cấp	58.507.945.214	68.874.097.135
Ký quỹ, ký cược	262.098.949	25.973.800.000
Khác	55.542.845.601	31.821.032.222
	<u>162.552.004.257</u>	<u>187.633.232.862</u>
(b) Dài hạn		
	2019 VND	2018 VND
Ký quỹ ký cược	29.647.597.006	6.408.629.626
Khác	1.732.680.546	1.753.875.126
	<u>31.380.277.552</u>	<u>8.162.504.752</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư của các khoản phải thu khác đã quá hạn thanh toán, đã được rà soát trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

9 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	2019			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	<u>260.510.116.941</u>	<u>51.762.030.633</u>	<u>(211.746.418.877)</u>	Trên 6 tháng
	2018			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	<u>239.186.171.003</u>	<u>102.638.833.820</u>	<u>(136.547.337.183)</u>	Trên 6 tháng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

10 HÀNG TỒN KHO

	2019		2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa bất động sản	3.111.210.072	-	32.450.512.124	-
Hàng đang đi trên đường	47.250.746.363	-	118.592.796.571	-
Nguyên vật liệu	4.960.325.176	-	1.351.239.429	-
Công cụ, dụng cụ	2.922.569.926	-	2.018.607.974	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	439.158.002	-
Hàng hóa	1.006.017.927.506	(23.125.285.355)	816.546.887.425	(28.320.748.915)
Hàng gửi đi bán	80.439.956.453	-	62.708.511.296	-
	<u>1.144.702.735.496</u>	<u>(23.125.285.355)</u>	<u>1.034.107.712.821</u>	<u>(28.320.748.915)</u>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho thể hiện giá trị dự phòng liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng hóa. Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	28.320.748.915	16.259.578.785
Tăng dự phòng (Thuyết minh 32)	913.771.402	25.783.027.297
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 32)	(6.109.234.962)	(13.721.857.167)
Số dư cuối năm	<u>23.125.285.355</u>	<u>28.320.748.915</u>

11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

(a) Phải thu	2019 VND	2018 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	215.797.255.034	400.786.975.549
Thuế TNDN nộp thừa	827.221.764	128.675.472
Thuế thu nhập cá nhân	661.654.700	617.230.461
Khác	1.151.602.294	1.380.925.963
	<u>218.437.733.792</u>	<u>402.913.807.445</u>

(b) Phải nộp	2019 VND	2018 VND
Thuế GTGT	7.788.853.223	7.814.553.202
Thuế TNDN	14.166.165.851	18.963.055.991
Thuế thu nhập cá nhân	7.967.486.758	3.024.128.711
Khác	442.972.592	-
	<u>30.365.478.424</u>	<u>29.801.737.904</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Tình hình biến động trong năm của các khoản thuế phải thu Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2019 VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Số đã được hoàn/ đã nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2019 VND
(a) Phải thu						
Thuế GTGT được khấu trừ (*)	400.786.975.549	913.328.182.724	(171.056.391.313)	(927.261.511.926)	-	215.797.255.034
Thuế TNDN	128.675.472	-	-	(128.675.472)	827.221.764	827.221.764
Thuế thu nhập cá nhân	617.230.461	-	-	(617.230.461)	661.654.700	661.654.700
Khác	1.380.925.963	-	-	(1.380.925.963)	1.151.602.294	1.151.602.294
	<u>402.913.807.445</u>	<u>913.328.182.724</u>	<u>(171.056.391.313)</u>	<u>(929.388.343.822)</u>	<u>2.640.478.758</u>	<u>218.437.733.792</u>
(b) Phải nộp						
Thuế TNDN	18.963.055.991	54.517.481.520	(60.012.917.952)	(128.675.472)	827.221.764	14.166.165.851
Thuế thu nhập cá nhân	3.024.128.711	54.950.308.716	(50.051.374.908)	(617.230.461)	661.654.700	7.967.486.758
Thuế GTGT	7.814.553.202	1.074.546.900.572	(147.311.088.625)	(927.261.511.926)	-	7.788.853.223
Khác	-	(161.853.080.729)	162.524.816.990	(1.380.365.963)	1.151.602.294	442.972.592
	<u>29.801.737.904</u>	<u>1.022.161.610.079</u>	<u>(94.850.564.495)</u>	<u>(929.387.783.822)</u>	<u>2.640.478.758</u>	<u>30.365.478.424</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, bao gồm trong thuế GTGT được khấu trừ là khoản thuế GTGT đã được Tổng Công ty làm hồ sơ xin hoàn là 76 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 265,7 tỷ Đồng) và đang chờ kết quả từ các cơ quan thuế.

**Thuyết minh báo cáo
tài chính hợp nhất
(tiếp theo)**

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	99.698.720.422	89.010.638.713	125.046.085.544	14.108.490.401	327.863.935.080
Mua trong năm	224.104.251	9.427.703.162	23.535.265.458	622.800.517	33.809.873.388
Tặng do mua công ty con	-	-	1.974.264.000	-	1.974.264.000
Thanh lý, nhượng bán	(9.073.960.800)	(2.759.739.103)	(5.438.730.182)	(1.335.230.380)	(18.607.660.465)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	90.848.863.873	95.678.602.772	145.116.884.820	13.396.060.538	345.040.412.003
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	61.215.381.454	73.169.522.383	92.412.942.320	13.072.227.503	239.870.073.660
Khấu hao trong năm	4.117.093.488	5.554.059.924	12.346.836.097	695.063.734	22.713.053.243
Tặng do mua công ty con	-	-	1.860.614.599	-	1.860.614.599
Thanh lý, nhượng bán	(2.614.906.625)	(2.236.615.912)	(5.172.025.776)	(1.269.246.380)	(11.292.794.693)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	62.717.568.317	76.486.966.395	101.448.367.240	12.498.044.857	253.150.946.809
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	38.483.338.968	15.841.116.330	32.633.143.224	1.036.262.898	87.993.861.420
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	28.131.295.556	19.191.636.377	43.668.517.580	898.015.681	91.889.465.194

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 118,9 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 119,7 tỷ Đồng).

Mẫu số B 09 – DN/HN

**Thuyết minh báo cáo
tài chính hợp nhất
(tiếp theo)**

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	101.988.494.434	4.871.690.198	106.860.184.632
Mua trong năm	8.200.800.000	304.470.600	8.505.270.600
Chuyển từ bất động sản đầu tư (Thuyết minh 13)	6.120.000.000	-	6.120.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(3.651.185.053)	(68.178.000)	(3.719.363.053)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	112.658.109.381	5.107.982.798	117.766.092.179
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	-	4.357.318.959	4.357.318.959
Khấu hao trong năm	847.886.719	346.009.054	1.193.895.773
Chuyển từ bất động sản đầu tư (Thuyết minh 13)	2.351.213.790	-	2.351.213.790
Thanh lý, nhượng bán	(246.511.719)	(68.178.000)	(314.689.719)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	2.952.588.790	4.635.150.013	7.587.738.803
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	101.988.494.434	514.371.239	102.502.865.673
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	109.705.520.591	472.832.785	110.178.353.376

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2,96 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2,87 tỷ Đồng).

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	6.120.000.000	852.074.158.578	858.194.158.578
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 12)	(6.120.000.000)	-	(6.120.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	-	852.074.158.578	852.074.158.578
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	2.198.213.790	97.567.129.859	99.765.343.649
Khấu hao trong năm	153.000.000	40.702.906.878	40.855.906.878
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 12)	(2.351.213.790)	-	(2.351.213.790)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	-	138.270.036.737	138.270.036.737
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	3.921.786.210	754.507.028.719	758.428.814.929
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	-	713.804.121.841	713.804.121.841

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm:

- Nhà cửa, vật kiến trúc liên quan đến khu nhà ở tại Khu liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (“Dự án Nghi Sơn”) được Công ty mẹ xây dựng và cho thuê; và
- Quyền sử dụng đất do một công ty con sở hữu để cho thuê. Tuy nhiên, công ty này đã chấm dứt hợp đồng cho bên thứ ba thuê tại ngày 31 tháng 3 năm 2019. Từ ngày 1 tháng 4 năm 2019, quyền sử dụng đất được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh của công ty con này. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện phân loại lại giá trị của bất động sản đầu tư thành TSCĐ vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, toàn bộ giá trị của nhà cửa, vật kiến trúc được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 23).

Trong năm 2019, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 121.543.652.838 Đồng (năm 2018: 116.376.984.794 Đồng). Chi phí trực tiếp phát sinh từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư trong năm 2019 (bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí điện nước, chi phí quản lý) là 34.873.788.406 Đồng (năm 2018: 42.336.131.341 Đồng).

Tổng Công ty chưa thu thập đủ thông tin về các bất động sản tương tự làm cơ sở so sánh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

14 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày như sau:

	2019 VND	2018 VND
Dự án Cape Pearl (trước đây là Petrosetco SSG Tower)	37.509.649.278	37.503.649.278
Khác	1.966.541.997	1.008.844.876
	39.476.191.275	38.512.494.154

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	38.512.494.154	102.728.014.308
Tăng do mua mới	1.165.909.091	331.223.002
Phân loại lại sang hàng tồn kho	-	(64.546.743.156)
Khác	(202.211.970)	-
Số dư cuối năm	39.476.191.275	38.512.494.154

15 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi tiết của chi phí trả trước dài hạn được trình bày như sau:

	2019 VND	2018 VND
Chi phí thuê văn phòng (*)	96.796.156.531	99.171.522.333
Chi phí mua vỏ bình ga	79.965.942.521	48.402.203.601
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	313.170.657	20.572.583.834
Khác	34.091.751.978	30.383.757.751
	211.167.021.687	198.530.067.519

(*) Bao gồm khoản trả trước cho PVN để thuê văn phòng. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ năm 2010.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	198.530.067.519	213.430.498.636
Tăng do mua mới	39.838.606.914	11.940.116.106
Phân bổ	(27.201.652.746)	(26.840.547.223)
Số dư cuối năm	<u>211.167.021.687</u>	<u>198.530.067.519</u>

16 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

Chi tiết của thuế thu nhập hoãn lại được trình bày như sau:

	2019 VND	2018 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	-	3.310.854.521
Thuế TNDN hoãn lại phải trả:		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	3.300.000.000	3.300.000.000

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.310.854.521	-
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(3.300.000.000)	(3.300.000.000)
	<u>10.854.521</u>	<u>(3.300.000.000)</u>
Số dư đầu năm	-	3.310.854.521
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 38)	(3.310.854.521)	-
Số dư cuối năm	<u>(3.300.000.000)</u>	<u>10.854.521</u>
Trong đó:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	3.310.854.521
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(3.300.000.000)	(3.300.000.000)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả chủ yếu phát sinh từ chênh lệch tạm thời liên quan đến các khoản dự phòng khi tiến hành hợp nhất báo cáo tài chính.

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tổng Công ty để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuy nhiên, Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại này vì khả năng các công ty con có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

17 LỢI THUẾ THƯƠNG MẠI

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	12.243.060.000	13.773.442.500
Phân bổ (Thuyết minh 36)	(1.530.382.500)	(1.530.382.500)
Số dư cuối năm	<u>10.712.677.500</u>	<u>12.243.060.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018, lợi thế thương mại thể hiện giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh.

18 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2019 VND	2018 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	323.507.897.900	70.491.782.900
Microsoft Regional Sales Corporation	52.951.579.956	57.761.717.651
Dell Global B.V. (Singapore Branch)	34.329.345.917	199.526.352.550
Các bên thứ ba khác	452.193.106.373	626.900.455.933
	<u>862.981.930.146</u>	<u>954.680.309.034</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	442.873.622.313	473.414.947.179
	<u>1.305.855.552.459</u>	<u>1.428.095.256.213</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản phải trả người bán ngắn hạn trên và không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn chưa thanh toán.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

19 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2019 VND	2018 VND
Bên thứ ba	11.855.255.385	10.809.235.647
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	74.065.646.207	78.540.531.090
	<u>85.920.901.592</u>	<u>89.349.766.737</u>

20 CHI PHÍ TRẢ NGẮN HẠN

	2019 VND	2018 VND
Chi phí thuê kho và vận chuyển	549.516.262	10.274.515.709
Chi phí lãi vay	5.344.004.221	8.490.392.082
Phụ cấp	4.813.930.494	474.089.660
Khác	8.616.671.357	9.106.500.233
	<u>19.324.122.334</u>	<u>28.345.497.684</u>

21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

(a) Ngắn hạn	2019 VND	2018 VND
Doanh thu nhận trước (*)	27.272.727.273	27.272.727.273
Khác	719.415.531	4.597.443.913
	<u>27.992.142.804</u>	<u>31.870.171.186</u>

(b) Dài hạn

	2019 VND	2018 VND
Doanh thu nhận trước (*)	<u>20.454.545.483</u>	<u>47.727.272.747</u>

(*) Đây là khoản tiền nhận từ Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn, một bên liên quan, để cho thuê khu nhà ở và cung cấp dịch vụ phục vụ cho Dự án Nghi Sơn (Thuyết minh 13 và Thuyết minh 41(b)).

22 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn	2019 VND	2018 VND
Phải trả cho các quỹ sử dụng theo quy định của ngành nghề kinh doanh	2.967.817.630	4.729.320.176
Phải trả cho đại lý, khách hàng	39.394.453.530	33.059.818.886
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 28)	32.282.864.484	37.683.689.120
Phải trả cho hợp đồng bảo hiểm các khoản phải thu	-	44.590.090.748
Khác	46.451.102.537	59.350.993.762
	<u>121.096.238.181</u>	<u>179.413.912.692</u>

(b) Dài hạn

	2019 VND	2018 VND
Ký quỹ, ký cược vỏ bình ga (*)	29.001.185.411	27.872.772.164
Ký quỹ, ký cược khác	7.490.188.553	18.791.253.958
Tiền thuê đất ở Vũng Tàu (**)	4.481.270.945	7.030.627.285
Khác	882.489.309	940.518.269
	<u>41.855.134.218</u>	<u>54.635.171.676</u>

(*) Ký quỹ, ký cược vỏ bình ga được kết chuyển vào thu nhập khác tương ứng với thời gian phân bổ khoản trả trước tiền mua vỏ bình ga (Thuyết minh 2.22) theo quy định tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính – “Hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai”.

(**) Đây là khoản tiền thuê đất phải nộp Kho bạc Nhà nước Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu liên quan đến các hợp đồng thuê đất.

23 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn chủ yếu thể hiện giá trị của các khoản vay ngân hàng thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Tại ngày 1.1.2019 VND	Nhận tiền vay trong năm VND	Hoàn trả tiền vay trong năm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2019 VND
Ngân hàng Thương mại cổ phần ("TMCP")					
Ngọại Thương Việt Nam	209.290.236.950	1.038.771.370.849	(937.524.748.209)	-	310.536.859.590
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	407.904.543.961	-	(407.904.543.961)	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	434.735.344.254	656.538.853.250	(1.029.297.023.095)	-	61.977.174.409
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	48.669.089.968	1.696.992.834.433	(1.190.238.131.375)	-	555.423.793.026
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	391.201.759.866	1.409.270.615.584	(1.510.922.006.792)	-	289.550.368.658
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	82.000.000.000	486.200.000.000	(568.200.000.000)	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	28.572.727.562	-	(28.572.727.566)	29.494.928.138	29.494.928.134
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	27.410.669.600	(27.410.669.600)	-	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	11.917.055.159	25.344.109.754	(17.914.069.237)	-	19.347.095.676
Vay cá nhân	-	4.838.450.000	(500.000.000)	-	4.338.450.000
	<u>1.614.290.757.720</u>	<u>5.345.366.903.470</u>	<u>(5.718.483.919.835)</u>	<u>29.494.928.138</u>	<u>1.270.668.669.493</u>

Các khoản vay từ các ngân hàng thương mại được thực hiện dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng hoặc phát hành tín dụng thư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản thế chấp của các khoản vay từ các ngân hàng thương mại bao gồm:

- Cam kết bảo lãnh tín dụng của Công ty mẹ cho các công ty con với giá trị là 3.430,2 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3.812,6 tỷ Đồng và 30 triệu Đô la Mỹ) (Thuyết minh 42(c));
- Quyền sử dụng đất tại số 274 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh và tại số 8E Lương Hữu Khánh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1; và
- Một phần tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 5(a)).

Lãi suất tiền vay được xác định theo lãi suất do các ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân hoặc lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ do các ngân hàng công bố.

23 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

Khoản vay từ cá nhân không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất là 9,9%/năm.

Các khoản vay được thực hiện để phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động của hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

(b) Vay dài hạn

	Tại ngày 1.1.2019 VND	Nhận tiền vay trong năm VND	Hoàn trả tiền vay trong năm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2019 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu (*)	279.910.424.775	-	-	(29.494.928.138)	250.415.496.637
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (**)	-	4.800.000.000	(450.000.000)	-	4.350.000.000
	<u>279.910.424.775</u>	<u>4.800.000.000</u>	<u>(450.000.000)</u>	<u>(29.494.928.138)</u>	<u>254.765.496.637</u>

(*) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Á Châu có hạn mức tín dụng là 400 tỷ Đồng và chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng này công bố.

Khoản vay này được sử dụng để tài trợ đầu tư Dự án Nghi Sơn, có thời hạn là 9 năm kể từ năm 2016 và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án Nghi Sơn; quyền phát sinh từ hợp đồng thuê đất; các khoản phải thu, quyền phát sinh có được theo hợp đồng cho thuê tại Dự án Nghi Sơn và 5.345.200 cổ phiếu của PSA sở hữu bởi Tổng Công ty.

Chi phí lãi vay của khoản vay liên quan đến Dự án Nghi Sơn trước khi Dự án đi vào hoạt động được vốn hóa vào bất động sản đầu tư. Từ tháng 10 năm 2016, sau khi Dự án Nghi Sơn đưa vào hoạt động, chi phí lãi vay được hoàn trả bởi Công ty TNHH Lộc hóa đầu Nghi Sơn, bên đi thuê của Dự án Nghi Sơn.

(**) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á là khoản vay bằng Việt Nam Đồng trong đó bao gồm 2 hợp đồng vay có thời hạn 2 năm, lần lượt từ tháng 10 năm 2019 và từ tháng 12 năm 2019, được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay với lãi suất thay đổi theo từng kỳ do ngân hàng này công bố.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	74.486.291.576	67.424.459.272
Trích lập từ LNST chưa phân phối các năm trước	4.511.149.927	9.339.706.251
Trích lập từ LNST chưa phân phối năm nay	7.218.580.968	8.333.602.990
Tăng do mua công ty con	236.340.501	-
Sử dụng quỹ	(10.235.849.476)	(9.118.976.937)
Chuyển quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các công ty con	(2.084.700.000)	(1.492.500.000)
Giảm khác (*)	(40.074.960.843)	-
Số dư cuối năm	34.056.852.653	74.486.291.576

(*) Bao gồm trong giảm khác là khoản thưởng các nhân viên có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Tổng Công ty.

25 VỐN CỔ PHẦN

(a) Số lượng cổ phiếu

	2019		2018	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	86.600.124	-	86.600.124	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	86.600.124	-	86.600.124	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(1.590.310)	-	(1.590.310)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	85.009.814	-	85.009.814	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2019		2018	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	209.738.510.000	24,7	209.738.510.000	24,7
Các cổ đông khác	641.667.619.368	75,3	641.667.619.368	75,3
	851.406.129.368	100	851.406.129.368	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Cổ phiếu phổ thông VND	Cổ phiếu ưu đãi VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	866.001.240.000	-	866.001.240.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	866.001.240.000	-	866.001.240.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	866.001.240.000	-	866.001.240.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

Mẫu số B 09 – DN/HN

26 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	866.001.240.000	133.918.052.614	56.740.087.775	(35.523.322.342)	172.453.174.126	303.178.676.162	1.496.767.908.335	163.812.852.269	1.660.580.760.604
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	113.081.223.363	113.081.223.363	16.861.274.457	129.942.497.820
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(15.267.255.570)	(15.267.255.570)	(2.406.053.671)	(17.673.309.241)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	(135.936.890.213)	(135.936.890.213)	(35.988.398.831)	(14.595.110.632)
Chia cổ tức	-	-	34.080.000.000	-	-	(768.418.152)	(768.418.152)	768.418.152	(137.845.289.044)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	866.001.240.000	133.918.052.614	90.820.087.775	(50.118.432.974)	172.453.174.126	264.287.335.590	1.477.361.457.131	143.048.092.376	1.620.409.549.507
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	3.400.000.000	3.400.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	122.071.092.323	122.071.092.323	5.245.629.954	127.316.722.277
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(9.620.490.808)	(9.620.490.808)	(2.109.240.087)	(11.729.730.895)
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	-	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	40.896.000.000	-	-	(113.340.103.168)	(72.444.103.168)	(38.630.837.332)	(111.074.940.500)
Tăng do mua công ty con	-	-	-	-	-	(5.452.422.064)	(5.678.392.665)	11.996.000.000	11.996.000.000
Thay đổi tỷ lệ lợi ích	-	-	59.912.225	-	(285.882.826)	-	-	5.678.392.665	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	866.001.240.000	133.918.052.614	131.776.000.000	(50.118.432.974)	272.167.291.300	157.945.411.873	1.511.689.562.813	128.628.037.576	1.640.317.600.389

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của năm 2018 hoặc tạm trích từ kế hoạch lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của năm 2019 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

(**) Theo Nghị quyết số 13/NQ-DVTHDK-ĐHĐCD ngày 26 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty mẹ phê duyệt mức trích lập của quỹ đầu tư và phát triển là 100.000.000.000 Đồng.

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

27 CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của cổ đông không kiểm soát như sau:

	2019 VND	2018 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	181.244.598.000	171.665.773.000
Vốn khác của chủ sở hữu	36.223.230.000	22.686.160.000
Cổ phiếu quỹ	(1.170.000.000)	(1.170.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	7.366.690.987	7.080.808.161
LNST chưa phân phối	(95.036.481.411)	(57.214.648.785)
	<u>128.628.037.576</u>	<u>143.048.092.376</u>

Biến động của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm được trình bày như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	143.048.092.376	163.812.852.269
Tăng vốn góp của chủ sở hữu	3.400.000.000	-
Tăng vốn khác của chủ sở hữu từ cổ tức được chia bằng cổ phiếu	10.137.070.000	8.447.670.000
Lợi nhuận thuần	5.245.629.954	16.861.274.457
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.109.240.087)	(2.406.053.671)
Cổ tức đã chia	(48.767.907.332)	(44.436.068.831)
Tăng do mua công ty con	11.996.000.000	-
Thay đổi tỷ lệ lợi ích	5.678.392.665	768.418.152
	<u>128.628.037.576</u>	<u>143.048.092.376</u>

28 CỔ TỨC PHẢI TRẢ

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	37.683.689.120	22.777.755.034
Cổ tức phải trả trong năm	162.108.010.500	180.372.959.044
Cổ tức chi trả bằng cổ phiếu	(51.033.070.000)	(42.527.670.000)
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(113.304.830.166)	(120.145.639.162)
Giảm khác	(3.170.934.970)	(2.793.715.796)
	<u>32.282.864.484</u>	<u>37.683.689.120</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

29 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mẹ mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	122.071.092.323	113.081.223.363
Tạm trích/Thực trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (VND) (*)	(9.620.490.808)	(10.439.399.027)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	112.450.601.515	102.641.824.336
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	85.009.814	85.851.054
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.323</u>	<u>1.196</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của năm 2018 được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông tương ứng với phần lợi ích phân bổ cho Công ty mẹ.

Trong năm 2019, Tổng Công ty tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận cho năm tài chính 2019 đã được các Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được tính lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc vào ngày 31.12.2018		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	113.081.223.363	-	113.081.223.363
Thực trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (VND) (*)	(6.405.919.489)	(4.033.479.538)	(10.439.399.027)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	106.675.303.874	(4.033.479.538)	102.641.824.336
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	85.851.054	-	85.851.054
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.243</u>	<u>-</u>	<u>1.196</u>

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm đến từ việc chuyển đổi công cụ tài chính khác sang cổ phiếu phổ thông. Công ty mẹ không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng làm suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

30 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 1.893.098,52 Đô la Mỹ và 250,96 Euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.838.469,58 Đô la Mỹ và 262,79 Euro).

(b) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu có thể thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 42(a)(ii).

31 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2019 VND	2018 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	8.547.695.744.167	9.671.234.648.111
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.600.932.822.183	1.566.118.830.419
	<u>10.148.628.566.350</u>	<u>11.237.353.478.530</u>
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(75.984.445.226)	(68.351.778.606)
Giảm giá bán hàng	(15.928.334.551)	(16.367.084.140)
Hàng bán bị trả lại	(48.226.940.380)	(60.658.281.045)
	<u>(140.139.720.157)</u>	<u>(145.377.143.791)</u>
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần về bán hàng	8.407.556.024.010	9.525.857.504.320
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	1.600.932.822.183	1.566.118.830.419
	<u>10.008.488.846.193</u>	<u>11.091.976.334.739</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

32 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	2019 VND	2018 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.245.282.399.533	9.245.319.099.769
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (*) (Hoàn nhập dự phòng)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.157.267.628.409 (5.195.463.560)	1.172.154.959.288 12.061.170.130
	<u>9.397.354.564.382</u>	<u>10.429.535.229.187</u>

(*) Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp bao gồm chi phí lãi vay với số tiền là 28,3 tỷ Đồng (năm 2018: 29,2 tỷ Đồng), liên quan đến lãi vay của Dự án Nghi Sơn. Sau khi Dự án này đưa vào hoạt động, chi phí lãi vay được hoàn trả bởi Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (Thuyết minh 23), bên đi thuê của Dự án Nghi Sơn

33 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền gửi	26.896.128.366	61.028.163.419
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	6.463.225.105	7.285.458.238
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	3.384.565.760
Tiền lãi phạt thanh toán chậm	402.353.015	8.375.041.559
Khác	3.888.608.270	604.640.136
	<u>37.650.314.756</u>	<u>80.677.869.112</u>

34 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền vay	67.681.145.079	93.376.087.267
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.362.314.209	8.709.718.138
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	480.229.299	20.160.000.000
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	24.077.643	-
Chiết khấu thanh toán	225.015.647	2.447.873.728
Khác	3.287.033.544	568.294.733
	<u>73.059.815.421</u>	<u>125.261.973.866</u>

35 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lương	88.949.879.878	86.944.839.253
Chi phí vận chuyển	36.106.697.947	36.188.309.974
Chi phí quảng cáo	9.708.349.011	12.940.920.945
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.820.158.042	2.512.309.275
Chi phí thuê kho	21.560.539.685	22.625.323.369
Chi phí hoa hồng	14.036.097.485	6.831.489.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.560.645.456	12.351.658.022
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.905.398.963	1.804.255.040
Chi phí bảo hiểm	6.299.379.108	3.943.962.453
Chi phí khác bằng tiền	38.631.637.696	54.632.957.177
	<u>223.578.783.271</u>	<u>240.776.025.051</u>

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

36 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lương	86.551.126.492	72.501.979.217
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.196.567.745	8.433.268.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.543.634.881	31.317.748.851
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	75.199.081.694	38.291.826.491
Chi phí quản lý	995.988.167	6.041.917.929
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh 17)	1.530.382.500	1.530.382.500
Khác	52.478.855.669	44.785.869.773
	<u>251.495.637.148</u>	<u>202.902.993.436</u>

37 THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2019 VND	2018 VND
Thu nhập khác		
Phân bổ tiền kỹ quỹ, ký cược vô bình ga	6.174.203.143	5.896.226.162
Tiền phạt thu được (*)	27.626.828.676	169.942.249
Lãi do thanh lý TSCĐ	71.170.091.999	1.328.461.487
Khác	2.846.304.568	6.167.726.032
	<u>107.817.428.386</u>	<u>13.562.355.930</u>
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt (*)	(15.958.743.655)	(1.787.586.088)
Khác	(6.929.568.790)	(2.472.933.541)
	<u>(22.888.312.445)</u>	<u>(4.260.519.629)</u>
Lợi nhuận khác	<u>84.929.115.941</u>	<u>9.301.836.301</u>

(*) Các khoản này thể hiện khoản tiền phạt phải thu từ nhà cung cấp và phải trả cho khách hàng do chậm cung cấp dịch vụ sau khi nghiệm thu hợp đồng trong năm nay.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

38 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 20% theo quy định của luật thuế hiện hành như sau:

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	185.145.058.318	182.512.486.730
Thuế tính ở thuế suất 20%	37.029.011.664	36.502.497.346
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	7.295.496.623	1.680.454.389
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11.616.730.688	14.630.310.809
Dự phòng thiếu/(thừa) thuế TNDN của các năm trước	1.971.786.589	(225.467.767)
Lỗi tính thuế đã được sử dụng	(84.689.523)	(17.805.867)
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>57.828.336.041</u>	<u>52.569.988.910</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	54.517.481.520	55.880.843.431
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 16)	3.310.854.521	(3.310.854.521)
	<u>57.828.336.041</u>	<u>52.569.988.910</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

39 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2019 VND	2018 VND
Giá vốn hàng hóa bất động sản đã bán	29.339.302.052	93.000.662.258
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	514.641.428.795	514.859.563.943
Chi phí nhân công	567.610.090.246	521.120.158.227
Chi phí khấu hao TSCĐ	64.600.145.754	66.739.258.988
Phân bổ lợi thế thương mại	1.530.382.500	1.530.382.500
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.195.463.560)	12.061.170.130
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	75.199.081.694	38.291.826.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	395.774.757.112	405.810.628.886
Chi phí lãi vay hoãn lại (Thuyết minh 32)	28.368.774.772	29.256.661.676
Chi phí vận chuyển	8.686.420.190	7.493.891.523
Chi phí sửa chữa, bảo trì	23.743.430.217	30.456.649.477
Chi phí quản lý trả cho bên liên quan (Thuyết minh 41(a))	995.988.167	6.041.917.929
Chi phí công cụ dụng cụ	18.284.003.662	22.665.686.608
Chi phí thuê văn phòng	16.731.789.278	17.310.893.159
Chi phí quảng cáo	8.129.395.347	13.206.730.313
Chi phí tiếp khách	10.211.202.486	13.349.022.284
Chi phí điện, nước	10.866.559.853	12.856.975.481
Chi phí dịch vụ vệ sinh	69.131.363.987	50.482.869.431
Khác	91.110.493.365	111.998.533.986
	<u>1.929.759.145.917</u>	<u>1.968.533.483.290</u>

► Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

40 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (“BCLCTT”)

(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	2019 VND	2018 VND
Mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác mà chưa thanh toán	82.943.600	2.026.698.327
Góp vốn vào công ty liên kết bằng cách cần trừ với phải thu khác	16.000.000.000	-

(b) Các khoản tiền do Tổng Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng vay của Tổng Công ty như được trình bày ở Thuyết minh 5(a) do Tổng Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng.

(c) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Vay theo kế ước thông thường	5.315.947.783.934	6.662.948.556.690
Khoản vay tăng do mua công ty con	34.219.119.536	-
	<u>5.350.166.903.470</u>	<u>6.662.948.556.690</u>

(d) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Số tiền gốc vay đã thực trả trong năm	<u>5.718.933.919.835</u>	<u>7.078.799.826.342</u>
---------------------------------------	--------------------------	--------------------------

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

Mẫu số B 09 – DN/HN

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

PVN là cổ đông lớn nhất do sở hữu 24,7% vốn cổ phần của Tổng Công ty (Thuyết minh 25).

Theo đó, PVN, các công ty thành viên thuộc PVN, và công ty liên kết của Tổng Công ty được xem là các bên liên quan của Tổng Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2019 VND	2018 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
PVN	102.587.769.064	134.171.945.638
Công ty thành viên thuộc PVN	682.686.218.682	1.416.226.132.790
	<u>785.273.987.746</u>	<u>1.550.398.078.428</u>
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
PVN	23.280.883.112	19.759.753.049
Công ty thành viên thuộc PVN	749.081.248.835	744.366.925.882
	<u>772.362.131.947</u>	<u>764.126.678.931</u>
iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>4.706.346.507</u>	<u>4.775.916.385</u>
iv) Các giao dịch khác		
Cổ tức đã trả cho PVN	20.973.851.000	25.169.460.039
Chi phí quản lý trả cho PVN	995.988.167	6.041.917.929

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2019 VND	2018 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)		
PVN	15.588.778.033	15.192.801.006
Công ty thành viên thuộc PVN	126.442.056.735	274.384.851.335
	<u>142.030.834.768</u>	<u>289.577.652.341</u>
ii) Phải thu ngắn hạn khác		
PVN	-	564.093.538
Công ty thành viên thuộc PVN	-	1.044.022.765
Nhân sự chủ chốt	2.824.646.687	45.969.950.931
	<u>2.824.646.687</u>	<u>47.578.067.234</u>
iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 17)		
PVN	267.091.684.091	301.669.366.269
Công ty thành viên thuộc PVN	175.781.938.222	171.745.580.910
	<u>442.873.622.313</u>	<u>473.414.947.179</u>
iv) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 19)		
Công ty thành viên thuộc PVN	74.065.646.207	78.540.531.090
	<u>74.065.646.207</u>	<u>78.540.531.090</u>
v) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (Thuyết minh 21(a))		
Công ty thành viên thuộc PVN	27.272.727.273	27.272.727.273
	<u>27.272.727.273</u>	<u>27.272.727.273</u>
vi) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn (Thuyết minh 21(b))		
Công ty thành viên thuộc PVN	20.454.545.483	47.727.272.747
	<u>20.454.545.483</u>	<u>47.727.272.747</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

vii) Phải trả ngắn hạn khác

PVN	2.967.817.630	4.729.320.176
Công ty thành viên thuộc PVN	6.162.107.710	17.063.173.604
	<u>9.129.925.340</u>	<u>21.792.493.780</u>

viii) Phải trả dài hạn khác

PVN	1.108.248.372	-
Công ty thành viên thuộc PVN	412.290.726	5.207.861.036
	<u>1.520.539.098</u>	<u>5.207.861.036</u>

42 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

(i) Tổng Công ty là bên đi thuê

Tổng Công ty đã ký hợp đồng thuê đất trong 70 năm tính từ năm 2009 với Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn. Theo đó, Tổng Công ty được miễn tiền thuê đất đến năm 2022. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng ký hợp đồng thuê kho và thuê văn phòng với các nhà cung cấp để thực hiện hoạt động kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2019 VND	2018 VND
Dưới 1 năm	54.676.289.807	12.693.743.792
Từ 1 năm đến 5 năm	43.597.970.137	14.938.377.131
Trên 5 năm	63.963.103.508	54.941.664.415
	<u>162.237.363.452</u>	<u>82.573.785.338</u>

(ii) Tổng Công ty là bên cho thuê

Tổng Công ty đã ký hợp đồng cho thuê hoạt động Dự án Nghi Sơn và cho thuê đất, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	2019 VND	2018 VND
Dưới 1 năm	144.559.684.006	137.408.413.985
Từ 1 năm đến 5 năm	375.620.829.970	388.013.783.137
Trên 5 năm	194.358.846.690	239.914.838.035
	<u>714.539.360.666</u>	<u>765.337.035.157</u>

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Doanh thu, giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019					
	Mua bán thiết bị viễn thông, máy tính, thiết bị VND	Cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí VND	Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi, khí gas VND	Các dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.255.802.830.435	389.134.464.024	1.711.719.666.643	1.651.831.885.091	10.008.488.846.193
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(5.929.596.797.790)	(312.580.781.913)	(1.645.730.762.945)	(1.509.446.221.734)	(9.397.354.564.382)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	326.206.032.645	76.553.682.111	65.988.903.698	142.385.663.357	611.134.281.811

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018					
	Mua bán thiết bị viễn thông, máy tính, thiết bị VND	Cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí VND	Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi, khí gas VND	Các dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.476.312.872.744	1.274.770.115.191	1.663.293.105.389	1.677.600.241.415	11.091.976.334.739
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(6.117.230.528.773)	(1.173.769.472.749)	(1.609.696.775.631)	(1.528.838.452.034)	(10.429.535.229.187)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	359.082.343.971	101.000.642.442	53.596.329.758	148.761.789.381	662.441.105.552

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo) ◀

44 NỢ TIẾM TÀNG

Tổng Công ty đã ký hợp đồng thuê đất và thuê mặt bằng với các nhà cung cấp để thực hiện hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Theo Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty phải trả lại tài sản thuê trong tình trạng như khi nhận, trừ hao mòn tự nhiên hoặc theo đúng như tình trạng đã thỏa thuận; nếu giá trị của tài sản thuê bị giảm sút so với tình trạng khi nhận thì bên cho thuê có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, trừ hao mòn tự nhiên.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và Nợ tiềm tàng và Thông tư số 200/2014/TT-BTC – Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty phải lập dự phòng cho chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng khi kết thúc hợp đồng thuê. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Chủ tịch HĐQT chưa thể có được một ước tính đáng tin cậy về chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng liên quan đến hợp đồng thuê nêu trên nên Tổng Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ trên vào báo cáo tài chính hợp nhất.

45 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Sự lây lan của Virus Covid-19 từ đầu năm 2020 là một tình huống đầy khó khăn và thách thức cho tất cả các ngành nghề kinh doanh. Tổng Công ty đã thực hiện đánh giá sơ bộ ảnh hưởng của vấn đề này đối với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như đánh giá khả năng thu hồi tài sản, đánh giá cách ghi nhận tài sản và nợ phải trả, cũng như đánh giá điều kiện cho vay của các hợp đồng tín dụng của Tổng Công ty,... Tại thời điểm này, Chủ tịch HĐQT không thể ước tính một cách đáng tin cậy ảnh hưởng của vấn đề này đến kết quả tài chính trong năm tiếp theo của Tổng Công ty. Tổng Công ty sẽ tiếp tục theo dõi và đưa ra những biện pháp phù hợp để giảm thiểu rủi ro có thể phát sinh.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Chủ tịch HĐQT phê duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2020

Phạm Thị Ninh
Người lập

Nguyễn Thị Thanh
Kế toán trưởng

Phùng Tuấn Hà
Chủ tịch HĐQT
Ngày 25 tháng 3 năm 2019